

Lời mở đầu

Hôm nay là ngày 25 tháng 12 năm 1999, là ngày lễ Giáng Sinh của Âu Mỹ. Ngồi tại thư phòng chùa Khuông Việt - Na-Uy, tôi bắt đầu viết tác phẩm thứ 28 trong đời mình và là tác phẩm thứ hai viết về chuyến hành hương Trung Quốc từ ngày 2.10 đến 21.10 năm 1999 vừa qua.

Kể ra thì chuyến đi đã kết thúc hơn 2 tháng rồi; nhưng 2 tháng ấy ở tại chùa Viên Giác - Hannover có bao nhiêu chuyện để phải làm. Do vậy mà tác phẩm này được bắt đầu viết tại Na-Uy trong khóa tu học mùa Đông của Tăng Ni Âu Châu và mọi người đã vận tập về chùa Khuông Việt này.

Trời mùa Đông Na-Uy đã 10 giờ sáng rồi mà bầu trời vẫn mờ mịt tuyết giăng, mây kéo. Nếu không có ánh điện đường và điện trong phòng thì người ta cũng nghĩ rằng đêm cũng như ngày chứ không có điều gì khác lạ. Tất cả đều trụi lá, chỉ còn những cây tùng xanh vẫn còn đang đứng đó để chịu đựng với gió buốt mà thôi.

Tổ Qui Sơn trong phần Cảnh Sách há đã chẳng nói sao: Đời người xưa sự tu học của chư vị Tổ Sư vững vàng như thân của cây tùng cây bách. Còn người đời nay chúng ta không có được những chí hướng như

vậy thì hãy làm những dây leo, tùm cao đến đâu thì dây leo cứ bám chặt vào đó mà vươn lên vậy. Chỉ đơn giản thế thôi cũng đáng cho chúng ta suy nghĩ và thực hiện suốt cả một cuộc đời rồi.

Ngày mai 26.12.99 là ngày húy kỵ Thượng Tọa Thích Quán Không, người đã khai sơn phá thạch chùa này và cũng là người đã tạo nên chứ không thọ hưởng gì cả. Vì chùa xây gần xong thì Thầy lại ra đi. Ôi! đời là một cõi tạm, có đó rồi mất đó. Đâu có gì vĩnh cửu ngoại trừ chân lý tối thượng của Đấng Toàn Giác đã dạy cho chúng ta tự ngàn xưa.

Tôi bây giờ cũng đã quá cái tuổi ngũ tuần rồi. Cái tuổi mà phải tri thiên mệnh, cái tuổi mà phải biết mình nhiều hơn biết người. Cái tuổi phải mang kính cận. Cái tuổi phải đi Nha-sĩ và Bác-sĩ nhiều hơn cái tuổi 40. Ở vào lứa tuổi này người ta thường cảm nhận gần gũi với sự chết nhiều hơn là sự sống; nên mỗi người trong chúng ta phải tự tạo một con đường, để rồi một ngày nào đó có nhắm mắt xuôi tay cũng không còn gì để hối hận nữa.

Nhìn ra phía bên ngoài cửa sổ, tuyết vẫn vùn vũ rơi, như bám chặt vào nhau, như xen kẽ vào nhau. Hình như những vật vô tình như thế cũng có một sự sống. Mùa Giáng Sinh nơi đây buồn tẻ. Mọi người đều sống trong phạm vi gia đình và đặc biệt người Na-Uy, nhà của người nào, mặt chính vẫn xây vào phía bên trong, chứ ít có nhà nào xây mặt chính ra ngoài đường cái lớn, ngoại trừ những cửa tiệm. Họ xây lưng lại với thế giới, xây lưng lại với những người chung quanh. Đây cũng là nét văn hóa đặc thù của những người sanh ra và lớn lên tại xứ băng tuyết này.

Cả một xứ Na-Uy rộng hơn nước Việt Nam, có tài sản thiên nhiên như điện lực, dầu mỏ, khoáng sản như thế mà chỉ có gần 5 triệu dân và có gần 15.000 người Việt Nam sinh sống tại nơi đây. Quả thật mọi người đang hưởng một bầu trời quang đãng, không có sự ô nhiễm môi trường và không có ai chung quanh đây đòi hỏi về vấn đề phải cải thiện cuộc sống cả.

Không biết tại những giáo đường lớn người ta có tổ chức gì không? chứ chung quanh đây im lặng như tờ. Trong khi đó, nếu ở Á Châu cũng trong giờ phút này, người ta đang chạy đua xe gắn máy. Mọi người đang tràn ra ngoài đường để cuộn vào dòng người mà vui lây với cái vui của ngày Giáng Sinh này. Ở Phi Luật Tân dĩ nhiên là họ đón Giáng Sinh lớn. Vì nước này đa phần theo Thiên Chúa Giáo, trong khi đó tại Nhật Bản chỉ có 0,01% là tín đồ của đạo này; nhưng ngày Giáng Sinh có không biết bao nhiêu thứ bánh ngọt bày bán khắp nước, để mừng ngày Giáng Sinh chỉ nằm trong ý nghĩa thương mại mà thôi.

Tôi sống tại Âu Châu này; nhưng cũng ít nhiều đã hành xử theo lối Nhật trong cuộc sống. Nghĩa là những gì cần cù nhẫn nại, siêng năng, chăm chỉ thì học theo và ứng dụng vào cuộc sống tu học của mình. Cái gì quá cực đoan, lập dị thì đả lặc đi, để tâm mình khỏi bị phiền não trói chặt vào.

Kỳ này sang Na-Uy có ông Giáo sư người Nhật tên là Harada cũng cùng đi với tôi để tham gia những thời công phu sáng và công phu chiều bằng tiếng Việt. Năm rồi ông ta đã đi hành hương Ấn Độ với phái đoàn từ Âu Châu sang chiêm bái Phật tích và năm nay thì đi Bắc Âu. Ông ta sinh ra trong một gia đình giàu có tại Nhật. Có tín tâm đối với ba ngôi Tam Bảo. Ông bà nội

theo Phật Giáo thuộc Tịnh Độ Chơn Tông. Đến đời cha mẹ của ông tu theo Mật Giáo và hiện tại ông ta đang thờ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát tại nhà.. Ông ta sinh ra và lớn lên tại Nhật, nhưng thành trường sự học tập tại Ba Lan, Mỹ Quốc và Đức Quốc. Hiện giờ là Giáo sư đàn Piano tại Đại Học Hildesheim gần cạnh Hannover. Ông ta có tất cả; nhưng phủ nhận tất cả. Vì biết rằng cuộc đời vốn vô thường, chẳng có gì khả tin bằng giáo lý của Đức Phật; nên đã từ chối nhận gia tài của cha mẹ để lại, mà chỉ nhận một niềm tin nơi Phật Pháp mà thôi. Điều ấy cũng rất là hy hữu đối với nhiều người Nhật ở lứa tuổi 42 như ông ta.

Người Việt Nam chúng ta cũng thế, tôi biết có rất nhiều gia đình gồm nhiều thế hệ khác nhau. Ví dụ như thế hệ của ông bà thì làm quan lại cho triều đình nhà Nguyễn. Đến thế hệ con cái thì đi du học nước ngoài. Cho đến thế hệ cháu nội, cháu ngoại được sinh ra và lớn lên ở nước ngoài thì chỉ lo đi trộm cướp và bài bạc. Như vậy những sự hy sinh của cha mẹ đối với con cái có được ích lợi gì? khi tiền bạc thì kiếm ra nhiều, trong khi đó tri thức thì không có gì cả... quả là một điều đáng lo, vì không biết rằng thế hệ tiếp theo sẽ sống và hành xử với cuộc đời này như thế nào đây?

Hôm qua tôi đã hướng dẫn cho quý Cô, quý Chú trong lớp học này bằng một đoạn trong truyện Bản Sanh, Đức Phật đã dạy rằng:

*Học là ngọn đèn
Xua tan bóng đêm
Là tài sản quý nhất
Trộm không đoạt được
Là khí giới đánh bại kẻ thù
Sự ngu tối về mọi sự*

*Học là bạn tốt nhất
Dạy cho bạn các phương tiện
Là một người quyến thuộc
Không bỏ bạn khi bạn khó nghèo
Là phương thuốc giải sầu
Không làm hại bạn
Là đạo quân công việc tốt nhất
Phái đi dẹp giặc tà hạnh
Là vốn tối thượng của
danh tiếng và vinh quang
Không gì quý hơn là có học
Khi bạn gặp những người giỏi
Bạn sẽ làm cảm kích những học giả
Trong bất cứ hội chúng nào.
Sự học như ngọn đèn xưa tan bóng tối vô minh*

(Ni Sư Thích Nữ Trí Hải dịch
"Giải Thoát Trong Lòng Tay" trang 123-124)

Phật dạy như thế từ ngàn xưa và vẫn có giá trị cho ngày nay và mãi mãi cho đến ngàn sau, sự tu và sự học như thế, bao giờ cũng rất cần thiết cho mọi người, kể cả giới xuất gia lẫn tại gia vậy.

Nhớ có lần tôi ngồi trên xe Bus với người thông dịch tiếng Việt từ tiếng Trung Hoa, tôi có kể cho anh ta nghe rằng tôi rất bận rộn và tôi bây giờ cái gì cũng có; nhưng không có thì giờ. Anh ta bảo rằng: tại Trung Quốc có một câu tục ngữ nói rằng: "Tôi bây giờ chỉ có tiền, ngoài ra tôi không có gì cả". Câu này kể ra cũng hay, dùng để mai mỉa những người chỉ có tiền, mà trí tuệ và sự học thì không có gì cả. Điều ấy không biết tương lai sẽ bị dẫn dắt đi về đâu?

Ở những thế hệ của các bầy Thầy đã dày công xây dựng chùa chiền; hội đoàn; nhưng nếu không lưu tâm đến để xây dựng một đoàn thể Tăng Già đầy đủ đức tin nơi Tam Bảo thì không biết rằng thế hệ thứ hai ấy sẽ ra sao, đừng nói gì đến thế hệ thứ ba hay thứ tư nữa. Vì những thế hệ kế tục này đâu có học, có hạnh và ngay cả việc có công cũng không, do đó dễ đi vào con đường suy thoái. Nếu ngay từ lúc này Giáo Hội không trang bị cho người Tăng Sĩ một sự tu và sự học cho tương lai, chắc rằng những khó khăn sẽ không chừa một ai cả.

Tôi đã đến và đi thong dong tự tại trong cuộc đời này của một kiếp nhân sinh đầy đủ ý nghĩa của nó. Do vậy chỉ muốn ghi lại một vài hình ảnh đã đi qua nhân chuyến hành hương vừa rồi tại Trung Quốc để cho trọn bộ sách về Tứ Đại Danh Sơn. Dĩ nhiên viết về Trung Quốc đã có rất nhiều người viết; nhưng viết về Phật Giáo thì rất ít. Do đó tôi phải dành thì giờ để viết về Nga Mi Sơn; nơi thị hiện của Đức Phổ Hiền Bồ Tát. Cửu Hoa Sơn; nơi thị hiện của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát và một số nơi khác quen thuộc tại Trung Quốc để giới thiệu đến với quý độc giả xa gần; nhất là với những người muốn đi mà chưa đến được.

Còn mấy ngày nữa thì thế kỷ thứ 20 sẽ trôi qua. Cả một ngàn năm của thiên niên kỷ thứ 2 này và cả 100 năm của thế kỷ thứ 20 này có không biết bao nhiêu là vấn đề để phải tường thuật lại, nhằm nhắc nhở cho đàn hậu học biết đến mà tiến thân. Đồng thời cũng là cơ hội tốt nhất để chúng ta sửa soạn bước vào thế kỷ mới; một thế kỷ có nhiều hứa hẹn; nhưng đồng thời cũng là một thế kỷ nhiều lo âu toan tính nhất, so với những thế kỷ đã trôi qua. Người ta lo toan, người ta

tính toán, người ta dự định, đồng thời người ta cũng buông xả... để tất cả sẽ đi đến một sự chấp nhận. Điều ấy có nghĩa tốt hay xấu, chúng ta cũng phải có trách nhiệm với những thành quả sẽ xảy ra vào đầu thế kỷ thứ 21 này.

Đợt đầu đi Trung Quốc cũng 21 ngày vào tháng 10 năm 1997. Sau khi về chúng tôi đã chấp bút để viết thành tác phẩm "Theo Dấu Chân Xưa" để gởi đến quý độc giả khắp nơi. Tác phẩm này cũng được mọi người đón tiếp một cách rất hoan hỷ và hôm nay với tác phẩm này mang tên "Vọng Cổ Nhân Lâu" để nhớ lại người xưa. Người xưa đây cũng là những người đã đến trước và đi trước và cũng có thể đã trở lại trong kiếp này. Người xưa đây là những vị Đại Sư đã có công với Đạo, đã khai sơn phá thạch một thời. Người xưa đây cũng có thể là những vua chúa, công hầu khanh tướng ở vào một thuở xa xôi nào đó trên xứ Trung Nguyên này.

Dĩ nhiên Trung Quốc cũng còn có nhiều cái giới hạn của nó. Vì lẽ một đất nước rộng rãi cũng như dân đông như thế, quả thật không phải là một chuyện đơn thuần để sửa đổi trong một thời gian ngắn mà thành tựu viên mãn được. Sau khi đi Trung Quốc về tôi đã nhận xét rằng: "Xứ Mỹ là xứ có văn minh mà không có văn hóa. Trong khi đó xứ Trung Quốc là xứ có văn hóa mà nhiều nơi chẳng có văn minh". Điều này cũng không phải là tất cả; nhưng là một phần trong tất cả mọi phần vậy.

Tác phẩm này chỉ viết bằng tiếng Việt, sau đó Chú Sanh lại đánh máy, Hiền dò bài, anh Như Thân layout, Hải + Hiền lại cặm cụi in ấn và mọi người lại cắt, đóng, xếp để trở thành một quyển sách phải cần có nhiều thời gian và công sức. Vậy nhân đây chúng tôi cũng xin bày

tỏ một tấm lòng tri ân đối với những vị vừa nêu tên ở phía trên. Riêng quý độc giả có nhiều người đã đợi tác phẩm này hơi lâu vì nhiều lý do thời gian cũng như hoàn cảnh khác nhau; nên mới ra chậm như thế. Kính mong quý vị niệm tình hỷ thú cho.

Nếu tác phẩm này có mang đến một sự hiểu biết và giúp đỡ phần nào đối với quý vị sắp đi hành hương Trung Quốc, thì quả đó là một nguồn động viên lớn cho người viết cũng như người đọc vậy.

Lời cuối xin chấp tay nguyện cầu cho bỏ câu trảng hiện nơi cõi này, để người người sống trong một không khí tự do, bình đẳng thực sự giữa người với người vậy.

Tác phẩm này bắt đầu viết tại Na-Uy; nhưng chấm dứt ở đâu thì chưa biết; cũng có thể là tại Ý hay tại Đức hoặc tại Úc cũng không chừng? Nhưng dầu tại đâu đi chăng nữa vấn đề nội dung mới quan trọng, chứ vấn đề hình thức cũng không nên lưu tâm làm gì.

Vấn tôi vốn bình dân, do vậy mà phần triết học siêu nhiên ít được diễn tả nơi nhiều tác phẩm của tôi. Vì tôi nghĩ, nên đầu tư những tư liệu đơn giản vào tâm thức dễ dàng hơn là những từ Phật Học điển tích, khô khan, khó nhớ.

Đọc văn tức đọc người. Vì tôi là một người vốn được sinh ra từ quê hương, đồng ruộng; nên những ý nghĩ của tôi khi phơi bày trên giấy trắng mực đen nó cũng chỉ đơn thuần như con trâu, chiếc cày, cái cuốc, con cò lặn lội nơi khoảng không gian vô tận của ruộng đồng ấy mà thôi.

Viết sách không phải nhằm phô trương kiến giải thô thiển của mình thấy, nghe và biết; nhưng viết sách riêng tôi có mục đích là ghi lại những gì mắt thấy, tai nghe; những gì chính mình đã kinh qua và bây giờ chỉ

còn có bốn phận phải ghi lại để cho chính mình và mọi người nếu một mai có quên đi, hãy dở sách ra để tìm lại những gì mà mình muốn kiếm, thì nơi sách đã đầy đủ lắm rồi.

Lạy Phật cho con làm tròn những bốn phận mà tự mình giao phó cho mình vậy.

Tại thư phòng chùa Khuông Việt - Na-Uy

Ngày 25 tháng 12 năm 1999

Thích Như Điển

Những ngày ở tại Bắc Kinh

Lễ ra phái đoàn của chúng tôi khởi hành từ Đức vào ngày 1 tháng 10 năm 1999; nhưng năm này Bắc Kinh kỷ niệm 50 năm thành lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa nhân lễ Quốc Khánh vào 1 tháng 10 mỗi năm; nên chính quyền đã không cho người ngoại quốc vào đây trong buổi lễ ấy và ngay cả những người Trung Quốc ở ngoài Bắc Kinh cũng không được phép vào. Mãi cho đến ngày 3 tháng 10 họ mới cho vào. Có lẽ họ sợ một cuộc biểu tình lớn sẽ được tổ chức lúc này; nên mọi sự giao thông từ bên ngoài đến Bắc Kinh đều bị cấm ngặt.

Ngay cả những du khách ngoại quốc đến Trung Quốc trước đó cũng không được phép có mặt tại Bắc Kinh vào ngày 1 và 2 tháng 10 mà phải dời chỗ ở đi nơi khác. Vì họ sợ, nhân ngày lễ kỷ niệm 50 năm này sẽ có biến cố lớn và người ngoại quốc sẵn sàng tiếp tay; nên họ đề phòng trước vẫn hơn thì phải ?

Việc xin Visa đi Trung Quốc không khó ngay cả những người có giấy tờ tỵ nạn, hay quốc tịch Việt Nam. Nếu là quốc tịch Đức hay Mỹ lại càng dễ dãi hơn, không như Ấn Độ. Mỗi lần đi Ấn Độ là một cực hình. Vì họ làm khó dễ đủ điều trong khi xin Visa. Có lẽ họ không cần thêm người nữa. Vì Ấn Độ dân số quá đông ? hay họ có thành kiến với Phật Giáo ? Việc này chẳng ai biết, chỉ có người Ấn Độ và nhất là những quan chức

ngoại giao mới có thể trả lời rành mạch mà thôi! Trong khi đó xin Visa đi Trung Quốc không khó mấy; nhưng lần này với tôi và quý Ni Sư, Sư Cô khác đi cùng đoàn phải làm một giấy cam đoan đặc biệt, mặc dầu tôi cũng có quốc tịch Đức từ lâu. Nội dung của giấy cam đoan như thế này:

"Họ và Tên - Nghề nghiệp - Sinh ngày tháng năm - Hiện là Tăng sĩ Phật Giáo và cam đoan rằng đến Trung Quốc không được phép truyền bá giáo lý Phật Giáo."

Sau đó ký tên vào. Kể ra thì cũng nực cười.

Đoàn hành hương đi kỳ này cốt cũng để đến thăm các chùa tại Trung Quốc, mà dẫu có không cấm đi nữa thì việc truyền đạo đâu phải chỉ một vài giờ hay một vài ngày mà làm được đâu? Có lẽ họ sợ ảnh hưởng của Phật Giáo mạnh lại chẳng? Nhưng tại sao chính quyền lại cho xây tượng Địa Tạng bằng đồng cao 99 thước tại Cửu Hoa Sơn? Tại sao chính quyền cho đúc cả một tượng Di-Đà cao hơn núi tại Vô Hi? Dĩ nhiên không phải vì truyền bá chánh pháp như các thời vua chúa trước. Nhưng có lẽ vì mối lợi vào cửa của khách hành hương chẳng? Hay đây cũng là hình thức để chứng tỏ cho bên ngoài biết rằng nước Cộng Sản Trung Hoa cũng có tự do tôn giáo, chứ có cấm đoán đâu? Quả thật chính sách này người Cộng Sản Việt Nam đã rập theo y mẫu.

Trước khi tôi và phái đoàn đến, phái Pháp Luân Công cũng đã hoạt động rất tích cực tại đây, có hơn cả triệu tín đồ và đặc biệt là bốn bộ đặt tại Mỹ Quốc. Chính quyền sợ họ mạnh hơn số đảng viên họ đang có nên

cuối cùng cho bắt lần hồi những ai hoạt động theo phái này. Nhiều lúc nghĩ cũng nực cười. Trong khi những người có súng đạn, quân đội, bạo lực mà lại sợ những người tay không và chỉ có một lòng tin duy nhất là mục đích mà họ hướng tới; thì những người có thể lực đương quyền lại sợ. Như vậy chứng tỏ rằng bạo lực không là tất cả, mà chỉ có niềm tin mới mang mọi người đến những điểm nút định mà họ đã lựa chọn. Có đức tin là có tất cả. Vì vậy trong kinh Hoa Nghiêm mới có câu: "Niềm tin là mẹ sinh ra mọi công đức" vậy.

Cũng vì lý do như đã nêu trên mà phái đoàn của chúng tôi ngày 2 tháng 10 năm 1999 mới bắt đầu đi từ Đức đến Hòa Lan và từ Hòa Lan sang Bắc Kinh. Phái đoàn đi kỳ này có 18 vị. 5 Tăng Sĩ và 13 Cư Sĩ, trong 13 vị này có 2 vị là Bác sĩ; nên cả đoàn ai cũng an tâm. Trong 18 người đó có 5 quốc gia và nhiều quốc tịch khác nhau. Ví dụ như từ Đức đi có 9 người. Từ Mỹ có 3 vị. Từ Hòa Lan có 4, từ Ý có 1 và từ Pháp cũng có 1 người. Như vậy là một phái đoàn tương đối nhỏ; nhưng rất lý tưởng. Vì dưới 15 người, xem như tổ chức bắt thành. Còn trên 40 người lại quá đông, làm sao lo cho xuể. Thế mà cách đó một tháng chùa Khánh Anh tại Paris đã tổ chức cho phái đoàn đi Trung Quốc gần 100 người. Quả là khiếp vía thật !

Dĩ nhiên tôi cũng đã có những chuyến hành hương đông người hơn thế nữa, nhưng đi người đông, thì người trưởng phái đoàn phải cực nhọc nhiều. Ví dụ năm 1996 tôi cũng đã đến Ấn Độ với một phái đoàn 40 người và nhập chung với phái đoàn bên Mỹ qua, tổng cộng lên đến 120 người. Phải đi 3 xe Bus mới đủ chở người và hành lý; nhưng lúc ấy đã có Thầy Hạnh Tấn, Thầy Hạnh Nguyên và Thầy Minh Tánh lo. Do vậy tôi

đỡ phải vất vả; nhưng khi đến, khi đi, khi vào chuyện rồi mới thấy phái đoàn nào có tu nhiều và phái đoàn nào ít tu sẽ rõ ràng ngay. Rõ ràng qua việc cư xử. Rõ ràng qua việc phát tâm và rõ ràng qua việc tín tâm đối với Đạo v.v...

Đi hành hương không phải là đi du lịch. Vì đi du lịch người ta lấy tiền để đổi lại những tiện nghi của đời phương. Còn ở đây đi hành hương là lấy tâm nhẫn nại để cầu sự thực tu, thực học và cầu giải thoát; nên hai đàng cũng đi; nhưng lại có nhiều sự khác biệt như thế. Có nhiều người không chịu đựng nổi cái dơ, cái trễ giờ, cái làm việc tắc trách của Ấn Độ; nhưng cuối cùng rồi cũng huề cả làng. Vì ngoài sự chờ đợi ra, chúng ta biết làm sao hơn? Ở tại Trung Quốc thì khá về phương diện này; nhưng cũng có nhiều nơi còn lạc hậu lắm; nhứt là những phương tiện công cộng tại miền quê.

Từ Amsterdam của xứ Hòa Lan lúc đi đến Bắc Kinh chỉ cần 9 tiếng đồng hồ; nhưng lúc về từ Hồng Kông phải cần đến 11 tiếng. Mặc dầu nhìn trên bản đồ thấy không có gì cách xa mấy. Chúng tôi đến phi trường Bắc Kinh vào lúc 8 giờ 40 phút sáng ngày 3.10.1999. Phái đoàn sau khi nhận hành lý đã ra khỏi cổng gác liền gặp anh thông dịch viên tiếng Đức. Đầu tiên chúng tôi ngỡ là sẽ có thông dịch viên tiếng Việt; nhưng không sao. Vì những người đến từ Đức, ai cũng hiểu tiếng Đức cả. Anh ta cũng có thể nói được một ít tiếng Anh, nên phái đoàn bên Mỹ cũng rất hài lòng. Tại những thành phố lớn như thế này, những người thông dịch viên rất giỏi. Vì họ có cơ hội trau dồi ngoại ngữ. Trong khi đó, ở những nơi xa vắng ánh sáng thị thành thì những thông dịch viên giỏi ít có mặt tại đây. Quả

thật đây cũng là một sự thiếu sót đối với những người sống tại nông thôn vậy.

Phi trường Bắc Kinh ngày 2.10.1999

Anh thông dịch viên đón phái đoàn chúng tôi về khách sạn Thiên Luân Hoàng Triều, một khách sạn 4 sao mới xây vào thập niên 90 nên rất hiện đại, không thua gì các khách sạn tại Âu Mỹ mấy. Nếu chỉ ở trong khách sạn, đừng nhìn ra cảnh sinh hoạt của dân chúng bên ngoài, người ta cứ tưởng rằng đang ở tại một xứ Âu Mỹ nào đó. Quả thật sau 2 năm trở lại Trung Quốc thấy tại đây, nhất là Bắc Kinh thay đổi quá nhiều; ngay cả tại Thiên An Môn. Nếu 10 năm sau mới trở lại, chắc rằng những ngôi nhà cũ kỹ từ đời nhà Minh, nhà Thanh không còn tồn tại nữa quá !

Phái đoàn đã đến phi trường Bắc Kinh

Xe cộ giao thông càng ngày càng nhiều mà đường sá thì mở rộng chưa kịp. Nếu cứ độ này 10 năm sau nữa thì người đi bộ trong thành phố sẽ nhanh hơn người đi xe chằng? Trước khi đi Trung Quốc tôi có đọc một thống kê về độ ô nhiễm trên thế giới đáng báo động gồm 12 thành phố, mà trong đó Trung Quốc đã chiếm kỷ lục là 8 thành phố rồi. Đi đến đâu cũng chỉ thấy người, khói và bụi. Nhìn lên bầu trời thấy khói lan tỏa như những đám mây, không khí thật ngột thở. Có nhiều người đến từ Âu Châu bị bệnh hoạn cũng tại lý do này là chính. Đồng thời những nước không bị ô nhiễm và sạch sẽ được xếp thứ tự như sau: Na-Uy về đầu, sau đó đến Úc, thứ 3 là Canada, thứ 8 là Mỹ, thứ 14 là nước Đức và thứ 148 là nước Việt Nam. Như vậy nghèo đói Việt Nam vẫn dẫn đầu, mà môi sinh cũng kém thua xa các nước khác trên thế giới. Quả là một

cái nghiệp quá nặng nề mà chính cả một dân tộc phải cấp thời sám hối, chứ không phải chỉ sám hối cho từng người riêng lẻ.

Năm nay tôi trở lại Trung Quốc thấy đường sá sạch hơn 2 năm trước. Xe hơi cũng nhiều hơn và xe đạp lại ít đi; những tiệm tạp hóa tư nhân mở ra nhan nhản khắp các phố phường và giá cả thì rẻ gần như cho và tại Bắc Kinh không cần trả giá cũng không lắm; nhưng nếu vào những cơ quan thương mại của chính phủ thì chúng ta có quyền này, mặc dầu những người hướng dẫn viên du lịch luôn luôn bảo đảm rằng: mua trong những cửa hàng chính phủ không bị lừa, mà mua bên ngoài thì không phải đồ thật. Nhiều người cũng nghĩ rằng nếu giá rẻ thì cứ mua chứ, dầu có thật hay giả gì đi chẳng nữa, đến khi bị hư hại đâu có ai mang đến Trung Quốc để đổi lại làm gì nữa mà lo?

Tôi đôi khi lại góp ý vào với mọi người rằng: "Nhưng ở đời này cái gì cũng giả hết, chứ đâu có cái gì thật ngoài trừ chân lý!". Thế là cả đoàn đều cười òa lên, như để chứng minh rằng mình hiểu lẽ vô thường và thành trụ hoại không của sự vật vậy.

Cả đoàn ai cũng dừng nên trông cho khách sạn dọn phòng xong là mang đồ lên, nghỉ một chút, sau đó đi ăn cơm trưa phía ngoài và buổi chiều thì phái đoàn đi thăm Thiên An Môn cũng như Cố Cung hay nói đúng hơn là Tử Cấm Thành. Mọi người đều theo sau anh hướng dẫn viên tiếng Đức và lúc nào anh ta cũng lưu ý là phải nhìn theo cây cờ của anh ta, kéo đi lạc. Thế mà cũng đã có người trong đoàn bị lạc, khiến cho cả đoàn lại ngóng cổ chờ trông. Vì nhìn người Hoa cũng như

người Việt. Người Việt cũng như người Nhật, biết đâu mà dò.

Hình Bác sĩ Tôn Dật Tiên
tại quảng trường Thiên An Môn ngày 3.10.99

Tôi nhớ rằng 2 năm trước cũng có người trong đoàn lạc tại đây và năm nay cũng có người lạc; nên tôi tự nghĩ rằng đúng là chúng ta con cháu của Lạc Việt; nên đã trôi nổi trên khắp mọi chân trời góc biển của quả địa cầu này. Tại quảng trường Thiên An Môn lần này cũng treo hình của Bác sĩ Tôn Dật Tiên đối diện với hình của Mao Trạch Đông. Các tỉnh từ xa về đã trang hoàng những xe hoa, trên đó diễn tả lại sự sinh hoạt của tỉnh mình như đập thủy điện, công nghiệp, dệt vải, kỹ nghệ v.v... Có thể là mỗi tỉnh có một xe hoa giới thiệu như thế; nên quảng trường Thiên An Môn trở nên chật hẹp lạ thường. Mặc dầu đây là một quảng trường rộng nhất thế giới, nghe đâu mỗi lần tập họp có thể lên đến cả triệu người.

Đi thăm Cố Cung lần này tôi không hứng khởi mấy, vì lần trước đã được cô Lộ, thông dịch viên tiếng Việt hướng dẫn tường tận rồi. Tuy nhiên phái đoàn cũng chụp hình trước lầu kia phủ nọ để mang về làm kỷ niệm. Sau đó thì ra thăm vườn Ngự Uyển của nhà vua. Anh hướng dẫn viên cũng định dẫn đi thăm chỗ ở của Tam Cung, Lục Viện thời vua chúa; nhưng không ngờ đã đến giờ đóng cửa, cho nên phái đoàn chẳng được vào.

Sau đó phái đoàn trở về lại khách sạn thì gặp thông dịch viên tiếng Việt đến từ Quảng Tây thuộc thủ phủ Nam Ninh, cách đó hơn 36 tiếng đồng hồ xe lửa.

Đầu tiên anh ta chào chúng tôi bằng một loại tiếng Việt khó quên. Nghĩa là: Chào các Bác, các Bác có mạnh khỏe không? Đó có lẽ là một câu chào hỏi thông dụng được học nơi trường. Cả đoàn ai cũng cười. Vì lẽ trong đoàn của chúng tôi không những chỉ có các Bác, mà còn quý Thầy, quý Cô và nhiều anh chị khác nữa; nhưng ai cũng vui, vì lẽ đã có người thông dịch quốc gia bằng tiếng Việt sẽ đi cùng đoàn suốt 21 ngày còn lại.

Phái đoàn tối đó đi phố, còn tôi thì ở lại khách sạn để điện thoại đi vài nơi và tối đó cũng đã được điện thoại của Sư Cô Tịnh Nghĩa đang du học tại Trung Quốc qua học bổng của

Trước Cổ Cung

chùa Viên Giác cung cấp, cô muốn đến thăm tôi và phái đoàn vào sáng hôm sau. Trước đây Sư Cô học tại trường Đại Học Sư Phạm Quế Lâm; nơi có phong cảnh

tuyệt vời của xứ Trung Quốc; nhưng vì trường học thay đổi sao đó, nên Sư Cô đã dời về Hoa Nam cách Bắc Kinh chừng 12 tiếng đồng hồ xe lửa. Mới 6 giờ sáng Sư Cô và một cô sinh viên Việt Nam nữa đã tìm tới khách sạn nơi chúng tôi ở, cùng dùng điểm tâm chung và sau đó mọi người cùng lên xe Bus để đi thăm Thập Tam Lăng triều nhà Minh cũng như thăm Vạn Lý Trường Thành.

Nhà Minh trị vì Trung Quốc từ năm 1368 đến 1644, gần 300 năm ấy triều đại này đã xây dựng Bắc Kinh trở thành một thủ đô văn hóa như ngày hôm nay. Triều đại nhà Thanh được kế tục từ năm 1644 đến 1911 cũng gần 300 năm lịch sử và cả hai triều đại này đều đóng đô ở Bắc Kinh. Như vậy Bắc Kinh là thủ đô lâu dài nhất của hai triều đại này; nên họ mới có cơ hội để xây dựng đền đài cung điện, lăng tẩm đồ sộ đến như thế.

Nội Cung

Đến thăm Thập Tam Lăng lần này vào ngày 4.10.1999 cũng không có gì đặc biệt như lần trước tôi đã đi qua và đã có lần viết trong quyển "Theo Dấu Chân Xưa" rồi; nên lần này không viết lại nữa. Chỉ có một điều duy nhất và không quên là tôi luôn luôn lưu ý đến quý vị trong đoàn nên mua trái lê tại nơi này. Vì lê đây rất lớn, rất giòn, rất ngon và lại rất rẻ. Mà quả thật thế, suốt 21 ngày còn lại Thầy Thông Trí, đến từ Hòa Lan, là người chịu khó nhọc nhất để quây những trái lê này cho đến Quảng Châu mới hết vai mang tay xách nữa.

Từ Cẩm Thành

Đào lộn hột ở đây trái rất lớn, rất ngọt và rất rẻ; nhưng ngặt nỗi đào này giữ gìn không được lâu; chỉ

hôm trước đến hôm sau phải dùng. Nếu không sẽ bị ủng hư thối mất, rất uổng công. Nếu quý vị nào đó có nhân duyên đi thăm Trung Quốc vào mùa thu cỡ tháng 9 đến tháng 11 dương lịch mỗi năm, khi ghé thăm Thập Tam Lăng đừng bao giờ quên mua những trái lê tình nghĩa tại xứ này. Tôi quảng cáo không công cho những người nhà nông, có lẽ vì tôi có nhân duyên với người chân bần tay lấm này chăng?

Hai năm trước chúng tôi đến Vạn Lý Trường Thành ở ngõ khác, hai năm sau trở lại chẳng biết đi hướng nào là hướng cũ, chỉ biết rằng hướng này không phải hướng lần trước mà thôi. Tuy nhiên nhiều người cũng leo lên đến đỉnh. Riêng Thầy Thông Trí thì không những leo lên đến đỉnh mà còn đi vòng qua đỉnh để đi xuống dưới, khiến phái đoàn phải chờ đợi bên này tường thành; nhưng ai cũng đoán là Thầy đã đi ngõ khác. Vì Thầy còn thanh niên, mạnh khỏe.

Cùng với quý Sư Cô Việt Nam tại Bắc Kinh

Tại đây có nhiều người Pháp, người Đức đến viếng thăm. Họ mở sâm-banh (champagne) nghe nổ chát chúa tai. Có lẽ vì họ đã đạt được mục đích rồi chăng? Mọi người nói cười vui vẻ. Có lẽ họ không để ý đến sự có mặt của tôi và họ nói tiếng Pháp, nhiều câu hiểu ra nghe ngò ngộ. Dĩ nhiên là khen cũng có, mà chê thì cũng không ít. Tôi lắng lắng tập nghe để hiểu một dân tộc Âu Châu nói về một dân tộc Á Châu có 4.000 năm văn hiến như xứ Trung Hoa này.

Vạn Lý Trường Thành

Bắt đáo Trường Thành phi hảo Hán

Ngày hôm sau, 5.10.1999, phái đoàn ra phi trường Bắc Kinh vào lúc 7 giờ 30 phút sáng, có cô Tịnh

Nghĩa và cô sinh viên Việt Nam tiễn chân, để rồi hai cô cũng về lại nơi trọ học của mình. Còn chúng tôi chuẩn bị cho chuyến bay 10 giờ 35 phút nhưng mãi tới 13 giờ 10 phút phái đoàn mới lên được máy bay để đi Hefei (Hợp Phì) và sau gần 2 giờ bay thì đến đích. Đoạn đường này có lẽ xa như từ Kiel đến München. Trưa hôm đó phái đoàn phải ăn mì gói; nhưng rất ngon. Tại đây, phái đoàn chúng tôi cũng đã gặp những Phật Tử Đài Loan đi hành hương đến Cửu Hoa Sơn và họ cũng đã đi cùng chuyến máy bay với chúng tôi để đến Hợp Phì và sau đó đi xe Bus để đến Cửu Hoa Sơn.

Dưới chân Vạn Lý

Những ngày tại Cửu Hoa Sơn

Từ Hefei (Hợp Phì) đi Cửu Hoa Sơn đường dài 272 cây số; nhưng toàn là đường làng, do vậy đến 9 giờ đêm phái đoàn mới đến được khách sạn. Lần này chúng tôi gặp một anh thông dịch tiếng Anh, mới đầu anh ta nói còn hiểu; nhưng nói lâu thì chỉ đoán để mà dịch thôi, vì chẳng biết anh ta muốn nói cái gì. Có nhiều lúc tôi muốn anh ta nói tiếng Tàu để Lương Nghị, người thông dịch tiếng Việt, dịch thẳng ra tiếng Việt nhanh hơn; nhưng có lẽ anh ta cũng muốn chứng tỏ rằng tại miền thánh địa này vẫn có người nói tiếng Anh được, cho nên anh ta cứ tiếp tục giải thích bằng tiếng Anh và tôi cũng như Thầy Thông Trí cứ đoán mà dịch.

Đọc hai bên đường tôi trông thấy những ruộng lúa trải dài như những tấm thảm có màu xanh vàng, đậm nhạt khác nhau, dệt nên những gấm hoa của thiên nhiên và tạo vật, trông đẹp mắt vô cùng. Thỉnh thoảng thấy có những vòng khoai lang được trồng sát lề đường, có nơi được đào lên có màu đỏ tươi, trông mà mát mắt. Ai trong đoàn cũng thích ăn rau tươi, nhất là rau lang và củ lang; nhưng phải đợi đến mấy ngày sau mới thực hiện được, chứ trong lúc này chẳng ai dám mơ tưởng gì hơn là sớm về khách sạn để nghỉ lưng. Nhưng hồi ơi,

là một khách sạn bình dân, hôi hám, dơ dáy, nước chảy cùng phòng khiến ai cũng sinh ra bực bội; nhưng ai trong đoàn cũng nghĩ là mình đang đi hành hương chiêm bái các thánh tích của Phật Giáo, do vậy mọi chuyện lại cũng trôi qua đi.

Cửu Hoa Sơn là một trong bốn thánh tích của Phật Giáo, là nơi thị hiện của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Ngũ Đài Sơn là nơi thị hiện của Đức Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Nga Mi Sơn là nơi thị hiện của Đức Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát.

Phổ Đà Sơn là nơi thị hiện của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Ngũ Đài Sơn và Phổ Đà Sơn chúng tôi đã đi lần trước. Lần này là chủ yếu đi hai nơi còn lại.

Tương truyền rằng vào thế kỷ thứ 8 có Ngài Kim-Kiao-Kak (Kim- Kiều-Giác) người Đại Hàn, xuất thân từ Hoàng tộc đã vượt biển để đến núi Cửu Hoa tu hành và Ngài đã ở núi này tổng cộng là 75 năm. Trong 75 năm đó lúc nào Ngài cũng đi tìm Hóa thân của Ngài Địa Tạng; nhưng cuối cùng Ngài đã viên tịch ở tuổi 99 và hào quang đã tỏa rạng khắp nhục thân của Ngài; nên mọi người đã xưng tụng Ngài là hóa thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Tại đây cũng có 99 ngọn núi rất nổi tiếng và rất cao; nên năm nay vào lúc 9 giờ sáng ngày 9 tháng 9 năm 1999 Hội Phật Giáo Trung Quốc được sự

Tượng Địa Tạng cao 99 thước tại Cửu Hoa Sơn đang xây dựng bảo trợ của chính quyền và Ủy Ban Tôn Giáo Nhà Nước nên đã bắt đầu xây dựng một tượng Địa Tạng (Ksitigarbha) cao 99 thước trên một khu đất với diện tích 100.000 thước vuông và dự tính xây cất tốn khoảng 400 triệu nhân dân tệ (tiền Trung Quốc), tức nhằm vào khoảng 100.000.000 Đức Mã.

Tượng này ở tại núi Cửu Hoa thuộc tỉnh An Huy (Anhui). Không những tại đây chỉ xây tượng Địa Tạng mà còn xây ngôi chùa Dajue (Đại Giác) gồm có 27 tòa nhà, điện đường được liệt kê như sau:

1. Ngõ chính vào chùa
2. Ngũ môn
3. Sơn môn điện
4. Thủy tạ đài
5. Thiên vương điện
6. Đại Hùng Bửu Điện
7. Chung cổ lầu
8. Giảng kinh đường
9. Tạng kinh lầu
10. Tôn tượng Địa Tạng cao 99 thước
11. La Hán đường
12. Thiên đường
13. Giới đường
14. Vân Thủy đường
15. Tổ Sư điện
16. Tiếp Dẫn điện
17. Công Đức đường
18. Khách đường
19. Niệm Phật đường
20. Phương Trượng liêu
21. Phật Giáo Nghiên Cứu Viện
22. Diên Thọ đường
23. Tăng liêu
24. Trai đường
25. Thượng khách đường
26. Đại liêu
27. Thoái cư liêu.

Trong 27 nơi này, mỗi nơi bằng một chùa lớn của Việt Nam chúng ta, còn đa phần các chùa chiền tại Trung Quốc đều cấu tạo như thế cả. Có lẽ vì dân đông, hay vì đầu óc của người Trung Quốc to lớn nên mới làm được những chuyện vĩ đại như vậy. Riêng Phật Giáo Việt Nam chúng ta cũng có hành trì pháp môn bố thí đầy; nhưng tất cả còn giới hạn. Có lẽ quê hương ta còn nghèo chẳng nên những công trình của Phật Giáo tại quốc nội cũng như hải ngoại ít có công trình nào đáng kể.

Tiện thể tôi xin giải thích một vài danh từ khó hiểu trong 27 công trình trên:

11. La Hán đường là nơi thờ 500 vị A-La-Hán

13. Giới đường là nơi để tổ chức các kỳ thọ giới Sa Di, Sa Di Ni, Thức Xoa, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Bồ Tát v.v...

14. Vân Thủy đường để làm gì tôi không rõ, ngay cả tra tự điển Hán-Việt Phật Học tự điển cũng không thấy có. Có thể để làm lễ phóng sanh chăng?

16. Tiếp Dẫn điện là nhà quàng những người chết.

17. Công Đức đường là nơi ghi tên cúng dường vào các Phật sự khác nhau của chùa.

19. Niệm Phật đường là nơi Phật Tử đến tu theo Pháp Môn Niệm Phật.

20. Phương Trượng liêu là nơi ở của vị Hòa Thượng.

22. Diên Thọ đường là nơi cầu an hoặc cầu sống lâu.

23. Tăng liêu là nơi ở của Tăng chúng.

24. Trai đường là nơi dùng cơm.

25. Thượng khách đường là nhà nghỉ đêm của khách.

26. Đại liêu là liêu lớn có thể cho những vị Cư Sĩ giúp việc ở.

27. Thoái cư liêu là nơi ở cho những vị đã quá tuổi làm việc. Đây giống như nhà dưỡng lão tại Tây Phương.

So ra một ngôi chùa Đại Giác tại Cửu Hoa Sơn như vậy cũng lớn hơn 50 đến 100 lần các ngôi chùa Việt Nam của chúng ta, đó là chưa kể tượng Địa Tạng cao 99 thước. Một công trình như thế được gọi là một công trình lịch sử được xây dựng bằng tiền của cúng dường vào cuối thế kỷ thứ 20 này tại Trung Quốc. Dĩ nhiên chính phủ, mặc dầu là Chính phủ Cộng Sản; nhưng họ hưởng được mỗi lợi trong công trình qua việc thu vé vào cửa và nộp thuế cho nhà nước, nên đại gì mà họ cản ngăn. Họ còn khuyến khích nữa là đặng khác.

Đêm đó chúng tôi ngủ với một giấc ngủ chập chờn, rồi vắng nghe đâu đây tiếng chuông chùa vào canh năm. Thế là mọi người đều lục tục thức dậy dùng điểm tâm rồi lại lên đường với những dụng cụ leo núi.

Đầu tiên chúng tôi lên chùa "Hồi Hương Các" nơi đây có gặp Pháp Sư Huệ Quang, trụ trì ngôi chùa. Ngài có giới thiệu sơ qua về Cửu Hoa Sơn. Phái đoàn đã cúng dường xây chùa và Ngài đã trao quà lưu niệm.

Hồi Hương Các tại Cửu Hoa Sơn.

Rời Hồi Hương Các, phái đoàn đã lên đến "Phi Hoàng Kiều", nơi đây sơn thủy hữu tình. Tại đây chúng tôi đã chụp nhiều hình lưu niệm. Cảnh vật tại đây y hệt như những tranh thủy mặc của các họa sĩ tài hoa Trung Quốc phóng bút. Trên thì trời, mây lồng lộng gió. Dưới chân núi có những cụm mây là đà lảng vảng dưới chân khách trần ai, cảm như mình đã thoát tục. Đến đây tôi lại nhớ đến nhà thơ Chu Mạnh Trinh đi thăm Chùa Hương đã tức cảnh sinh tình và đã có thơ rằng:

Bầu trời cảnh Bụt

Thú Hương Sơn ao ước mấy lâu nay

Kìa non non, nước nước, mây mây

Đệ nhất động hỏi là đây có phải

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái

Lững lờ khe yển có nghe kinh

Thoảng đâu đây một tiếng chày kinh

Khách tang hải giật mình trong giấc mộng

Này suối Giải Oan, này đền Cửa Võng

Này hang Phật tích, này động Tuyết Khuynh

Nhác trông lên ai khéo vẽ nên hình

*Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt
Thấp thoáng một hang lồng bóng nguyệt
Chập chờn uốn khúc mấy thang mây*

.....

*Lần tràng hạt niệm Nam Vô Phật
Cửa Từ Bi công đức biết là bao
Càng xem phong cảnh càng yêu.*

Nếu mà Chu Mạnh Trinh còn sống, ông đã đến Cửu Hoa Sơn và đến Phi Hoàng Kiều này để thăm, chắc rằng ông ta có nhiều bài thơ hay hơn thế nữa.

Đoạn đường cuối cùng chúng tôi phải leo dốc sáng nay là chùa có ứng thân Bồ Tát Hải Ngọc. Ngài đã tịch từ đời nhà Đường; nhưng hiện tại nhục thân vẫn còn tại đây. Điều ấy chứng tỏ rằng trước khi Ngài Kim-Kiều-Giác đến đây năm 719 cũng đã có nhiều vị Đại Sư đã tu chứng tại núi này rồi. Sau khi đánh lễ nhục thân của Ngài Hải Ngọc, phái đoàn chúng tôi xuống núi bằng đường bộ, dọc đường đi thấy rất nhiều người đi kiệu lên núi để lễ Phật. Nhìn dáng thấy giống các công tử từ Hồng Kông hay Đài Loan đến đây để thăm viếng nơi thánh tích này; nhưng không đi bộ nổi, nên mới ngồi lên kiệu vậy. Kiệu là một cái ghế làm bằng mây hoặc tre, hai bên có tay cầm, phía sau có chỗ dựa. Có hai cây gỗ hoặc tre cột dài hai bên thành ghế và cứ thế hai người phu kê hai vai vào khiêng. Nhiều lúc lên dốc cao trông rất ngặt; nên có nhiều người không dám đi nữa. Đôi khi phải đổi thế ngồi. Ví dụ khi đi lên thì người ngồi xoay mặt xuống, khi đi xuống thì xoay mặt lên chẳng hạn.

Thỉnh thoảng trên đường đi xuống chúng tôi cũng gặp những người phu gánh sạn cát lên chùa. Hỏi ra mới biết mỗi gánh nặng như thế chỉ được trả 4 Yuan,

tức khoảng 1 Đức Mã. Đa phần những người hành hương cho thêm tiền và nói rằng shinku ne (tân khổ = cực nhọc). Tiếng Nhật thì nói gokurosama desu (khổ lao = cực khổ lao nhọc) để tạo thêm sức mạnh cho người gánh, đồng thời cũng để động viên cũng như cảm ơn họ nữa.

Nơi thờ nhục thân của Ngài Kim-Kiều-Giác

Buổi chiều cả phái đoàn đi bộ, chống gậy lên thăm Nhục Thân Bảo Điện; nơi đây có chôn Ngài Kim-Kiều-Giác sau khi tịch. Cảnh trí nơi đây thật hùng vĩ; đứng là vị thế của một vị Địa Tạng hiện thân vào đời Đường. Chúng tôi có vào chánh điện và đi nhiều chung quanh tháp của Ngài. Tháp này chôn ngay trong chùa. Có lẽ trước đây tháp bên ngoài; nhưng sau này người ta xây chùa lên để tháp đỡ chịu mưa nắng cũng nên. Cũng có nhiều người Đại Hàn đến đây hành hương. Vì vậy thông dịch viên tiếng Đại Hàn ở đây cũng có nữa. Vì là quê hương, là chốn của Tổ, mà vị ấy đến từ Đại Hàn; nên họ cũng đã được ảnh hưởng lây.

Từ chùa này đi xuống chùa Địa Tạng phải qua một tam cấp thẳng đứng gồm 99 nấc. Nếu ai đi không lưu tâm, dễ bị vấp té. Chung quanh thang đá là những cây tùng, cây bách sống cả ngàn năm vẫn còn trơ gan cùng tuế nguyệt. Có lẽ những cây này là nhân chứng khi Ngài Kim-Kiều-Giác còn tu nơi đây, mà người xưa thì bây giờ còn tìm đâu ra nữa. Nên lời kinh xưa vẫn còn vang vọng bên tai của tôi rằng:

*"Sơn trung tự hữu thiên niên thọ
Thế thượng nan lưu bá tuế nhưn"*

Nghĩa là:

*"Trong núi kia có cây sống cả hàng ngàn năm
Nhưng đời người mấy ai sống được trăm tuổi"*

Quả đúng như vậy. Con người qua sự biến đổi của cuộc đời, của nhân duyên nên giai đoạn thành, trụ, hoại, không, nhiều lúc ngắn hơn là cây cỏ hay những động vật khác nữa. Nhưng tất cả rồi cũng phải trở về không thôi. Tại chùa Địa Tạng có an trí nhục thân của Ngài Từ-Minh Lão Sư. Ngài tịch cho đến nay đã được 8 năm. Sau khi chôn 4 năm thì đào lên và nhục thể của Ngài đang ngồi theo lối liên hoa tọa và được thờ tại chánh điện chùa Địa Tạng này. Nghe đâu tại toàn Cửu Hoa Sơn có đến 10 nhục thân của các vị Hòa Thượng. Chứng tỏ rằng nơi đây đã có nhiều vị tu hành đã đắc đạo.

Phía trước Địa-Tạng tự là Di-Lặc Đường. Chùa này đang xây cất, trông rất hùng vĩ. Mới chỉ nhìn cái cổng Tam Quan không thôi đã thấy Việt Nam mình không có được ngôi chùa nào như thế rồi. Quả là điều

đáng suy nghĩ vậy. Trước Di-Lặc Đường có thờ một tượng Di-Đà phóng quang, bằng đồng, cao 5 thước, trông rất uy nghi. Tiếp theo chúng tôi viếng thăm Đại-Bi lầu. Nơi đây gặp các vị Sư đang Chấn Tế Cô Hồn.

Chùa nào tại Trung Quốc trông cũng rất đồ sộ; nhưng chánh điện không rộng mấy. Vì ở giữa phần tôn trí các tôn tượng đã chật hết cả ngôi chùa rồi. So ra với các chánh điện chùa Việt Nam, chúng ta vẫn có cái đẹp hơn và rộng rãi hơn. Ví dụ vào bất cứ chùa nào của Việt Nam cũng không được mang giày dép vào; nhưng ở các chùa Trung Quốc thì ngược lại. Việc lễ Phật cũng không thoải mái bằng các chùa của Việt Nam. Hình thức bên ngoài và cách điêu khắc tượng gỗ của Trung Quốc, thì Phật Giáo Việt Nam chúng ta không bằng; nhưng bên trong chùa, nhất là cách bày trí, Phật Giáo Việt Nam chúng ta khá hơn.

Tối đó quý Thầy, quý Cô và một số quý Phật Tử đi thỉnh tượng tại các cửa tiệm. Tiệm đây cũng xin mở ngoặc để quý vị tường. Nếu quý Phật Tử đi hành hương tại Trung Quốc chỉ có 2 nơi có tượng nhiều và tương đối đẹp, rẻ; đó là Phổ Đà Sơn và Cửu Hoa Sơn. Nên cố gắng mang đeo gì đó; nhưng không nên tậu nhiều. Vì sẽ khổ sở đèo bồng trên tuyến đường còn lại; nhưng nếu đã định thỉnh tượng; thì nên thỉnh tại 2 nơi này, còn những nơi khác có rất ít tượng, mà tượng lại không đẹp nữa.

Ngày hôm sau 7.10.1999 cả đoàn lên xe Bus và sau đó ngồi lên thang máy treo (Cable car) để lên núi cao 1.350 thước ở phía Đông và cũng là ngọn chính của Cửu Hoa Sơn này. Hãng thang máy của Áo đã đầu tư vào những công trình

Chùa Thiên Thai

xây dựng thang máy treo này. Có lẽ vì xứ này có kỹ thuật xây dựng cao trong vấn đề thang máy treo để đi trượt tuyết, nên nhà nước Trung Hoa đã gọi thầu vậy. Đoạn đường thang máy đi bằng dây treo này là 476 thước, có nghĩa là gần nửa cây số, độ chừng 12 phút thì tới đỉnh. Đỉnh này gọi là đỉnh Thiên Thai. Không biết ngày xưa người ta di chuyển như thế nào mà có thể khuân những khúc gỗ và đá cũng như gạch ngói để xây những ngôi chùa đồ sộ trên chót núi cao hơn 1.300 thước ấy; nhưng ngói, xi-măng, sắt, vôi v.v... chắc chắn phải mang từ dưới lên trên rồi, mà những ngày tháng xa xôi ấy làm gì có thang máy hiện đại như ngày nay. Quả thật cái ý chí của người xưa đáng thán phục biết bao! Trong khi đó đời nay người ta có đầy đủ phương tiện; nhưng chẳng mấy ai quan tâm đến sự khổ nhọc này cả. Kể cũng hững hờ thật.

Từ trong xe Cable này người ta có thể trông ra hai bên để nhìn cảnh vật chung quanh mình. Những cây mây rừng cao vút; những bụi tre lồ-ồ thẳng ngọn; những cây tùng, cây bách vươn cao vào không gian vô tận, để rồi chìm ngấm vào các cụm mây là đà bên chân lữ khách, thật xứng với một đoạn trong bài thơ Nhớ Chùa của Huyền Không như sau:

*"Có những cây mai sống trọn đời
Bên hàng tùng trúc mãi xanh tươi
Nhìn lên phẳng phất hương trầm tỏa
Đức Phật từ bi mỉm miệng cười"*

Đạo là thế, chùa là vậy, chỉ đơn giản thôi; nhưng sao mà nó lại đẹp lạ lùng. Có lẽ thiên nhiên đã ưu đãi cho những người muốn lánh cảnh trần ai tục lụy; nên đã trang bị cho những nơi này một khung cảnh đẹp tuyệt trần.

Chánh điện chùa Thiên Thai đang xây dựng

Qua khỏi trạm dây Cable trên đỉnh Thiên Thai chúng tôi đã gặp một ngôi chùa rất hùng vĩ nằm cheo leo trên triền núi gọi là Thiên Thai Phùng. Chùa bên trong gọi là Bái Kính Đài; nơi đây chúng tôi đã gặp được vị trụ trì. Sau khi đàm đạo cũng như cúng dường xây chùa, phái đoàn đã được Hòa Thượng đích thân hướng dẫn vào danh lễ 2 bàn chân thật lớn của Ngài Kim-Kiều-Giác được in sâu vào dưới đá và ngày nay khách hành hương ai đến đây cũng đều gục đầu vào để tưởng nhớ đến người xưa và cầu nguyện. Có lẽ bàn chân của Ngài không lớn đến thế; nhưng để diễn tả cái ý chí cao thượng của người xưa "đầu đội trời, chân đạp đất" để làm nên nghiệp lớn; nên mới tạo ra phiến đá này để mọi người hướng về những chuyện cao thượng trong quá khứ vậy.

Tại Bồ Đề Đạo Tràng nơi gần cây Bồ Đề người ta cũng tạo nên 2 bàn chân như vậy. Dĩ nhiên Đức Phật có phước tướng riêng; nên bàn chân có thể to lớn như vậy; nhưng vì người đời sau nhân cách hóa ra nhiều lần; nên người bây giờ cũng khó hình dung nổi là vậy.

Cạnh chùa Thiên Thai

Bây giờ mọi người trong phái đoàn lại chống gậy đi lên trên đỉnh Thiên Thai. Đường đi cheo leo, dốc núi thăm thẳm. Trông lên thấy ngộp; nhìn xuống thấy lo âu. Thế mà chung quanh đoàn hành hương chúng tôi có không biết bao nhiêu người gánh gồng, đội, mang, xách... nào đồ ăn, thức uống, rau cải, cát, xi-măng v.v... nên ai cũng động lòng. Cứ thế mà dúi vào tay những người làm công việc nặng nhọc này 1 Yuan, 2 Yuan v.v... Vì nghĩ đến thân mình đi còn không nổi có cả cây gậy để chống nương thân. Trong khi đó những người làm công việc nặng nhọc này cho chùa, công đức không biết sao mà kể cho xiết. Bởi vậy khi Chu Mạnh Trinh thăm Chùa Hương cũng đã nói:

*"Lần tràng hạt niệm Nam Vô Phật
Cửa Từ Bi công đức biết là bao
Càng xem phong cảnh càng yêu"*

Khi những người gánh những gánh nặng này muốn nghỉ trên dốc bậc thang cấp, họ có một cây đòn bằng gỗ chống phía sau nửa đòn gánh để nâng gánh đồ lên cho cân bằng với nửa gánh phía trước; đoạn họ sẽ tiếp tục cuộc hành trình bằng cái khom lưng đơn giản, có thể đưa gánh lên một cách nhẹ nhàng. Trong đoàn cũng có nhiều người kê vai vào gánh thử; nhưng chẳng ai nhắc lên nổi, làm gì có chuyện gánh lên núi. Duy chỉ có Bác Diệu-Gao ở Hamburg đã có thể nhắc lên rồi để xuống mà thôi. Nên ai trông thấy những gánh cát như thế cũng là lười ra cả. Có hai người gánh rau cải đi theo lên tới đỉnh và yêu cầu chúng tôi mua cúng vào chùa cho Tăng chúng. Chúng tôi đã làm điều đó trong một ý nghĩa thật chơn thành. Trong gánh rau lên núi ấy nào củ sen, nào cải bẹ, nào mướp, nào bí v.v... có cả đậu nành tươi, khoai lang đỏ nữa. Trông món nào cũng nặng tình nặng nghĩa của cửa từ bi cả; nên chúng tôi đã chẳng so đo gì để tiến cúng vào chùa cho chư Tăng có cái tươi mát của Vitamin.

Kỳ này cả đoàn đi nhiều núi, mà leo dốc nhiều nhất có thể nói là tại Cửu Hoa Sơn. Tuy Emeishan (Nga Mi Sơn) cao hơn Cửu Hoa Sơn (Jiuhuashan) đấy; nhưng đi dây Cable nên đỡ mệt hơn tại đây. Nếu làm con số tính nhẩm, cả kỳ này đi bộ chừng 8.000 bậc thang dốc thoải thoải lên các núi cao. Riêng tôi phải dùng 2 cây gậy. Một tại Cửu Hoa Sơn và một tại Nga Mi Sơn. Có nhiều người mệt đã phải đi kiệu; có nhiều người nghĩ rằng mình sẽ không bao giờ leo lên hết núi được; nhưng cuối cùng nhờ tự lực và tha lực cũng như

câu niệm Phật A-Di-Đà; nên ai ai cũng tròn ước nguyện.

Từ trên núi Thiên Thai cao ngất người ta đang xây dựng lại chùa và từ đây nhìn xuống bên dưới thấy mây, thấy trúc ẩn hiện với nhau, chẳng khác những gì như nhà thơ Huyền Không đã diễn tả trong bài thơ "Nhớ Chùa" :

*Tháp thoáng đâu đây cảnh tượng làng
Có con đường nhỏ chạy thênh thang
Có hàng tre gợi hồn sông núi
Im lặng chùa tôi ngập ánh vàng"*

Trên đỉnh Thiên Thai

Chúng tôi dừng chân dưới triền núi để dùng cơm trưa. Cơm trưa hôm ấy gồm những củ khoai lang nướng; những trái lê mang từ Bắc Kinh đến và uống nước suối; nhưng ngon miệng lạ lùng. Có lẽ vì núi cao, cảnh rộng; nên lòng người cũng dễ chịu hơn chăng? nên đã chấp nhận những thức ăn như thế rất dễ dàng.

Đông Nhai Thiên Tự

Những người hành hương qua lại trông thấy chúng tôi lạ nên hỏi từ đâu tới và họ cũng tò mò hỏi xem cách phục sức của những Sư Cô người Việt Nam mình. Vì cách phục sức của quý vị Sư Ni tại Trung Quốc khác hơn người Việt mình.

Cả đoàn từ từ xuống núi. Bây giờ không ai còn than gì khó nhọc như lúc leo lên nữa; nhưng ai cũng phải để ý đến những độ dốc thoải khi hạ sơn. Quả thực đường lên cảnh giới giác ngộ cũng không phải dễ, mà đường xuống núi độ sanh cũng đâu có đơn giản chút nào. Vậy mà đã có không biết bao nhiêu đôi giày rách qua lại, lại qua ở ngưỡng cửa Ta Bà này để cứu khổ độ mê đây. Quả là tâm Bồ Tát của chư vị đã trải dài đến cõi vô biên thế giới hữu hình này. Điều ấy đáng để cho chúng ta quy mệnh, đành lễ biết là dường bao!

Trên núi Cửu Hoa Sơn nhìn xuống

Dưới sát chân núi có một cây "Phượng Hoàng Tùng" đã tồn tại nơi đây hơn 1.400 năm kể từ thời Nam Bắc Triều mà vẫn còn xanh mướt với thời gian. Có cả đầu, cánh, đuôi, chân. Nhìn xa, nhìn gần gì cũng thấy giống như một con Phượng Hoàng to lớn đang giương cặp mắt hướng vào khoảng không gian vô tận để nhìn đời qua bao lẽ biến thiên của lịch sử vậy.

Tại đỉnh núi Cửu Hoa Sơn

Phái đoàn lại tiếp tục chống gậy leo núi để thăm chùa Huệ Cư do Hòa Thượng Thích Ngộ Thiền trụ trì. Sau khi dùng trà nước và giới thiệu, Ngài Hòa Thượng trụ trì đã hướng dẫn phái đoàn lên thăm chùa "Cửu Thiên Huyền Nữ Thánh Mẫu Điện". Chùa này được một vị Công chúa Thái Lan mới đây đã bỏ tiền ra để xây dựng. Theo Ngài trụ trì bảo rằng đây là hóa thân của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Tôi thì không nghĩ như vậy. Vì trong 32 hóa thân bình thường của Đức Quan Thế Âm không có hóa thân Cửu Thiên Huyền Nữ, mà ngay cả 500 hóa thân của Đức Quan Thế Âm cũng không có nữa. Có lẽ đây do tập tục của người Trung Hoa còn sót lại chăng? Dầu sao đi nữa vẫn là một điềm tốt; nhưng đừng biến mọi người vào mê tín dị đoan là hay rồi.

Bên cạnh Phụng-Hoàng Tùng, 1.500 năm tồn tại

Sau đó phái đoàn xuống chùa Địa Tạng đánh lễ nơi Ngài Kim-Kiều-Giác tu suốt 49 năm tại chùa này trong thời gian tổng cộng 75 năm Ngài đã ở tại núi Cửu Hoa. Sau khi đánh lễ, chiêm bái và cúng dường mọi nơi, phái đoàn lên xe Bus về chân núi, tìm đến văn phòng đại diện xây tượng Địa Tạng cao 99 thước để cúng dường. Người Trung Quốc có cách cúng dường cũng hay và mới lạ so với người Việt Nam. Ví dụ số tiền đến bao nhiêu là được khắc tên bên dưới cùng. Số tiền bao nhiêu là tên mình được khắc lên những cánh sen và cứ thế nhân lên cho đến trên đầu, trên tóc của Đức Phật. Chỉ có cách này mới mong công trình to lớn như vậy sớm hoàn thành.

Tôi nhớ không lầm ở Nhật cũng thế. Các vị Đại Sư của Nhật xây chùa xong; nhưng không đủ tiền lợp ngói bằng đồng; nên đã có sáng kiến là ai muốn cúng ngói thì ghi tên vào sổ lưu niệm để sau này người ta sẽ khắc tên vào ngói và để đời đời tại chùa đó. Quả là một cách cúng dường tự nguyện nhưng rất cao cả và dễ thành công.

Nhìn chung phong cảnh tại Cửu Hoa Sơn rất là hùng vĩ đáng ca ngợi là một trong bốn danh sơn lớn của Trung Quốc. Quả thật người xưa chọn mặt gờ vàng không sai một mảy may nào cả. Nhất là một mai đây khi chùa Đại Giác hoàn thành thì cảnh trí tại Cửu Hoa Sơn còn đẹp đẽ hơn xưa rất nhiều. Vì chùa này có đầy đủ phương tiện hơn các chùa khác tại bản địa này.

Đến Nam Kinh

Khi còn học Giáo Dục tại Đại Học Đế Kinh (Teikyo) ở Đông Kinh, tôi và Yamada Yukio học cùng phân khoa; nên hay gần gũi nhau để chỉ bài cho nhau. Thời gian ấy từ 73-77. Mới đó mà cũng đã 25 năm trôi qua rồi. Yamada đến từ tỉnh Nigata, nằm về phía Đông-Bắc của Tokyo. Có nhiều lúc chúng tôi đổ chữ với nhau. Ví dụ như cà chua tiếng Nhật gọi là gì? Anh ta bảo rằng cà Tomato. Tôi bảo sai. Vì lẽ tiếng Nhật không có chữ đó. Tôi bảo rằng có. Đó là *Akai Nasu (cà đỏ)*. *Nếu không tin hãy dỡ tự điển ra mà xem.* Đúng là như thế. Ngày nay người Nhật dùng tiếng ngoại quốc rất nhiều để chua vào nhiều chữ trong câu; nên những thế hệ sau không hiểu nguyên ngữ của nó là gì nữa!

Một hôm tôi hỏi Yamada rằng:

- Bắc Kinh tiếng Nhật gọi là gì?
- Anh ta bảo rằng: Peking.
- Nam Kinh gọi là gì?
- Nanking.
- Tây Kinh gọi là gì?
- Seiking.
- Còn Đông Kinh gọi là gì?
- Tongking.

- Có phải như thế không đó? Tôi hỏi lại.
- Anh ta hỏi. Chứ gọi là gì?
- Hãy gọi là Tokyo.

Vì Đông Kinh không có nơi bản đồ Trung Quốc. Chẳng biết tại sao, mà hình như Tây Kinh cũng không thông dụng mấy. Chỉ có Nam Kinh và Bắc Kinh là nổi tiếng mà thôi.

Vào lúc 6 giờ 30 phút ngày 8.10.1999 phái đoàn rời khách sạn, lên xe Bus để đi Nam Kinh. Từ Cửu Hoa Sơn đến Nam Kinh xa lộ rất tốt. Tuy xe chạy hơi chậm, khoảng 12 giờ 30 phút thì phái đoàn đã đến Nam Kinh. Chúng tôi sau khi dùng trưa đã đến thăm lăng của Bác sĩ Tôn Dật Tiên. Tôn Dật Tiên là người có công lật đổ triều nhà Thanh vào ngày 10.10.1911 để lập nên Chính phủ Cộng Hòa Trung Hoa với 3 chủ trương chính là: Dân Sinh, Dân Tộc và Dân Quyền. Ông ta là người ảnh hưởng tân học và những chủ trương như thế thời bấy giờ đã gặp được nhiều người hưởng ứng. Người Trung Hoa gọi Tôn Dật Tiên là Tôn Trung Sơn. Vì đây là hiệu của ông ta và nơi chôn ông ta gọi là lăng, như lăng vua để chỉ sự cung kính của người Trung Hoa đối với ông lúc bấy giờ.

Chúng tôi đến thăm lăng của ông thấy bên ngoài đề bốn chữ Hán 天下爲公 thật lớn : Thiên hạ vi công, có nghĩa là Trời Đất là của chung. Có lẽ đây cũng là một chủ trương cải cách lúc bấy giờ. Vì lẽ vua chúa chủ trương ngược lại. Họ là con trời; nên muốn xử sự đối với thần dân như thế nào, thì nhân dân phải cam phận chịu. Tất cả đều được tóm thâu quyền hành vào một mối; nhưng ở đây thì không. Vì: Cửa là muôn sự của chung. Tiếp đi vào trong thấy

2 chữ : *Bác Ái*, và *bước lên nhiều thang cấp cao trên một ngọn đồi* thấy có ghi 4 chữ: *Thiên hạ chánh khí. Phía dưới bên giữa ghi : Dân Sanh; bên tay phải có ghi : Dân Tộc và bên tay trái có ghi : Dân Quyền.* Đây là 3 chủ trương chính của Tiên sinh. Trước mắt của Tiên sinh có ghi *Hạo Khí Trường Tồn và hai bên tường tả hữu có khắc lại bản Tuyên Ngôn của Quốc Dân Đảng* và những lời nhắn nhủ của Tiên sinh với các đồng chí của ông ta rằng: *Hãy*

Phái đoàn chụp hình lưu niệm trước mộ Bác sĩ Tôn Dật Tiên
ở Nam Kinh

thực hiện những gì còn lại mà ông đã chưa làm được. Điều đặc biệt ở đây là trên vòm cửa lăng có cần lá cờ Trung Hoa Quốc Dân Đảng mà cho đến ngày hôm nay (1999) vẫn còn. Mặc dầu cách mạng văn hóa đã là cơ

hội để đập phá biết bao nhiêu là chùa chiền và cơ sở khác; nhưng nơi đây nhờ ông Chu Ân Lai cản ngăn nên mới còn lại đến ngày hôm nay. Lá cờ này hiện Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) đang sử dụng. Năm 1949 Mao Trạch Đông đã thắng Nhật và Quốc Dân Đảng; nên Tưởng Giới Thạch đã chạy ra Đài Loan lập quốc tại đây; trở thành nước Cộng Hòa Trung Hoa mà Trung Cộng sau khi lấy lại Hồng Kông vào năm 1997 cũng như Macao vào năm 1999 sau 442 năm làm thuộc địa của xứ Anh và Bồ Đào Nha, họ có ý đồ muốn sáp nhập Đài Loan để trở thành một quốc gia và 2 thể chế; nhưng liệu điều này có sáp nhập được hay không, hãy chờ thời gian phân giải. Vì gần 50 năm lập quốc tổng sản lượng của Đài Loan 18 triệu người đã hơn tổng sản lượng của hơn 1 tỷ người Trung Quốc trong hiện tại. Vậy mới thấy chủ nghĩa nào ưu việt hơn, người dân họ cũng đã tự biết rồi.

Phía chính giữa có để một cỗ quan tài bằng đá, trên đó có tạc hình của Tôn Dật Tiên; nhưng người hướng dẫn du lịch cho biết rằng xác đã được chôn sâu dưới 5 thước. Dấu sao thì sự thành, trụ, hoại, diệt, của thế gian cũng không làm cho người tu như tôi nao núng. Bây giờ có còn chăng chỉ là cái tinh thần của Tiên sinh để lại mà thôi. Còn vào đây chỉ để xem tượng đá và xác chết, đâu có ý nghĩa gì; nhưng nếu đã đến mà không xem, thì sẽ không biết thực tế như thế nào; nên chúng tôi đã cố gắng đến đây để thăm lại cuộc bể dâu và biến thiên của lịch sử.

Chùa Kim Sơn

Người thông dịch viên bằng tiếng Đức nơi đây rất sành sỏi, sau khi hướng dẫn chúng tôi thăm lăng mộ Bác sĩ Tôn Dật Tiên đã cho mọi người lên xe Bus để qua thăm lăng vua Minh Hiếu. Trên thực tế thì lăng này đang được khai quật nên du khách chưa được vào. Từ ngoài đường phố chính, khách lữ du thấy phía trước có một cổng nhỏ dẫn vào và bên trong là một cái gò cao. Nơi ấy đã an trí vị Hoàng đế Minh Hiếu. Minh Hiếu Hoàng Đế chính là Chu Nguyên Chương, ông này lúc nhỏ cũng ở chùa như Lý Công Uẩn của Việt Nam chúng ta. Ông ta là một nông dân, tập hợp quân lính lại để đánh quân Mông Cổ. Mông Cổ cai trị Trung Hoa từ năm 1271-1368, gần 100 năm ấy quân Mông Cổ cũng đã 3 lần đến xâm lăng nước ta vào đời nhà Trần; nhưng cả 3 lần đều thua. Lúc bấy giờ nước ta có những tướng tài như Trần Hưng Đạo, Yết Kiêu, Dã Tượng và 4 người con trai của Hưng Đạo Vương và nhất là tinh thần của Hội Nghị Diên Hồng là tinh thần Bì-Trí-Dũng của Phật Giáo, nhờ thế mới thắng được quân

Nguyên Mông. Trong khi đó quân Mông Cổ đã chiếm đến Thổ Nhĩ Kỳ và Âu Châu; nhưng đến Việt Nam thì bại trận, để rồi những năm của thế kỷ thứ 20 Mông Cổ lại bị lệ thuộc Trung Hoa. Cho hay ở đời, thắng bại là lẽ thường, chẳng có gì để lo toan cả. Vì khi được thì vui, khi thua thì buồn. Đó là lẽ thường tình của thế nhân vậy.

Người xưa chết chôn cả lính đá, ngựa đá, sư tử, lạc đà bằng đá theo cùng để tượng trưng cho sức mạnh đương quyền và chứng tỏ cho lịch sử là đời vua chúa không bao giờ băng hoại; nhưng có cái gì tồn tại mãi với thời gian đâu. Đứng quả là sự lảm cẩm của con người. Mỗi con vật như vậy tượng trưng cho một ý nghĩa. Ví dụ:

- Con sư tử tượng trưng cho sức mạnh của vua.
- Con lạc đà tượng trưng cho sự an ổn.
- Con ngựa tượng trưng cho sự hòa bình.
- Con voi tượng trưng cho sự trung thành
- và mỗi con đứng tượng trưng cho Dương
- những con ngồi hoặc nằm tượng trưng cho Âm

Đây là âm dương ngũ hành hay âm dương hòa hợp như Đạo Lão đã chủ trương.

Phái đoàn đã lên xe Bus đi tham quan thành phố. Dọc đường có những cây phong rất đẹp. Mùa Xuân, phong ra lá xanh tươi, mùa Hạ cho bóng mát, mùa Thu có lá vàng rơi. Đồng thời khi cây phong nở hoa và ra trái cũng là lúc cây phong làm cho nhiều người bị dị ứng; nên đã bị cảm, bị bệnh rất nhiều.

Đường phố tại Nam Kinh rất rộng, thoáng mát và văn minh có thể nói trước cả Âu Mỹ. Ví dụ như cách dùng đèn xanh đỏ ở ngoài phố như sau: Trước mỗi ngã

tự có đèn tự động có ghi 40 sao cho cả xanh và đỏ. Nếu người lái xe đến thấy đèn đỏ còn 15 sao, điều ấy có nghĩa là còn 15 sao nữa thì bắt đầu đèn máy chạy. Ngược lại khi đèn xanh cũng vậy, khi thấy ở đèn xanh còn 2 sao nữa phải bắt đầu dừng lại là vừa, kéo chạy thêm sẽ bị đèn đỏ. Tổ chức như vậy thật là khéo, ai cũng an tâm để lái xe, cả xe hơi lẫn xe đạp. Ở đây có đường cho xe đạp chạy riêng như ở Đức, không giống như Bắc Kinh hoặc một số thành phố khác.

Trước đệ nhị thế chiến thành phố này bị Nhật chiếm với tư cách là Châu Á của người Á Châu qua sự kiện chiến tranh Nha Phiến ở Mãn Châu và họ cũng nhân cơ hội này mà xâm lăng đến Việt Nam cũng như toàn cõi Đông Nam Á. Cuối cùng vào năm 1945 hai quả bom nguyên tử của Mỹ cho nổ tại Nagasaki và Hiroshima khiến Nhật phải đầu hàng và thế giới sau đệ nhị thế chiến (1939-1945) đã bước vào một kỷ nguyên mới.

Thành phố này là thành phố kết nghĩa với Tiểu bang Baden Württemberg và Nordrhein Westfallen của Đức nên cũng đã có một chút ảnh hưởng của văn hóa Đức tại đây. Nghe đâu ông Thủ Tướng Schröder của Đức cũng đang ở Trung Cộng lúc phái đoàn chúng tôi đang hành hương tại đây và ông ta cũng dự định sẽ đến thăm thành phố Nam Kinh này.

Chiều đó phái đoàn về khách sạn Tân Thế Kỷ để nghỉ ngơi và chờ ngày mai sẽ lên đường đi đến nơi khác. Đúng là tâm lý của con người - đến chỗ nào khổ ai cũng lo toan, khó chịu, khi đến chỗ đầy đủ tiện nghi mặt mày ai cũng hơn hờ vui cười. Nếu cuộc đời chỉ bị lệ thuộc như vậy thôi, thì vòng luân hồi này chắc sẽ quay không bao giờ ngừng nghỉ. Ở đây chúng ta phải làm sao, nhất là những người Phật Tử, phải tự hiểu

rằng cuộc đời này khổ vui không có gì là thực tướng cả. Vì tất cả đều bị biến đổi bởi vô thường, khổ, không và vô ngã nên không có gì để trói buộc tâm ta và cố gắng làm sao vượt ra khỏi sự đối đãi này thì mới hiểu được chơn tinh thần của Đạo Phật vậy.

Khi đến các thành phố Nam Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu v.v... nhất là càng đi về phía Nam của Bắc Kinh thì người ta không còn cảm nhận nhiều ảnh hưởng chính trị của phương Bắc nữa; nên đời sống của người dân ở đây rất thoải mái tự do. Nhà cửa sạch sẽ, mới mẻ; những cao ốc vươn lên đến tận bầu trời... là những biểu hiệu của sự tiến bộ và mong rằng Nam Kinh sẽ là nơi có nhiều du khách đặt chân đến.

Tại chùa Kim Sơn và Vô Hy

Trên đường đi đến Vô Hy phái đoàn chúng tôi ghé thăm chùa Kim Sơn. Đây là một ngôi chùa khá nổi tiếng ở vùng này. Chùa này còn gọi là Giang *Thiên Thiên Tự* *Có lẽ nằm gần* con sông Dương Tử và cảnh trí thiên nhiên trời đất bao la hùng vĩ; nên gọi là Giang Thiên cũng nên. Tên này do vua Khang Hy đổi ra, sau khi đến chùa thăm phong cảnh tại đây.

Hầu hết các chùa của Trung Quốc đều xây về hướng Nam. Chỉ có duy nhất chùa này xây về hướng Tây mà thôi. Lý do xây về hướng Tây được giải thích rằng: Trước đây chùa cũng xây về hướng Nam; nhưng thường hay bị hỏa hoạn. Khi cháy thì không có nước để dập tắt ngọn lửa. Do vậy mà chùa đổi lại xây về hướng Tây; nếu hỏa hoạn có xảy ra, lấy nước sông Dương Tử để chữa cháy cho kịp thời; nhưng lạ thay, từ khi thay đổi hướng đến bây giờ, chùa không bị cháy nữa.

Tháp chùa Kim Sơn

Tại chùa này đặc biệt thường hay tổ chức đàn cầu siêu, chẩn tế thủy lục. Có nghĩa là cầu nguyện cho những người bị chết trôi và chết trên đất liền. Có nơi còn làm trai đàn để cầu nguyện cho những người chết trên không và trong rừng sâu nữa. Sau khi thăm Đại Hùng Bửu Điện chúng tôi đã lên một nơi cao nhất trong chùa để xem phong cảnh chung quanh. Nơi đây có ghi lại 4 chữ là: Giang Thiên Nhất Lãm

Tương truyền rằng chữ này của vua Khang Hy viết. Một ông vua hay chữ và có hiếu với mẹ, như vua Tự Đức của Việt Nam chúng ta thời nhà Nguyễn vậy. Vua Khang Hy đến thăm chùa với mẹ và đã tức cảnh

sanh tình đặt bút viết đến 3 chữ và chữ thứ 4 thì quên. Các vị Đại Thần đứng chung quanh không dám nhắc sợ vua giận; nên chỉ nói bóng nói gió rằng hôm nay nhà vua đi thăm nơi đây với mẹ và cùng xem phong cảnh chung quanh đó. Do vậy vua mới viết thêm chữ Lãm () vào để trở thành 4 chữ như ngày nay còn an trí tại nơi này.

Chùa này có từ đời nhà Đường, lúc bấy giờ có 2 ngọn tháp 7 tầng; nhưng đến đời nhà Minh thì bị hư hết một tháp và tháp hiện có, mới xây lại cách đây 170 năm mà thôi. Chánh điện của chùa mới xây lại cách đây 4 năm. Một phần tiền của do dân địa phương đóng góp và phần chính là do các Phật Tử Singapore cúng dường.

Phía sau chùa có dựng tượng của Thanh Xà và Bạch Xà. Tượng hình người; nhưng cốt rắn. Nơi này gọi là Bạch Long Động. Tương truyền rằng: Nơi đây vào đời nhà Đường có một vị Sư đến đây để tu hành và nhà Sư biết hốt thuốc chữa bệnh; nên dân chúng đã đến nơi này càng ngày càng đông. Trong khi đó thì Thanh Xà lấy chồng tại Trấn Giang này cũng dùng pháp thuật để chữa bệnh. Nhà Sư kêu hai vợ chồng đến đây cùng cho thuốc; nhưng Thanh Xà không chịu, do đó dùng nọc độc bằng lửa dữ phun ra trong am nơi nhà Sư ở và bỏ chồng mình, hiện nguyên hình là cốt rắn xanh để bay về thiên giới.

Tại chùa Kim Sơn.

Sau khi đi thăm chùa Kim Sơn phái đoàn đã lên xe Bus để đi Vô Hy đến thăm Linh Sơn Đại Phật tại đây. Ở đây thuộc vùng Thái Hồ. Nghe người hướng dẫn viên bảo rằng chính quyền cho xây tượng Linh Sơn Đại Phật ở đây vì lẽ Tây, Bắc, Nam đã có những tượng lớn. Riêng tại miền Đông này chưa có, nên cách đây vài ba năm tôn tượng Đức Phật A-Di-Đà này đã được làm xong. Khách thập phương hằng hà sa số đến thăm. Tôi đã có nhân duyên đi thăm đủ cả 5 tượng của Trung Quốc, đó là:

Giang Thiên Nhất Lãm.

- Tượng lớn ở Vân Cương Thạch Động thuộc Đại Đồng nằm về phía Bắc. Tượng được đục vào trong núi đá.

- Tượng thứ hai cũng bằng đá nằm ở miền Trung nước Trung Hoa, hiện tại là tỉnh Hà Nam và trước đây là kinh đô Lạc Dương. Nơi này gọi là Long Môn Thạch Động. Tượng làm thời Hoàng Hậu Võ Tắc Thiên; nên nét mặt của tượng là nét mặt của Hoàng Hậu. Trong 5 tượng tồn tại ở Trung Quốc có lẽ tượng này là tượng đẹp nhất, mặc dầu đã hơn 1.300 năm lịch sử.

- Tượng thứ ba ở Lạc Sơn thuộc miền Tây Trung Quốc, hiện tại nằm ở tỉnh Tứ Xuyên.

- Tượng thứ tư gọi là Thiên Đàn Đại Phật nằm ở đảo Lantau tại Hồng Kông.

- Tượng thứ năm này gọi là Linh Sơn Đại Phật nằm ở Vô Hy thuộc tỉnh Giang Tô.

Hình 27: Đức Phật Di-Đà tại Vô Hy, bằng đồng, cao 101 thước
(xây dựng năm 1997)

Tượng tại Vô Hy bắt đầu xây vào ngày 1.10.1994 đến ngày 15.11.1997 thì khánh thành. Nghĩa là hơn 3 năm trường thi công. Tượng cao 88 thước với hình dáng của Đức Di-Đà đang phóng quang. Kể cả đài sen, cao tổng cộng 101 thước. Hiện tại tượng này là tượng cao nhất Trung Quốc. Từ xa nhìn đến vị trí của tượng chiếm hết cả một hòn núi và cao hơn những hòn núi chung quanh nữa. Nhiều lúc trên đầu của tượng phủ mây chung quanh, nếu gặp hôm trời xấu. Khoảng 700 tấn đồng được dùng để đúc tượng này và nơi đây có một chùa chính gọi là chùa Huyền Vô.

Ở đây cũng xin mở một dấu ngoặc - chẳng biết tại sao ở Trung Quốc vừa cấm phát triển Đạo Phật dưới hình thức này hay hình thức khác; nhưng đồng thời Trung Quốc cũng cho phép xây dựng những tượng Phật khổng lồ như thế này? Có phải đây là một sự sám hối? một lời chuộc tội với Phật Giáo? hay là một cách

để kinh tài? Nhưng dầu gì đi nữa thì Phật Giáo chơn chánh vẫn luôn luôn tồn tại ngàn đời với núi sông, tình người, ngoại vật. Còn những gì không hợp với chân lý thì trước sau gì cũng sẽ bị tan biến theo lẽ sinh diệt của sự vô thường.

Trong lòng tượng có thờ 10.000 tượng nhỏ Phật A-Di-Đà . Ngoài ra cũng có tạc lại những tượng Phật lớn ở Đại Đồng, Vân Cương Thạch Động v.v... Phái đoàn mua vé lên tòa sen trong khi trời mưa bão chập chùng bên ngoài. Tôi đã kê đầu vào móng chân út của Ngài để đánh lễ và tự mình lấy tay để đo thử độ lớn của móng chân là bao nhiêu. Kết quả cho thấy 70 cm (bảy tấc). Nhìn từ đây lên, không thấy thân hình bên trên của Đức Phật. Viết đến đây tôi lại nhớ đến chuyện Tây Phương Du Ký của Ngài Khoán Tịnh Hòa Thượng đã về được Tây Phương Cực Lạc do sự trợ dẫn của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Khi Ngài đến gặp được Đức Phật A-Di-Đà, Ngài diễn tả là ngón chân của Ngài to bằng cả nước Thái Lan, Singapore và Mã Lai hợp lại chắc cũng là một điều hiển nhiên; khiến Ngài không thấy được từ dung của Đức Phật; nên Phật đã hóa hiện nhỏ lại để Ngài Khoán Tịnh đánh lễ.

Phái đoàn đứng dưới hai bàn chân Linh Sơn Đại Phật.

Mỗi cõi nước đều do phước báu mà thành tựu công đức. Ví dụ một hôm Ngài Mục Kiền Liên muốn dùng thần lực của mình để quán sát âm thanh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xa đến độ nào, thế là Ngài thâm thàn lại chỉ cố tâm nghe. Cuối cùng Ngài đã đến được cõi của Đức Thế Tự Tại Vương Như Lai. Tại đây Ngài Mục Kiền Liên bị Đại Chúng Bồ Tát của Đức Phật Thế Tự Tại Vương Như Lai chỉ thấy như một con kiến thật nhỏ bò trên miệng bình bát. Điều này có nói rất rõ trong Đại Trí Độ Luận. Dĩ nhiên là sự thật; nhưng do cõi nước và phước báu khác nhau; nên mới có kết quả như vậy. Nếu từ thế giới loài người chúng ta nhìn xuống thế giới loài kiến cũng vậy thôi và ngược lại từ những loại vi trùng li ti, chắc chúng thấy loài người là phước báu nhiều lắm rồi. Chứ chúng ta đâu có biết rằng còn không biết bao nhiêu cõi nước trong tam thiên đại thiên thế giới có nhiều hoặc ít phước báu hơn do sự gây tạo phước và tội mà thành.

Từ Linh Sơn Đại Phật nhìn xuống.

Chúng tôi quan sát những cánh cửa ra vào dưới bề tượng tất cả đều bằng đồng và bên trong có thang máy lên đến tầng năm, lúc ấy mới chỉ là đài sen nơi Đức Phật đứng. Tôi nhìn người mà ngắm đến ta. Không biết bao giờ Phật Giáo Việt Nam mới có được một kỳ công như thế ?

Trên đường về lại khách sạn chúng tôi đã quan sát Thái Hồ qua làn sương mỏng và gió lạnh bên ngoài khung cửa kính xe hơi, và được biết như sau: Vùng Thái Hồ có chiều ngang rộng 45 cây số và chiều dài 75 cây số. Chiều sâu từ 2 thước trở xuống. Chỗ sâu nhất là 5 thước. Trong hồ có 3 loại đặc biệt. Đó là đá Thái Hồ, cá bạc và ngọc trai. Đá Thái Hồ là một loại đá có lỗ thông qua nhiều nơi khác nhau trên cùng một hòn đá. Người ta hay dùng đá này để trang trí trong cung điện của vua chúa hoặc hoa viên của những nhà giàu có.

Tại hồ này cũng có một loại cá bạc mà thân hình chúng được cấu tạo bởi màu bạc cũng như các chất bạch kim và ngoài ra tại Thái Hồ người ta có nuôi ngọc trai. Đây cũng chỉ là ngọc trai của nước ngọt; nhưng được nhiều người sử dụng đến. Vì chúng được lấy ra từ Thái Hồ. Người ta phải bỏ một hạt cát vào trong lòng của con trai và khi con trai lớn lên, chung quanh hạt cát này bao bọc bởi những chất cứng của con trai và lâu ngày trở thành ngọc trai. Khi người ta lấy ngọc của con trai cũng có nghĩa là con trai ấy sẽ chết và từ ngọc trai

ấy người ta có thể dùng làm đồ trang sức, phấn son để làm cho đẹp da mặt cũng như trị một vài bệnh đặc biệt khác.

Khi đến Thái Hồ chúng tôi lại liên tưởng đến Động Đình Hồ, nơi phát xuất của Tổ tiên Việt Nam chúng ta và giờ bản đồ ra xem thì Động Đình Hồ ngày nay vẫn còn, hiện nằm ở tỉnh Hồ Nam, gần địa danh gọi là Trường Sa. Động Đình Hồ có lẽ cũng gần bằng một trong Ngũ Đại Hồ ở Mỹ. Tôi ước gì có dịp sẽ trở lại đây để tìm vết tích của "cháu 3 đời vua Thần Nông là Đế Minh, kết duyên với nàng Tiên sinh ra Lộc Tục. Lộc Tục đến Hồ Động Đình sinh ra Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy Bà Âu-Cơ sinh 100 cái trứng và đẻ ra 100 người con v.v..." thuyết này bây giờ người Việt Nam vẫn còn sử dụng để chứng minh cho 4.000 năm văn hiến của mình và hy vọng có ngày sẽ tìm ra gốc rễ ấy.

Tối hôm đó chúng tôi ở lại tại khách sạn Holiday Inn của Mỹ và hôm đó gặp ngày mùng 1 tháng 9 âm lịch nên mọi người trong đoàn đều ăn chay; anh thông dịch viên đưa qua một tiệm chay đặc biệt, nhập cảng rất nhiều đồ chay từ Đài Loan và có lẽ đây là một tiệm chay duy nhất tại xứ Trung Quốc hơn 1 tỷ người mà phái đoàn của chúng tôi đã đi qua. Những nơi không chuyên môn nấu chay, đặt đồ họ nấu mà mình phải chỉ cách họ mới biết nấu. Vì lẽ 50 năm xã hội Cộng Sản, đa phần người ta đã không biết ăn chay là gì. Chủ quán tại đây là một Phật Tử. Bước lên tầng trên thấy có thờ Phật và lần đầu tiên tôi thấy một người Phật Tử Trung Quốc chấp tay chào quý Thầy, quý Cô trong phái đoàn. Trên tường cũng có viết 4 chữ đại tự: Từ, Bi, Hỷ, Xả, cũng như một chữ Thiên rất lớn. Các cửa sổ và các hình chần giữa các bàn ăn đều có khắc chạm hình hoa sen trông rất đẹp mắt.

Ở cái xứ đất rộng người đông này quả thật làm thân lũ thú rất bơ vơ; nếu chúng ta không biết ít nhiều về ngôn ngữ và phong tục, tập quán. Cũng may cho chúng tôi là trong đoàn có nhiều người biết nhiều thứ tiếng khác nhau nên cũng đỡ buồn tẻ. Nếu ngôn ngữ này không xử dụng được thì lại dùng đến ngôn ngữ khác, mà cuối cùng nếu ngôn ngữ nào cũng chẳng hiểu thì cũng có thể nói với nhau bằng cách ra dấu tay với nhau, mọi việc rồi cũng huề. Tại đây không khí đã thanh lịch, mà chủ quán là một Phật Tử nữa; nên câu chuyện lại dòn tan như những gì đã nổi trôi trong 6 nẻo luân hồi.

Tô Châu

Hôm nay là ngày 10 tháng 10 năm 1999 tại Đài Loan kỷ niệm 50 năm lập quốc; trong khi đó cách đây 9 ngày thì Trung Quốc kỷ niệm 50 năm chủ nghĩa Cộng Sản đã toàn thắng tại lục địa này. Cũng một quốc gia mà hai thể chế, nghĩ lại cũng thấy lạ đời; nhưng đó là lý tưởng của con người; nên ai thích thì chết sống cho lý tưởng ấy, để rồi thù oán nhau, chém giết lẫn nhau và gây khổ cho nhau.

Tại Tô Châu có ngôi chùa Hàn Sơn thật nổi tiếng. Ngôi chùa nổi tiếng không phải vì ngôi chùa lớn hay

đẹp; mà ngôi chùa nổi tiếng chỉ vì một bài thơ của thi nhân nổi tiếng từ đời nhà Đường tên là Trương Kế. Bài thơ này được viết lại bằng chữ Hán như sau:

楓橋夜泊

月 洛 烏 啼 箱 滿 天
江 楓 漁 火 對 愁 眠
姑 蘇 城 外 寒 山 寺
夜 半 鍾 聲 到 客 船

張 繼

Dịch âm:

Phong Kiều Dạ Bạc

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên

*Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn Tự
Dạ bán chung thính đáo khách thuyền.*

Trương Kế

Dịch sát nghĩa:

Cây phong bên cầu nước bạc ban đêm

*Trăng soi quạ kêu sương đầy trời
Cây phong bên bờ sông lửa chài đối lại cảnh buồn
Ngoài thành Cô Tô có chùa Hàn Sơn
Nửa đêm nghe tiếng chuông vang đến thuyền
của*

khách.

Hàn Sơn tự tại Tô Châu

Câu chuyện được kể lại rằng: Có một chàng nho sinh đi thi về, ghé trọ lại trên thuyền đậu trên sông gần đó. Nửa đêm ông ta nghe tiếng chuông và thức giấc dậy. Bài thơ này thuộc loại thơ Đường gồm 4 câu, mỗi câu 7 chữ, gọi là thất ngôn tứ cú. Nếu nói nội dung của bài thơ thì Trương Kế diễn tả tâm sự của mình như thế cũng chỉ là chuyện bình thường thôi; nhưng âm điệu của bài thơ mới là điều đáng kể. Các thi nhân, học giả Việt Nam của chúng ta cũng đua nhau dịch bài thơ này; nhưng nhiều khi đúng được vần điệu, thì sai về ý nghĩa. Ví dụ chữ giang phong mà dịch gió sông là sai. Chữ phong () đây có nghĩa là cây phong, là một cây sau sau. Trong Chinh Phụ Ngâm có diễn tả rằng:

"... rừng cây phong đã một màu thu sang" ...

Vậy phong đây là cây chứ không phải là gió. Trước đây tôi cũng nghĩ là gió; nhưng sau khi đối chiếu lại bản chính nơi chùa Hàn San và bản này cũng có treo tại chùa Khuông Việt ở Na-Uy, tất cả chữ phong đều viết là (), có nghĩa là cây phong chứ không phải gió.

Trần Trọng Kim một học giả của Việt Nam đã dịch bài này ra như sau:

*"Trăng tà tiếng quạ kêu sương
Gió sông hương lửa sầu vương mái chài
Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San"*

Thật ra dịch như thế là quá tuyệt vời; nhưng so ra ý nghĩa của câu chữ Hán có nhiều chữ bị ép như "tiếng quạ kêu sương" *chẳng hạn*. *Thật sự trăng đã xuống, có tiếng quạ kêu trong bầu trời đầy sương, chứ không phải kêu sương, nó trở thành một hình ảnh khác và*

hình ảnh cây *phong* bên bờ sông chứ không phải gió sông. Nếu phân tích ra từng chữ thì bài thơ nó mất hay đi; nên xin đề nguyên văn như vậy thì hay hơn. Dầu sao đi nữa trên cuộc đời này cái gì nó cũng tương đối thôi, chứ có cái gì tuyệt đối đâu.

Tại đây còn một chiếc cầu tồn tại đã 1.400 năm và tương truyền rằng chiếc cầu này có trước thời thi nhân Trương Kế đến đây. Trước chùa Hàn Sơn có 3 chữ đại tự rất đẹp viết là (Hàn Sơn tự). Có chuyện kể rằng sở dĩ chữ đẹp như vậy cho nên người viết đòi 3.000 đồng để viết 3 chữ, mà chùa thì chỉ có 2.000 đồng nên chỉ viết có 2 chữ, còn chữ Tự () mới viết vào sau, nên nét viết không sắc sảo bằng.

Người thông dịch viên tiếng Anh hoàn hảo tại đây cũng có cho biết rằng: Tô Châu ngày nay cũng chính là Cô Tô ngày trước và tại đây Phật Giáo Nhật Bản cũng đã xây một ngôi tháp 5 tầng để kỷ niệm Ngài Giám Chân và Ngài Không Hải người Nhật Bản ở những thế kỷ thứ 7, thứ 8 đã đến Trung Hoa học đạo và sau đó mang đạo Phật về lại Nhật; nên người Nhật đến thăm chùa này rất đông.

Năm 1974 khi tôi còn ở Nhật, tôi đã coi phim về Ngài Giám Chân rồi. Phim đóng rất công phu và hình như lúc bấy giờ được giải thưởng gì đó tại Nhật và Trung Quốc mà tôi quên rồi. Nhiều vị Thiền Sư người Nhật đến Trung Quốc học đạo như Ngài Đạo Nguyên (Dogen) chẳng hạn, khi về lại Nhật, Ngài đã biến cải hoàn toàn thành loại Thiền của Nhật Bản. Còn Việt Nam chúng ta theo một số sử sách cho biết có những Đại Sư từ Việt Nam sang Trung Quốc để dạy đạo như

Ngài Khương Tăng Hội chẳng hạn; nhưng ngày nay tại Trung Quốc không còn bao nhiêu di tích về vấn đề này cả. Có lẽ thời gian lâu quá rồi, mọi việc đã đi vào quên lãng chẳng?

Cầu đá cổ trước chùa Hàn Sơn.

Người Trung Hoa ở ngoại quốc đã gởi tiền về đây để xây dựng lại chùa này và những Đại Hồng Chung cũng được đúc lại. Có lẽ cái chuông thời Trương Kế

không còn nữa và ngày nay người ta cố gắng tạo lại phong cảnh xưa để cho du khách đến càng ngày càng đông hơn.

Nội viên chùa Hàn Sơn ở Tô Châu.

Tại đây cũng có thờ tượng Ngài Hàn Sơn và Ngài Thập Đắc nữa. Không biết câu chuyện của hai Ngài này có liên hệ gì với chùa này không, nhưng nhân đây

cũng xin kể lại chuyện của hai Ngài như sau: "Ngài Hàn Sơn là người tu hành trong núi tuyết, lạnh lẽo quanh năm, cuối cùng thì đã gặp Ngài Thập Đắc là một đứa con rơi, do Hòa Thượng nhặt được trước cửa chùa, nên Hòa Thượng đã đặt tên cho là đứa trẻ nhặt được (Thập Đắc). Hai vị này vào ở tu chung trong một chùa; nhưng rất nghịch ngợm. Không lo làm công việc chùa, không thuộc kinh, không bái sám. Thường thường chơi nghịch; một người cỡi lên Voi trắng để làm Ngài Phổ Hiền; một người khác hay cỡi lên lưng con Thanh sư để làm Ngài Văn Thù. Một hôm Hòa Thượng bắt được mối quở cho một phen. Từ đó hai Ngài chỉ lo làm những nhiệm vụ ở nhà bếp.

Một hôm trong làng nọ có một quan đang bệnh nặng và được Ngài Di-Lặc báo mộng cho rằng hãy đến chùa đó để gặp hai Ngài Hàn Sơn và Thập Đắc để xin thuốc uống thì bệnh hẳn lành. Quả thật như vậy, sau khi lành bệnh vị quan kia cùng với gia nhân đến chùa lễ tạ Phật và muốn tìm cho được hai Ngài để đánh lễ. Cả chùa Tăng chúng lại ngạc nhiên, vì lâu nay dưới mắt họ, hai Ngài chỉ là những người làm biếng; nhưng không ngờ Ngài là hóa thân của hai Ngài Bồ Tát Thượng Thủ của Đức Phật. Đó là Ngài Văn Thù và Ngài Phổ Hiền. Hai Ngài biến dạng không còn thấy nữa và có lời trách rằng sao Ngài Di-Lặc cho biết gì mà sớm thế".

Sau khi chúng tôi đi thăm chùa Hàn Sơn thì xe Bus chở đi dạo phố và thăm con kênh đào đã có từ 1.300 năm nay, có chiều dài là 45 cây số. Đời nhà Thanh, vua Càn Long đã thăm Tô Châu đến 6 lần cũng bằng thuyền, đi từ Bắc Kinh.

Vọng Cổ Nhân Lầu tại Chuyết Chính Viên ở Tô Châu

Tiếp theo chúng tôi đã đi thăm vườn "Chuyết Chính Viên". Ngôi vườn này do một ông quan giàu có tạo nên cách đây 500 năm về trước. Đây là một tiểu quốc nhỏ của một ông quan xưa. Vườn này rộng độ 4 mẫu đất, nằm giữa thành phố Tô Châu và trong vườn có nơi ngắm nguyệt, thưởng hoa và cách 400 hay 500 năm về trước mà các cánh cửa đều làm bằng kiếng màu thì phải nói rằng chỉ có những người giàu có mới

làm nên được mà thôi. Từ trong nhà nhìn mặt trời qua bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông màu sắc sẽ thay đổi. Đây là một lối thưởng ngoạn của giai cấp quan lại giàu có lúc bấy giờ. Trong tất cả những ngôi nhà ở Chuyết Chánh Viên này có tất cả là 1.000 cửa sổ và mỗi cửa sổ chạm trổ cũng như đục đẽo gỗ đá khác nhau, không có cái nào giống cái nào cả. Chùa Viên Giác tại Hannover chỉ có 99 cái cửa sổ mà cửa nào cũng giống cửa nào; trong khi đó Chuyết Chánh Viên này có cả 1.000 cái cửa sổ thì phải biết tòa lâu đài này nó to lớn biết là dường nào rồi.

Trong vườn này có trồng những cây tùng, cây bách đã 400 - 500 năm cùng thời với chủ của nó mà ngày nay vẫn còn tồn tại. Ngoài ra cũng có một số cây ăn trái, cây soái để ướp trà. Cây soái không cao lắm; nhưng nở hoa thơm ngát cả một bầu trời. Đứng gần cây soái mình cũng thơm lây. Quả thật, nếu chúng ta luôn luôn gần người Đức Hạnh, Đạo Đức chắc chắn chúng ta sẽ được ảnh hưởng lây. Nếu gần người ác thì trước sau gì chúng ta cũng sẽ bị những việc dở, việc quấy nó quấy rầy mình.

Sau khi thăm Vườn Chuyết Chánh, chúng tôi đã đến thăm một nơi dẹt lưa. Trông những cái kén nhỏ xíu; nhưng phải nhả ra hàng trăm thước tơ. Trong ruột kén có chứa một con nhộng con. Đây là hóa thân của con tằm đã bao ngày xe tơ và chọn cho mình một kiếp sống như thế. Ai có học luật Phật rồi, khi nhìn vào đây thì không nở nào mặc những áo làm bằng tơ tằm, trông tội nghiệp làm sao! Nhưng đã có không ít người dùng những loại hàng quý giá như thế!

Bên Lan đình

Nội thất trong Chuyết Chính Viên

Cùng Thầy Thông Trí bên Bạch Liên hồ

Riêng tôi không phải giống con tằm; nhưng là nghiệp viết vì thiết nghĩ rằng nếu ngày nay có cơ hội này mà không viết thì còn chờ đến lúc nào nữa mới viết. Do vậy mà cứ giờ này qua giờ khác miệt mài với bút với giấy, với bàn với đèn. Đúng là cái nghiệp văn chương; nhưng biết làm sao hơn, khi tôi muốn lưu lại một cái gì đó ở tương lai khi bước chân mình đã trôi qua đi với thời gian và không biết đến bao giờ mới có cơ hội đến cõi này nữa.

Hàng tơ lụa

Sau đó chúng tôi về lại khách sạn, ăn cơm tối và một số vị khác thì đi dạo phố. Vì Tô Châu cảnh rất đẹp, hạ giới thật khó có nơi nào bằng. Tôi đi rất nhiều nơi và đến nhiều chỗ; nhưng khi đến Trung Quốc rồi thì thấy cảnh vật ở đây chẳng có nơi nào bằng.

Ngày nay tại Trung Quốc có nhiều cửa hàng tư nhân và tại đây người ta bày bán đủ mọi thứ đồ cần dùng cho khách du lịch. Vì vậy mọi người đều có cơ hội để đi mua sắm và về làm quà cho bạn bè thân thích nơi mình ở.

Người xưa đâu còn nữa.

Trên đường đi và đến Thượng Hải

Chúng ta ai cũng biết bài hát "Bên Bờ Thượng Hải" bằng tiếng Tàu cũng như tiếng Việt hoặc tiếng Nhật, vì bài hát này rất phổ thông và cũng đã có nhiều người ước mơ đến Thượng Hải được một lần. Vì Thượng Hải được xem như là Hoàng Hậu của Đông Phương và Paris của Trung Quốc; nếu so

sánh Sài Gòn là hòn ngọc của Viễn Đông, thì Thượng Hải có một vị trí đặc biệt khác. Trong khi diện tích của Bắc Kinh có đến 16.800 cây số vuông mà chỉ có 12 triệu 600 ngàn người ở; thì Thượng Hải lại đông đúc hơn, có vẻ Tây phương hơn. Diện tích của Thượng Hải có 6.200 cây số vuông mà có đến 14 triệu 200 ngàn dân. Dân số ở đây đông hơn Bắc Kinh mà có diện tích để ở gần bằng một phần ba của Bắc Kinh. Đây là thành phố có mật độ cao nhất nhì trên thế giới, nếu so với Tokyo hay New York.

Lịch sử của Thượng Hải có nhiều biến đổi hơn những nơi khác, Vì vậy năm 1842 sau chiến tranh nha phiến người Anh đã có mặt nơi đây; nhưng trước đó thì Thượng Hải thuộc Pháp. Khoảng giữa thế kỷ thứ 18, Thượng Hải chỉ có 50.000 dân và đến năm 1900 có một triệu dân cư ngụ, trong đó có 60.000 người ngoại quốc. Thành phố này cũng đã bị Nhật chiếm và năm 1921 Đảng Cộng Sản Trung Quốc cũng đã được thành lập tại đây; đến năm 1949 thì Thượng Hải trở thành một thương cảng tự do cho đến bây giờ. Ai đó đang đi trên đường phố của Thượng Hải có thể nghĩ rằng mình đang đi đâu đó trên hè phố của Paris hoặc London.

Tôi đi trên xe Bus và ngồi đếm thử cứ 10 chiếc xe hơi tại Thượng Hải thì đã hết 8 chiếc hiệu Volkswagen của Đức được sản xuất tại đây. Nhưng đa phần người Trung Quốc nói là xe của họ sản xuất. Trên thực tế nhân công của Trung Quốc; nhưng máy móc và nhãn hiệu của Đức. Hai chiếc còn lại thuộc về Nhật và Mỹ. Giữa Trung Quốc và nước Đức có số mậu dịch lớn như vậy cho nên các chính khách giữa hai nước cũng thường hay đến thăm viếng nhau. Bên Đức thì đặt ra vấn đề nhân quyền; trong khi đó Trung Quốc lại phớt lờ

việc này. Vì cho rằng đó là việc nội bộ của họ. Tại đây lá cờ Đảng Cộng Sản chỉ được treo nơi công sở, còn chung quanh dân chúng không trang hoàng cờ xí để mừng Quốc Khánh rục rờ như ở thủ đô chính trị Bắc Kinh.

Lá cờ của Đảng Cộng Sản Trung Quốc có một ngôi sao lớn và 4 ngôi sao nhỏ chung quanh. Ngôi sao lớn tượng trưng cho Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Còn 4 ngôi sao nhỏ tượng trưng cho học sinh, nông dân, công nhân và thương nhân. Đây là 4 thành phần trung thành với Đảng. Nếu xét cho cùng thì giới trí thức không có mặt nơi này. Như vậy Đảng Cộng Sản là một Đảng của nông dân, công nhân, và người lãnh đạo Đảng lợi dụng lòng tin của những giai cấp này để đè đầu ỨC HIẾP họ. Nếu thành phần trí thức có mặt trong Đảng Cộng Sản thì những người lãnh đạo khó làm việc; nhưng mỗi thế hệ lại khác nhau; nên nhiều Đảng Cộng Sản Nga Sô và Đông Âu đã thoái hóa. Lý do là cao trào dân chủ và trí thức dâng cao thì người Cộng Sản không thể mị dân được nữa.

Đặng Tiểu Bình chủ trương khác Mao Trạch Đông rằng: "Dầu mè trắng hay mè đen không cần biết, chỉ cần *biết bắt chuột là đủ*". Từ tinh thần này, nước Trung Hoa Cộng Sản đã bắt đầu đổi mới từ năm 1976 đến nay và Cộng Sản Việt Nam không còn bám víu Liên Sô được nữa, nên năm 1986 cũng đã bắt đầu áp dụng chính sách mở cửa. Nếu không có chính sách này thì chúng tôi cũng khó mà có mặt ở Trung Quốc và ngay cả Việt Nam sau này cũng đã thay đổi đường lối này; nên nhiều người đã về lại Việt Nam để thăm quê hương của mình sau bao nhiêu năm xa cách. Điều ấy tốt hay xấu, chúng ta chưa cần bàn đến, chỉ biết rằng ai là con người đều cũng phải có quê hương. Nếu làm

người thiếu quê hương thì không lớn khôn trọn vẹn được. Chủ nghĩa nào rồi cũng khó mà tồn tại ngàn năm. Chỉ có quê hương, tình người, Dân Tộc và Đạo Pháp mới là những điều đáng nói mà thôi.

Trước đây thành phố Thượng Hải cũng chỉ là thành phố ngư nghiệp; nhưng kể từ thế kỷ thứ 13 trở đi Thượng Hải trở thành một thành phố thương mại và đến năm 1842 đời nhà Thanh đã mở ra 5 hải cảng để buôn bán với ngoại quốc, mà Thượng Hải là một trong những hải cảng quan trọng nhất của Á Châu ngày nay. Người Thượng Hải cũng lịch sự, sang trọng không kém gì người Âu Mỹ. Nếu so Thượng Hải với thành phố Heidelberg của Đức thì Thượng Hải lớn hơn 100 lần như vậy.

Sau khi dùng cơm trưa tại khách sạn, cả phái đoàn chúng tôi đi thăm Dụ Viên () ở tại Thượng Hải. Đây là một ngôi vườn của một vị quan Thượng Thư của Triều Đình, nhỏ hơn Chuyết Chính Viên ở Tô Châu; nhưng có nhiều điểm đặc biệt hơn. Trước đây Dụ Viên tọa lạc trên 5 mẫu đất ở ngay trung tâm phố Thượng Hải và tất cả những công trình này phải dựng trong vòng 20 năm mới xong. Bây giờ sau khi cộng sản nắm chính quyền, họ tổ chức thu gọn lại nên ngôi vườn này chỉ còn lại 2 mẫu. Trong này có miếu thờ Thần Hoàng để bảo vệ cho dân chúng Thượng Hải. Vị Thần Hoàng này được hiểu như là một người có thật. Vào thời nhà Minh, vua mời ông ta ra làm quan; nhưng ông đã từ chối và ông chỉ phát nguyện khi ông chết, ông sẽ là người giữ gìn Thượng Hải và kể từ đó trở đi người ta có miếu thờ Thần Hoàng. Vì vậy ở tại Dụ Viên này có nhiều người đến thăm miếu và cầu nguyện tại đây.

Dự Viên tại Thượng Hải

Tối hôm ngày 11 tháng 10 năm 1999 chúng tôi được Ban Tổ Chức Du Lịch đãi một buổi xem xiếc Thượng Hải để đền bù về những thiếu sót, sơ hở tại Cửu Hoa Sơn vừa rồi về chỗ ăn, chỗ nghỉ tại đó. Phải thành thật mà nói cách tổ chức du lịch của Trung Quốc quá hoàn hảo. Đi đâu và đến đâu cũng có người lo tiếp đón và hướng dẫn, từ khách sạn cho đến du lịch. Chỉ khổ một nỗi của phái đoàn là đến đâu cũng phải nói với người thông dịch bảo cho đầu bếp biết rằng đừng cho dầu vào đồ ăn nhiều; nhưng rồi đâu cũng vào đấy. Cho đến việc phái đoàn muốn dùng rau tươi, bảo chỉ luộc với nước sôi thôi, mà họ cũng đem vào nhúng trong dầu. Đem ra, ai cũng hơi ôi! Nhiều người khàn cả cổ không nói nên lời. Nhiều người ho ra đờm và cảm cúm cũng chỉ vì không khí ô nhiễm cũng như cho quá nhiều dầu trong đồ ăn.

Dụ Viên

Bác sĩ Trâm mỗi lần giải thích cho người thông dịch là mỗi lần không hiểu nổi tại sao họ không làm theo mình. Có lẽ vì họ tự ái nghề nghiệp chăng? hay các người đầu bếp họ chỉ lo bảo thủ nghề nghiệp của họ. Nơi nào mà được những đĩa rau luộc không có dầu để chấm xì-dầu là ai cũng hoan hô, mừng rỡ. Mấy ngày đầu ai ăn đồ Tàu cũng rất hoan hỷ; nhưng ăn từ 3 ngày đến một tuần thì ớn lạnh; lúc bấy giờ chỉ còn mì gói, muối mè, xì-dầu là tốt nhất. Không biết người ngoại quốc hay người Hoa họ ăn món Việt Nam họ nghĩ sao, chứ người Việt Nam mà ăn đồ Trung Quốc cảm thấy nó ngán đến cần cổ. Chỉ trừ các thức ăn từ tỉnh Quảng Đông trở xuống có phần giống với Việt Nam nên thức ăn lại hợp khẩu vị hơn.

Trong Dụ Viên ở Thượng Hải

Một điều đặc biệt khác nữa là người Trung Quốc không ăn đồ ăn với cơm là món chính như người Nhật hay Việt Nam mình, mà cơm lúc nào cũng cho mang ra sau cùng, khiến cho cả đoàn đều chờ dài cả cổ. Trong khi đó những người bồi bàn cứ đứng nhìn tại sao mình lại không bắt đầu cầm đũa để họ còn phải dọn bàn nữa. Quả là phong tục tập quán có khác nhau rất nhiều giữa các dân tộc trên quả địa cầu này. Do vậy mà cái nào hay, cái nào dở. Cái nào tốt, cái nào xấu... nó chỉ nằm ở chỗ đối đãi và lý luận theo lối nhị nguyên mà thôi.

Tại rạp hát xiệc hôm đó toàn là người ngoại quốc. Tôi tình cờ ngồi gần một đoàn du khách Nhật Bản, tôi giả lờ như không biết tiếng Nhật để xem họ nói chuyện hay bình phẩm những gì. Cuối cùng thì được nghe là: Tại sao không giới thiệu chương trình bằng tiếng Nhật, mà chỉ có tiếng Anh và tiếng Trung Quốc? Tôi ngồi bên mà cười thầm cho cái tinh thần đế quốc của người Nhật vẫn còn nơi dòng máu của họ. Thật ra vì người Nhật đi du lịch nhiều và đây là mối lợi lớn của những nước mà họ đến; nên tại phi trường, khách sạn v.v... đa phần đều có xử dụng tiếng Nhật như ở Úc và ngay cả ở Mỹ nữa; nhưng đâu phải nhứt thiết chỗ nào cũng phải nói tiếng Nhật đâu. Làm như thế người Nhật sẽ

lười biếng không học tiếng Anh. Người Nhật cũng có nhiều người nói được nhiều thứ tiếng nhưng không giỏi mấy. Vì lẽ ngôn ngữ của họ mẫu âm nhiều, tử âm ít; nên khi đọc khỏi cần nhấn dấu giọng, mọi người đều hiểu; nhưng tiếng ngoại quốc thì ngược lại; nên cần phải có dấu nhấn mới đúng giọng được.

Những màn múa sư tử, xoay đĩa, nhảy vòng, đi xe đạp v.v... đã làm cho nhiều người xem xiết nhiệt liệt tán thưởng. Vì tất cả đều điều luyện. Trên một chiếc xe đạp bình thường mà có đến 12 người nam nữ, lớn nhỏ chồng chất lên đó. Nếu là người Âu Mỹ chắc chiếc xe đạp này sẽ bị xẹp xuống. Vì thể lực của người Âu Mỹ nặng gấp 2, gấp 3 người Á Châu mình.

Đẹp nhất là màn múa sư tử. Vì tại Âu Mỹ không có. Ngoài ra tại Trung Quốc cũng có múa rồng; nhưng ở Việt Nam chúng ta thì có múa lân. Con lân khác con sư tử và con rồng; nhưng múa lân thì vui nhộn hơn và rầm rộ hơn. Tuy nhiên múa sư tử và múa rồng cũng có cái hay đặc biệt của nó.

Sau khi xem xiết phái đoàn đã ra về trong sự hỉ hả của tâm hồn. Vì đây là một sự đền bù rất xứng đáng, cái hay, cái đẹp ở đâu ai cũng thích. Cái dở, cái xấu ở bất cứ nơi nào cũng bị ghét gông chối từ. Vì vậy là con người nên gạn đục khơi trong để nơi tận cùng của tâm thức mình ai ai cũng sẽ trở về con đường toàn thiện và toàn giác.

Phái đoàn ai cũng muốn ở lại Thượng Hải thêm một ngày nữa; nhưng điều ấy không đơn giản. Vì lẽ khách sạn, nơi ăn, chốn ở v.v... đã được định trước; nên không có cách gì hơn là phải chuẩn bị hành lý để lên đường và lần này chúng tôi cũng được đi một đoạn

máy bay nội địa lần thứ hai trong chuyến hành trình dài, lâu và xa xôi diệu vợi này.

Hôm nay thì có nhiều người trong đoàn đã bắt đầu nhớ nhà nên đã mua Carte điện thoại để gọi đi khắp nơi để báo tin và hỏi han. Đây cũng là một chuyện bình thường của nhân thể mà thôi. Chưa đi thì mong đi. Đi rồi thì mong đến. Đến rồi thì mong cho mau xong. Xong rồi thì mong về liền. Về xong rồi lại chuẩn bị cho một cuộc hành trình khác. Quả là con người có nhiều điều để đáng nói đến.

Đến nơi Đường Minh Hoàng du nguyệt điện

Thành Đô

Từ 8 giờ sáng ngày 10 tháng 10 năm 1999 phái đoàn chúng tôi đã lên xe Bus để đến phi trường Thượng Hải, chuẩn bị cho chuyến bay dài 3 tiếng 40 phút đồng hồ. Đây là chuyến bay dài

nhất trong nội địa Trung Quốc. Có thể hơn 2.000 cây số. Phi trường Thượng Hải là một trong những phi trường văn minh nhất nhì thế giới, có thể so sánh với các phi trường Âu Mỹ; còn phi trường Bắc Kinh thì còn lâu lắm mới có thể so sánh được.

Tại phi trường chúng tôi đã làm thủ tục hải quan và có nộp tiền mới 100 Nhân Dân Tệ cho nhân viên thu thuế phi trường nhưng họ không biết. Vì đồng bạc này mới phát hành tại Trung Quốc hôm ngày 1.10.1999 vừa qua. Tại mỗi phi trường nội địa Trung Quốc, khách ngoại quốc cũng như hành khách nội địa phải đóng thuế mỗi người 50 Nhân Dân Tệ. Xa lộ tại Trung Quốc cũng vậy, phải đóng nhiều đoạn khác nhau trên suốt một lộ trình. Nhiều lúc đi đường thật xấu; nhưng vẫn bị đóng thuế. Tôi hỏi Lương Nghị ngồi bên rằng tại sao đường như thế này mà phải chịu thuế? Lương Nghị trả lời rằng: "Đóng thuế để chính phủ làm đường mới" và cứ thế mà người dân đã an tâm để làm bốn phận, chẳng thấy ai kêu nài việc gì cả, mặc dầu cuộc sống của họ rất kham khổ.

Tại phi trường Thượng Hải tôi có nghe loan báo các chuyến bay đi đâu bằng tiếng Nhật, ngoài tiếng Anh và tiếng Trung Hoa. Nghe đâu từ Osaka bay qua Thượng Hải chừng 2 tiếng đồng hồ và vật giá ở đây rất rẻ so với Nhật; nên từng đoàn người Nhật đã đến đây để du lịch. Có lẽ đây cũng là địa bàn cũ mà người Nhật đã có mặt lâu năm tại đây nên họ cũng muốn trở lại nơi xa xưa để thăm lại nơi mà Nhật đã chiếm để làm thuộc địa cũng nên.

Phái đoàn đã đến phi trường Thành Đô Chengtou lúc 13 giờ 40 phút, được một anh thông dịch tên là

Khang Cường nói rành tiếng Đức và sẽ hướng dẫn phái đoàn gần một tuần lễ tại địa phương này.

Từ Thành Đô đến Tào Ngự Than phải cần 4 tiếng đồng hồ. Do vậy trên xe Bus anh ta có nhiều thì giờ để giới thiệu về Thành Đô là thủ phủ của Tứ Xuyên và các danh lam thắng cảnh tại đây. Anh thông dịch có kể rằng có một người Đức tên là Berthold Brecht đã viết một cuốn sách về người con gái của Tứ Xuyên. Diện tích của tỉnh Tứ Xuyên rộng 567.000 cây số vuông, có 108.000.000 (108 triệu) dân cư đang sinh sống, nghĩa là tỉnh này có diện tích bằng nước Pháp. Tại tỉnh này có lịch sử từ 2.300 đến 2.500 năm. Tỉnh này có liên hệ với các tỉnh của miền Nam Trung Hoa bởi đường văn minh tơ lụa qua sự chuyên chở của sông nước.

Vào thế kỷ thứ 10 có một vị quan đến đây cai trị và vị quan này rất thích hoa phù dung nên đã trồng khắp Thành Đô toàn bằng cây phù dung; nên thành phố này cũng mang tên Thành Phố Phù Dung. Điều ấy cũng giống như thành phố Quảng Châu ngày nay mà ngày xưa đã gọi là Dương Thành. Có lẽ nơi đây có nhiều đoàn dê đã ở và được nuôi nấng tại đây. Hoa phù dung là một loại hoa sớm nở tối tàn thế mà cũng có nhiều người thích. Có lẽ ông quan này muốn thưởng ngoạn về tánh vô thường của vạn hữu sớm thay đổi như thế chẳng?

Thành phố Thành Đô cũng còn gọi là Thành Phố Tơ Lụa. Vì một phần ba tơ lụa của Trung Quốc được sản xuất tại đây. Dọc đường trên xe Bus chúng tôi đảo mắt nhìn hai bên đường thấy đất đai tại đây rất màu mỡ. Người nông dân chỉ có một thửa ruộng nhỏ nhưng trồng đủ thứ hoa màu nào rau, nào lúa, nào cải, nào

đậu, nào khoai, nào sắn v.v...; nhưng cây nào cũng bụ bẫm xinh tươi; nhìn hoài không thấy chán. Nhiều lúc tôi muốn dừng lại để chụp một vài tấm hình để lưu niệm; nhưng sợ trễ giờ đến khách sạn; nên lại cố gắng không nghĩ lâu. Vả lại có chỗ nghỉ dọc đường đi chẳng nữa cũng không đàng hoàng lắm. Do đó mọi người lại vội vã lên xe để đi tiếp.

Dân số Thành Đô có 9.600.000 dân, sống trên diện tích 162.400 cây số vuông. Chung quanh Thành Đô là núi, ở giữa là thung lũng; nên 80% dân chúng tại đây sống về nghề nông nên việc trồng dâu nuôi tằm cũng rất dễ dàng và kể từ những thế kỷ thứ 7, thứ 8 đã có sự liên hệ buôn bán với Ấn Độ và Trung Đông. Vì tại đây có sông Cẩm Giang chảy ngang qua thành phố này. Chũ Cẩm cũng có nghĩa là tơ lụa, vải sợi. Tại đây cũng là một thành phố văn hóa, vì có thi hào Đỗ Phủ (712-770) đời nhà Đường xuất thân. Tại đây cũng có công viên và nhà thờ để tưởng niệm nhà thơ Đỗ Phủ này. Tại đây thời Tam Quốc (Ngụy, Thục, Ngô) Lưu Bị cũng xuất thân từ thành phố này. Truyện Tam Quốc có lẽ ai trong chúng ta cũng đều có nghe hoặc đọc qua, thiết tưởng ở đây không cần nhắc lại nữa. Chỉ có một điều là phái đoàn chúng tôi đã đến được nơi sinh trưởng của thi hào Đỗ Phủ cũng như nơi sinh trưởng của Lưu Bị là ai nấy cũng đều vui mừng rồi.

Đi dọc đường anh thông dịch viên cũng có giới thiệu ở gần đây có những rừng trúc lớn và những con gấu Panda vẫn còn sống với thiên nhiên tại đây. Gấu Panda đã được gởi tặng qua Mỹ và một vài nước ở Âu Châu và những nơi này gấu Panda được nuôi trong các Sở Thú, được nuôi nấng rất kỹ và thức ăn chỉ toàn

là lá tre. Tại vùng Tứ Xuyên này vào mùa Hè nhiệt độ từ 24 đến 26 độ C. Có lúc nóng nhất vào tháng 8 lên đến 35 độ C. Về mùa Đông có năm nhiệt độ xuống chỉ còn 4 hay 5 độ C. Những thành phố tại Tứ Xuyên cũng phát triển kỹ nghệ nhiều nên nhiệt độ lại ấm dần lên và ô nhiễm càng nhiều. Vì vậy cho nên những thập niên gần đây tuyết không còn rơi nữa. Mùa Xuân nơi đây thường đến sớm và mùa Thu là mùa đẹp nhất tại Tứ Xuyên. Tại đây cũng có 4 mùa rõ rệt và đầu bếp nổi tiếng trên thế giới cũng là những đầu bếp đến từ Tứ Xuyên. Tuy nhiên thức ăn của Tứ Xuyên rất cay. Cay hơn ca-ri của Ấn Độ và muối ớt của Việt Nam rất nhiều. Tại đây cũng có trường phái hội họa rất nổi tiếng của các thời kỳ trước, nay còn tồn đọng lại. Tại Tứ Xuyên cũng có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng như Nga Mi Sơn và tượng Phật Lạc Sơn.

Sau hơn một tiếng đồng hồ giới thiệu thì mọi người đi vào giấc ngủ êm đềm của quê hương Tứ Xuyên với ruộng đồng và với mây ngàn nội cỏ. Sau đó chúng tôi cũng đã đến Tào Ngự Than, nơi mà Đường Minh Hoàng đã chạy trốn và ẩn nấp nơi đây nhiều ngày tháng. Các bô lão trong làng cũng đã cho nhà vua ăn những miếng cơm cháy và nhà vua đã dùng ngon lành còn hơn là những món ngự thiện tại hoàng cung và về sau vua cũng như Dương Quý Phi có về đây để đi lễ chùa tạ ơn Tam Bảo đã che chở cho vua trong những thời kỳ khó khăn nhất.

Cuối cùng rời phái đoàn chúng tôi cũng đã đến khách sạn Vọng Hồ, một khách sạn nằm sâu trong rừng núi và dường như ít có khách trần ai dạo cảnh nơi này; nên không gian trống vắng và cảnh vật lại tang thương đến thế là cùng.

Tại Tào Ngự Than

Có nhiều người trong đoàn khi đến vùng này thì rất thích thú, vì có sơn thủy hữu tình. Vì vậy nên Đường Minh Hoàng ngày xưa đến đây để yêu thiên nhiên và cảnh vật chung quanh cũng là điều hữu lý; nhưng với khách du lịch Âu Mỹ thì không nên ở lại Tào Ngự Than, vì nơi đây thiếu những tiện nghi tối thiểu cần thiết của một khách sạn. Do đó nên tìm khách sạn ở nơi khác và đến Tào Ngự Than thăm thì hay hơn. Tại nơi đây du khách nội địa đến thăm nhiều hơn khách ngoại quốc, do vậy các khách sạn ở đây chỉ dành cho khách bình dân mà thôi. Dĩ nhiên khi

đi hành hương chúng ta không cần đòi hỏi những tiện nghi tuyệt đối; nhưng những tiện nghi căn bản phải có. Ví dụ như nước nóng, khăn lau mặt v.v... nhưng ở khách sạn Vọng Hồ khi mở vòi nước ra thì một làn nước đục ngầu tuôn chảy xối xả vào bồn rửa mặt, khiến cho khách phương xa cứ ngỡ là tại khách sạn này lâu lắm mới có khách đến, hoặc giả họ lo là về vấn đề vệ sinh; nên có nhiều người đã đề nghị với tôi là lần sau không nhất thiết phải đến Tào Ngự Than nữa. Hoặc có đến chỉ nên ở một đêm là vừa. Còn ở đây tới hai đêm, xem ra phí phạm thời gian trong chuyến lữ hành nhiều quá. Hoặc giả ở chỗ khác, rồi đến đây xem cũng không sao.

Thiên Tháp Phật Quốc ở Tào Ngự Than.

Phái đoàn chúng tôi lên xe Bus để đi thăm chùa Kim Chu, do một cô hướng dẫn viên nói tiếng Anh đơn giản tại nhà quê này và cô ta cũng than là muốn lên

phố lớn để làm nghề này cũng như trau dồi Anh ngữ; nhưng chủ của cô không muốn. Vì chỉ có cô ta ở nơi đây biết nói một ít tiếng Anh, do vậy cô ta phải bám trụ tại xứ này. Theo cô giải thích thì Tào Ngự Than là một địa danh mới được khai mở cho khách du lịch ngoại quốc, cho nên những phương tiện công cộng còn yếu kém lắm.

Tại chùa Kim Chu này chúng tôi đã tụng kinh, cúng dường và có gặp một Ni Cô tu tại đây. Chùa rất xưa và khung cảnh chung quanh rất hùng vĩ. Nếu ai đến tuổi về hưu, không còn bận ba với ngoại cảnh nữa; nên về đây để đọc sách, tụng kinh cũng như vui thú thiên nhiên thì rất hợp tình hợp lý.

Tiếp theo chúng tôi đã đi thăm Thiên Tháp Phật Quốc. Trên thực tế thì tại đây chỉ còn lại khoảng 100 ngôi bảo tháp làm bằng đá mà thôi. Có cái tạc sát vào tường, có cái rời rạc chung quanh tượng Đức Thích Ca nhập Niết Bàn được khắc sâu vào trong núi đá... Vì thời gian năm tháng bị hao mòn; nên những tháp đứng lẻ loi bị gió mưa, bão táp làm hư hại, nên chỉ còn 100 ngôi bảo tháp cũng nên.

Tào Ngự Than

Mọi người đã lên nơi tượng Đức Phật Nhập Diệt để tụng kinh và đốt nhang cũng như chiêm bái, thường thức cảnh đẹp của cảnh Tào Ngự. Từ đây là núi, đứng nhìn xuống sông và bên kia cũng là núi, có sương mai bao phủ; nên khiến cho núi đồi trở nên chập chùng biến hiện và cảnh càng đẹp hơn. Chung quanh tượng Đức Phật Nhập Diệt có một vài người ngồi xem tướng số và một số họa sĩ nghiệp dư cũng đến đây để vẽ tranh và mong tìm một chút lợi nhuận cho cuộc sống của mình. Tướng số thuộc về mê tín dị đoan, ở xã hội Trung Hoa bị bài trừ; nhưng có lẽ đây là làng quê chẳng ai để ý đến. Nếu có một họa sĩ nào hữu danh đến đây để xem phong cảnh, rồi vẽ nên những bức họa tuyệt vời thì có lẽ Tào Ngự Than lại nổi tiếng nhiều hơn chăng?

Tiếp đến cả đoàn đến thăm chùa Quan Âm. Chùa này nằm trên một vị trí rất đẹp. Chùa nằm trên núi cao nhìn xuống bãi biển Tào Ngự trông rất hùng dũng và nên thơ. Nếu cảnh này vào một buổi chiều Thu, ngồi đây mà ngâm thơ thưởng nguyệt thì rất tuyệt vời. Trước chùa có một bình phong tạc hình Đức Quan Thế Âm cỡi trên Khổng Tước rất đẹp và lên nữa thì có tạc Pháp Hội Linh Sơn, nơi có Đức Bồ Đề Đạt Ma đang thuyết pháp, hai bên có Ngài Văn Thù và Ngài Phổ Hiền ngồi hầu. Chung quanh là các vị Bồ Tát và các vị A-La-Hán đang thính pháp văn kinh. Cuối cùng nơi điện chính có

thờ tượng Quan Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn trông rất đẹp và hùng vĩ.

Chùa Kim Chu

Chùa Viên Giác tại Hannover cũng đã đặt một tượng Quan Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn gồm ngàn tay ngàn mắt, cao 5 thước bằng gỗ mít và tượng này đang được thếp vàng. Tượng được tạc gần Hà Nội và sau một năm thi công bây giờ tượng mới xong. Có lẽ trong năm 2000 tượng sẽ đến chùa Viên Giác. Đây là một công trình điêu khắc có một không hai mà Phật Giáo Việt Nam của chúng ta đang có tại hải ngoại.

Ngoài ra chùa Viên Giác cũng đang đặt để tạc một bức tượng Địa Tạng cao hơn 3 thước bằng đá non nước ở Việt Nam. Sau chừng một năm nữa, tượng sẽ đến Hannover. Tượng này sẽ được tôn trí nơi nghĩa địa của chùa gần đó.

Dưới chân Phật Nhập Diệt tại Tào Ngự Than

Tại chùa này hiện có một số Sư Cô đang tu niệm tại đây. Khi gặp Ni Sư Diệu Tâm, Sư Cô Minh Hiếu và Cô Tuệ Đàm Nghiêm, xem ra quý Sư Cô tại đây cũng

quyến luyến lắm, mặc dầu ngôn ngữ không thông; nhưng qua cách diễn tả, mọi người chung quanh hiểu được điều đó. Chúng tôi trở lại xe Bus và về lại khách sạn dùng trưa và nghỉ ngơi một chút để sau đó còn tiếp tục chương trình của buổi chiều nữa.

Buổi chiều trên bãi Tào Ngự rất đẹp. Chúng tôi đã lên thuyền rồng và dạo chơi trên dòng sông Thanh Giang này độ 2 tiếng đồng hồ. Ngày xưa Đường Minh Hoàng du nguyệt điện có lẽ nhờ những cảnh đẹp này chăng - mà ông ta mới mộng mơ về một thế giới khác? Thuyền rồng bây giờ vua không đi nữa, mà chỉ để dành cho những du khách như chúng tôi đi. Nhìn chung quanh thấy cảnh vật im lặng như tờ. Chỉ có nước chảy róc rách, thỉnh thoảng có những con cá phóng lên khỏi mặt nước để tìm một cảm giác xa lạ nào đó trong không khí, rồi lại tìm vào trong thế giới lạnh lẽo của kiếp chúng sanh này.

Trên thuyền rồng - sông Thanh Y

Đi trên thuyền chúng tôi nhìn phong cảnh hai bên chùa tháp rất đẹp. Cả một khung trời bao la vi diệu, chỉ có con người và cảnh vật, khiến cho ai nấy trên thuyền cũng lặng yên để như tự tìm vào nơi tâm tư mình một hình ảnh nào đó xa xôi trong quá khứ và mong mỗi một sự trở về.

Có đi ra rồi mới biết phong cảnh của các nơi khác. Nếu chỉ có một nơi thì không có đối tượng để so sánh. Cho nên câu "đi ngày đàng học sàng khôn" là vậy.

Buổi chiều còn thời gian mọi người đi dạo phố để mua chuối và thăm viếng phố xá nhà quê. Sau khi đi phố về, quý Thầy, quý Cô kể rằng ra gặp người dân địa phương cho tiền họ không lấy. Có lẽ ở đây họ không biết tham lam và xin xỏ là gì. Vì họ thấy lạ và những người này nói không cùng ngôn ngữ với mình; nên phải đoàn tụ họ bao vây lại xem rất đông.

Đọc đường trở về khách sạn thấy có nhiều người, kể cả đàn ông lẫn đàn bà đã khiêng, đội, khuân vác những mẻ đất rất là nặng nề; nhưng trên môi họ vẫn nở một nụ cười rất tươi tỉnh. Dường như họ không biết mệt nhọc là gì ?

Cũng là người Trung Quốc, nơi hiền lành này cho tiền họ không lấy, và cũng là người Trung Quốc nhưng tại Thành Đô một nơi có nhiều người đô hội, khi ra đường nếu không giữ cửa thì phải giữ thân cho cẩn thận. Nếu không sẽ bị rạch túi. Điều ấy tôi đã lưu ý cả đoàn; nhưng khi về lại Thành Đô, lúc đi phố vẫn có người bị rạch túi như thường. Quả thật chúng sanh là thế. Có người thế này và có nơi thế khác; chẳng có nơi nào giống nơi nào cả là vậy.

Hương đến Nga Mi Sơn

Trong đời tôi có nhiều lời nguyện và những lời nguyện đã được viên thành, đó là đi chiêm bái và đánh lễ Tứ Thánh Địa ở Ấn Độ và Tứ Đại Danh Sơn ở Trung Quốc. Tứ Thánh Địa là nơi Đức Phật Đản Sanh, nơi Đức Phật Thành Đạo, Thuyết Pháp lần đầu tiên và nhập Niết Bàn. Đây là bốn cảnh quan trọng trong cuộc đời của Đức Phật. Ngoài ra còn những nơi quan trọng khác như Kỳ Viên Tịnh Xá ở nước Xá Vệ; Trúc Lâm Tịnh Xá tại Vương Xá Thành v.v... như trong kinh Đại Bát Niết Bàn có truyền dạy lại rằng:

"Sau khi Như Lai diệt độ; nếu có thiện nam tử và thiện nữ nhân nào có duyên đến chiêm bái, đánh lễ nơi tứ động tâm, cũng giống như đã gặp Phật và thiện nam tử, thiện nữ nhân này đã bao đời có trồng căn lành và nhân duyên với Phật Pháp; nên trong hiện tại mới được như vậy".

Vì lẽ đó nên đã có nhiều chuyến hành hương chiêm bái Phật tích và từ năm 1989 đến nay, tôi đã có nhân duyên 4 kỳ đến chiêm bái tứ động tâm này.

Riêng tứ đại danh sơn của Trung Quốc do các Tổ Sư Trung Hoa thành tựu các công đức tu hành; nên 4 ngọn núi danh tiếng của Trung Hoa đã trở thành những đạo tràng thanh tịnh để xiển dương giáo lý Đại Thừa. Đó là:

- Ngũ Đài Sơn, nơi thị hiện của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, ngày nay nằm tại tỉnh Hà Bắc gần Bắc Kinh.

- Nga Mi Sơn, nơi thị hiện của Đức Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, ngày nay nằm tại tỉnh Tứ Xuyên.

- Phổ Đà Sơn, nơi thị hiện của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, ngày nay nằm gần Thượng Hải.

- Cửu Hoa Sơn, nơi thị hiện của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát, ngày nay nằm tại tỉnh An Vi, trung tâm của nước Trung Hoa.

Cảnh trí Nga Mi Sơn

Đây gọi là tứ đại danh sơn vì tôi đã có nhân duyên đến thăm cũng như đánh lễ nơi thị hiện của 4 vị Bồ Tát này, mà trong kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Đại Bát

Niết Bàn, Đại Bảo Tích, Đại Bát Nhã v.v... quý Ngài Bồ Tát này đều hiện hữu và sau này với tinh thần Đại Thừa này Ngài Tuyên Hóa qua Mỹ Quốc cũng đã tuyên dương qua bốn nơi như San Diego, Los Angeles, San Francisco và Vancouver làm 4 đạo tràng của 4 vị Bồ Tát này. Tất cả những nơi này tôi đã đi và đã đến. Kể ra như thế thì nhân duyên đã hội đủ; nên trong đời mình cũng đã tròn lời ước nguyện. Ngày nay tôi ngồi nơi đây, hôm nay ngày 31.12.1999 viết đoạn này tại Niệm Phật Đường Viên-Ý ở Ý quốc này, viết về Đại Danh Sơn thứ 4 và cũng là nơi đi sau cùng trong 4 danh sơn. Xin hồi hướng công đức này lên ba ngôi Tam Bảo để tạ ơn chư Phật và chư Bồ Tát, đã gia hộ cho cá nhân tôi cũng như nhiều vị có cơ hội đi hành hương chung với chúng tôi được thành tựu viên mãn nhiều nguyện ước.

Nga Mi Sơn là một quần thể núi rất đẹp và tự nhiên; nên ngọn núi này ngày nay đã trở thành "di sản tự nhiên và văn hóa của thế giới".

Núi tại Nga Mi Sơn cao từ 2.600 thước đến 3.099 thước, kể từ mặt biển. Nơi đây có nhiều ngôi chùa Phật Giáo cổ và là thánh địa của Phật Giáo. Nơi đây cũng là thiên đường của thú vật, vì cảnh trí còn tự nhiên cũng như không khí trong lành. Tại Nga Mi Sơn có nhiều cảnh trí đẹp đẽ. Ví dụ như Tiên Sơn Phật Quốc, Nga Mi Thiên Hạ Tú, Kim Đỉnh Nhật Xuất, Kim Đảnh Tường Quang, Báo Quốc Tự, Vạn Niên Tự v.v...

Nơi đây đã có gần 2.000 năm lịch sử phát triển về văn hóa Phật Giáo. Tại Thánh Địa này có hơn 30 ngôi chùa danh tiếng. Tại chùa Vạn Niên có thờ Đức Đại Hạnh Phổ Hiền bằng đồng có tính cách lịch sử và đây cũng là chìa khóa để mở cánh cửa vào thánh tích này.

Tại đây cũng có hơn 3.000 loại cây cỏ khác nhau và hơn 2.300 loại động vật sinh sống.

Sở dĩ mà Nga Mi Sơn được ca tụng như thế vì Nga Mi có nghĩa là lông mày đẹp của người con gái và sơn có nghĩa là núi. Do vậy ngọn núi này riêng về cảnh trí thiên nhiên đã là "thế gian đệ nhất cảnh" rồi, không đâu sánh kịp. Mà thật thế, ở Trung Quốc cảnh trí trùng trùng điệp điệp và bất cứ nơi nào thuộc về thiên nhiên thì trên thế giới này chẳng có nơi nào hơn. Do vậy sau khi đi Trung Quốc về, tôi có nói rằng: "Tại Mỹ quốc có văn minh nhưng không có văn hóa. Ngược lại tại Trung Quốc có văn hóa, nhưng không có văn minh". Nói như thế nhiều người bảo rằng hơi quá đáng; nhưng đứng trên bình diện tương đối; nếu có ai trong quý vị đã tham quan những nơi này rồi, có lẽ nhận xét của tôi cũng không phải chủ quan mấy.

Từ 9 đến 12 giờ ngày 14.10.1999 phái đoàn của chúng tôi đã di chuyển bằng xe Bus từ Tào Ngự Than đến chân núi Nga Mi. Sau đó chúng tôi dùng cơm trưa tại khách sạn và đem hành lý vào đây gửi; đoạn sang xe Bus nhỏ cho dễ đăng sơn và hơn 2 tiếng đồng hồ, chúng tôi đã đến trạm dây Cable. Nhiệt độ ở đây bắt đầu lạnh và không khí ẩm thấp. Nhiều người đã cảm thấy lạnh và có nhiều người gạ cho mượn áo đi mưa. Sau 15 phút đi dây Cable, mọi người đã lên đến tận đỉnh của núi Nga Mi. Nơi này gọi là Kim Đỉnh, có nghĩa là Đỉnh Vàng; có nghĩa là từ đây; nếu xem được mặt trời mọc, hình ảnh của mặt trời không khác gì màu hoàng kim rực rỡ chiếu sáng tỏa cả một khoảng trời đất bao la vi diệu ấy. Khi lên đến khách sạn Ngọa Vân lầu ở độ cao 3.099 thước ai ai cũng thấy khó thở và những bước đi rất nhẹ nhàng, giống như người trên tiên giới.

Vì lẽ nơi này cao nên khí Oxygen rất mỏng. Nếu người nào áp huyết thấp, cảm thấy khó thở. Tại đây khách sạn rất đẹp. Tuy nhiên nhiều người cảm thấy bất an, vì thời tiết thay đổi đột ngột; nên đã có lắm người bệnh. Bác sĩ Lữ và Bác sĩ Trâm đã tận tâm làm việc trong thời gian này và chính cá nhân tôi cũng bắt đầu thấy khó chịu.

Suốt một đêm ở Ngọa Vân lầu nơi Kim Đính ai cũng khó ngủ. Vì đúng là ngọa vân, chung quanh phòng chúng tôi đều có những cụm mây bao phủ. Hay nói đúng hơn là nằm trên mây. Chúng tôi hiện giờ giống như người thoát tục, ai cũng tưởng mình là Tiên. Vì bước đi rất nhẹ nhàng và hơi thở trở nên nặng nề. Cho nên những người ở thế giới bên trên nhẹ nhàng hơn là những người ở hạ giới cũng phải. Khi đi lên thì thân cũng như tâm phải hướng thượng, rời xa những khổ đau tục lụy của thế gian; nên những ai về tiên cảnh hoặc thế giới của chư vị Bồ Tát và chư Phật đều có một tâm thức giải thoát. Còn những chúng sanh có tình thức và cư mang bởi thất tình lục dục hay tam độc tham, sân, si, như loài người trở xuống thì chắc chắn không có được một thân thể nhẹ nhàng được.

Sau khi dùng điểm tâm tại khách sạn, phái đoàn chúng tôi đã bắt đầu đi hành hương chiêm bái các chùa trên đỉnh núi và chùa chúng tôi đến đầu tiên gọi là Ngọa Vân Thiền Tự. Đúng là chùa cổ mà chùa này lại chìm ngập trong mây mù. Ngày xưa các Thiền Sư lánh tục vào đây chắc là an lạc lắm. Còn ngày nay những vị đang tu hành tại nơi đây, chắc chắn bị quấy rầy. Vì lẽ khách hành hương đến đây mỗi ngày đều tấp nập. Chúng tôi đành lễ Tam Bảo và cúng dường, sau đó chúng tôi tiếp tục leo núi và lên dốc, nhưng đường ở

đây rất tốt và có những tượng đá tạo thành những nấc thang để khách hành hương dễ đi. Trên đường đi có nhiều người Trung Quốc mang khi con đến để làm xiệc cho những người tham quan xem. Loại khi này rất đặc biệt. Tuy nhỏ; nhưng đuôi của chúng dài và quấn quanh tay chân của khách hành hương; nếu có lệnh của chủ.

Tiếp đến chúng tôi đi chùa Hoa Tạng. Nơi này có thờ Đức Phổ Hiền rất cũ. Sau khi tụng kinh niệm Phật và cúng dường, phái đoàn xin phép vị thủ tự đi xuống Đại Hùng Bửu Điện để làm lễ quy y Tam Bảo cho người hướng dẫn viên tên là Lương Nghị và lễ Thọ Thập Thiện cho Đạo Hữu Huệ-Ân Trần-Thị Hồng-Châu đến từ Ý. Ở đây cũng xin mở một dấu ngoặc để nói thêm một ít về anh thông dịch viên tiếng Việt này.

Anh ta còn trẻ lắm, sinh năm 1974; nghĩa là tròn 25 tuổi, mà đã đi làm nghề hướng dẫn viên du lịch 3 năm rồi. Anh ta tên là Lương Nghị, sinh tại Nam Ninh, thủ phủ của tỉnh Quảng Tây trong một gia đình trung lưu, cha làm giáo viên Trung Học Đệ Nhị Cấp, mẹ làm công nhân viên và Lương Nghị có 3 anh em.

Tôi có hỏi, tại sao Lương Nghị không học tiếng khác mà học tiếng Việt để làm gì?

Lương Nghị trả lời rằng: Vì ở gần biên giới Việt Nam và tiếng Việt dễ học hơn các tiếng khác. Mặc dầu ba của Nghị muốn Nghị học văn học Trung Quốc để trở thành Thầy giáo như ông ta; nhưng Nghị không thích nghề giáo lắm; nên đã chọn nghề hướng dẫn viên du lịch và có lẽ đây mới là cơ duyên để gặp phái đoàn của chúng tôi.

Nguyên là phái đoàn đi lần trước không có loại National Guide này và lần này tôi yêu cầu chị Mỹ-Anh bán vé máy bay của hãng du lịch tại Đức; nên có một

người như thế để có chuyện gì thì phái đoàn nhờ vả cũng dễ, chứ tiếng Trung Quốc không thông thì cũng không biết làm sao bây giờ. Còn Guide địa phương thì nói tiếng gì cũng được và khi yêu cầu thì theo thứ tự ưu tiên như sau: Guide National dịch từ tiếng Trung Quốc ra tiếng Việt Nam. Còn Guide địa phương có thể dịch ra tiếng Đức, Anh, Nhật là những yêu cầu tiếp theo. Nghĩa là nói tiếng nào cũng được. Vì trong đoàn của chúng tôi có nhiều người có khả năng dịch được nhiều ngoại ngữ.

Sau mấy ngày đi chung với phái đoàn, Sư Cô Minh Hiếu thấy Lương Nghị hút thuốc, nên đã bảo rằng: Nếu Nghị bỏ hút thuốc thì Cô sẽ cho 400 Nhân Dân Tệ, tương đương với 100 Đức Mã và bằng lương 1 tháng của thông dịch viên chứ đâu có ít. Anh ta nghe nói như vậy; nên đã hăng say phát nguyện và cương quyết bỏ hút thuốc. Ban đầu có lẽ anh ta nghĩ về số tiền to lớn ấy; nhưng sau khi đi hết 21 ngày với phái đoàn, Sư Cô Minh Hiếu biếu 400 Yuan thì anh ta bảo rằng: Con không dám nhận. Vì lẽ ban đầu chỉ có tính cách thử thách; nhưng bây giờ thì con đã tự chinh phục với chính mình rồi. Dĩ nhiên là ai cũng hài lòng và còn biếu tiền thêm cho anh ta nhiều hơn như thế nữa. Anh ta đã nhận hết trong niềm tự hào và hoan hỷ của mọi người.

Điều ấy không quan trọng bằng việc quy y Tam Bảo. Ban đầu Nghị chỉ mới là người làm quen với Đạo Phật; nhưng hôm nay ngày 15.10.1999 này Lương Nghị đã phát tâm quy y Tam Bảo. Trong thời gian đi chung đoàn quý Ni Sư và quý Sư Cô cũng như quý Phật Tử đã khuyến khích anh ta nên quy y, vì đây là một cơ hội tốt nhất. Thế là anh ta đã phát nguyện và lễ

quy y Tam Bảo đã được tổ chức tại chùa Hoa Tạng này.

Hôm đó giới tràng là chánh điện chùa Hoa Tạng. Giới Sư gồm 5 vị: Tôi, Đại Đức Thông Trí, Ni Sư Diệu Tâm, Sư Cô Minh Hiếu và Cô Tuệ Đàm Nghiêm. Như vậy là một lễ đúng pháp và đúng luật. Nơi nào không có chư Tăng, nếu có đủ 5 vị cũng trở thành một Giới Đàn Tỳ Kheo; nhưng nơi đây chúng tôi chỉ truyền ngũ giới và thập thiện; nên việc hình thức không phải là điều đáng chú ý. Điều đáng nói tại đây là giới thể và giới tướng nơi giới tử được thể hiện trọn vẹn là đủ rồi.

Toàn cảnh chùa Hoa Tạng
trên đỉnh Nga Mi Sơn cao 3099 thước

Một số các giới tử đã thọ giới rồi thì hộ giới ngồi phía sau và 2 vị thọ giới thì quý phía trước. Tôi giảng qua bằng tiếng Việt và bảo 2 người lặp lại. Sau đó tôi hỏi giới tử và giới tử nếu thấy thọ lãnh được thì đáp

rằng "Mô Phật" dạ giữ được. Nếu giới nào giữ chưa được thì đáp rằng: "Dạ, con xin cố gắng". Giữ mấy giới cũng tốt, chứ không nhất thiết phải giữ đủ 5 hay 10 giới. Việc thọ giới chỉ có tính cách tự nguyện, chứ không có tính cách bắt buộc. Nếu người nào siêng năng giữ gìn giới pháp thì Phật tánh dễ hiển bày; nếu người nào lười biếng thì tự mình phải chịu trách nhiệm với bản thân mình, chứ cũng chẳng có ai bị phạt vạ cả. Nếu điều ấy mình chưa làm được. Tôi có nghe Lương Nghị phát nguyện giữ 3 giới và 2 giới thì cố gắng giữ. Cuối cùng cho pháp danh của Lương Nghị là Thiện Tâm. Còn Đạo Hữu Huệ An vẫn giữ pháp danh ấy, vì lẽ chỉ thọ giới thập thiện của người tại gia; nên không cần phải đổi pháp danh.

Lễ Quy Y Tam Bảo cho Thiện-Tâm Lương-Nghị
và lễ truyền Thập Thiện cho Đạo Hữu Huệ-An

Một lễ quy y đơn giản; nhưng đã khắc sâu vào tâm khảm của mọi người và Lương Nghị cũng rất vui, hôm nay có một tên mới. Đó là Phật Tử Thiện Tâm. Anh ta đã phát tâm cúng dường Tam Bảo sau lễ thọ giới và phát nguyện thọ trì các giới cấm đã hứa trước

Tam Bảo. Phái đoàn bắt đầu trở lại khách sạn, chuẩn bị ăn trưa và xuống núi.

Từ đỉnh Nga Mi

Khi xe Bus đưa chúng tôi xuống đến lưng chừng núi sau một tiếng rưỡi đồng hồ thì ghé vào chùa Vạn Niên. Chùa này trước đây có tên là Thánh Thọ Vạn Niên tự.

Tương truyền rằng Vua nhà Đường vì muốn báo ân cho mẹ nên nhà vua đã cho xây chùa này. Nên có nghĩa là Thánh Thọ và cầu nguyện cho mẹ mình được sống lâu 10.000 năm; cũng có nghĩa cầu nguyện cho ngôi vua tồn tại lâu dài như thế; nên mới có tên là Vạn Niên. Thế nhưng cuộc đời vô thường, thế sự đổi thay. Đâu có ai sống lâu như thế và đâu có triều đại nào dài đến 1.000 năm mà cầu nguyện đến 10.000 năm. Có thể đó cũng chỉ là một ước mơ, mà ước mơ đó khó thành tựu. Có lẽ những ông vua này thấy mình có thể lực và

nghĩ rằng chắc không thể thay ngôi đổi chủ; nên mới mong mỗi được như vậy cũng nên.

Chùa Vạn Niên

Tại chùa này có một tượng đồng Ngài Phổ Hiền, cao 7 thước 40 và nặng 62 tấn được đúc vào năm 980. Nghĩa là hơn 1.000 năm về trước. Quả thật thời đó mà đã có được những kỹ thuật đúc đồng như thế này là một điều quá tiến bộ.

Nơi có tượng Phổ Hiền, cao 7m40, nặng 62 tấn
được đúc bằng đồng vào năm 980 ở Nga Mi Sơn

Chùa này rất lớn và kiến trúc rất đẹp. Vì là của vua xây và xuất từ ngân quỹ của quốc gia để dựng thành; nên mới được như vậy. Còn những chùa xây sau này, ít có nơi nào sánh bằng. Chùa này có lầu bát nhã để chuông trống xưa. Có tầng kinh các để chứa Đại Tạng kinh và có gác chuông U Minh để sớm ngày hai buổi cầu nguyện cho cõi âm được siêu và cõi dương được thái bình. Những loại chuông như thế này bắt đầu có từ thời nhà vua Lương Võ Đế . Vì khi Hoàng Hậu Y Thị băng hà; nhưng không siêu, mỗi đêm hay hiện về bằng thân rắn báo mộng cho vua biết rằng: Hoàng Hậu không siêu. Nhà vua mới hỏi Hòa Thượng Chí Công phải làm sao?

Bát Nhã đường

Hòa Thượng bảo rằng phải tụng kinh bái sám, làm đàn chiêu mộ chúng sanh cũng như phải đúc chuông để ngày đêm 2 thời gióng chuông U Minh cầu nguyện.

Nhà vua đã cho thực hiện như vậy và quả nhiên Hoàng Hậu sau thời gian 49 ngày đã được hóa sanh.

Kể từ đó tại Trung Quốc, Việt Nam, Đại Hàn cũng như Nhật Bản bắt đầu đúc những quả Đại Hồng Chung để tôn trí và thỉnh chuông U Minh ngày 2 buổi cầu nguyện cho thế giới hòa bình, nhân sinh an lạc.

Lúc đi xuống núi chúng tôi không đi dây Cable nữa mà đi bộ xuống. Đi giữa đường thấy có một bảng viết bằng tiếng Anh và chữ Hán rằng: "Con đường này Đặng Tiểu Bình đã đi". Chỉ vồn vện có mấy chữ thôi; nhưng lòng tôi lại chùng xuống. Vì lẽ không biết những người lãnh đạo Cộng Sản Trung Quốc, Việt Nam cũng như Bắc Hàn hiểu gì, biết gì và sợ gì mà không cho Phật Giáo phát triển? Họ sợ thế lực? Vì lẽ Phật Giáo không muốn có quyền lực. Họ sợ chính quyền bị sụp đổ? Vì Phật Giáo chưa bao giờ cướp chính quyền để giành quyền lãnh đạo đất nước. Suốt cả mấy ngàn năm lịch sử ở Việt Nam, Trung Quốc, Đại Hàn và Nhật Bản đã chứng minh điều đó. Đã có nhiều ông vua bỏ ngôi, trốn cung điện, ngai vàng, vợ đẹp con ngoan như vua Lý Huệ Tông, vua Trần Thái Tôn, vua Trần Nhân Tôn và trong lịch sử Phật Giáo chưa có một vị Sư nào từ bỏ cuộc sống tu hành của mình để trở thành một vị vua cả. Lý công Uẩn của Việt Nam hay Chu Nguyên Chương

của Trung Quốc là trường hợp khác. Các vị này là những Phật Tử có nhân duyên với chùa, nên sau đó làm vua khai nguyên triều đại nhà Lý của Việt Nam cũng như nhà Minh của Trung Quốc. Các vị này không phải là những nhà Sư, mà là những Phật Tử thuần thành sống ở chùa và sau đó trở thành vua để chấn dân trị nước.

Tại mỗi chùa có nhiều vị Sư chăm lo hương khói cũng như thỉnh chuông cho khách hành hương lễ Phật, cầu nguyện; nhưng xem ra những vị này không đượm mùi thiền mấy. Có lẽ chỉ là những người làm nhiệm vụ ăn lương nhiều hơn là những người tu hành chơn chánh, hiểu biết giáo pháp của Như Lai. Chùa chiền tại Trung Quốc ngày nay tồn tại đều nằm dưới dạng thức như vậy; nên xem ra rất buồn, mặc dầu có nhiều người muốn tìm hiểu đến Đạo Phật. Đạo Phật đã có mặt 2.000 năm lịch sử tại Trung Quốc, chỉ có 38 năm Quốc Cộng phân tranh và 50 năm thuần túy xã hội chủ nghĩa mà đã ra nông nổi ấy; nên ai là một Phật Tử thuần thành thật cũng cảm thấy không an tâm một chút nào cả.

Tượng Phật Lạc Sơn

Tượng Phật Lạc Sơn là một trong năm tượng Phật lớn tại Trung Quốc có một chiều dài lịch sử hơn 1.200 năm và có những câu chuyện liên quan đến tượng Phật này, kể ra nghe rất động tâm và chúng tôi đã có cơ duyên đến đó. Tượng này cũng nằm tại tỉnh Tứ Xuyên cách Nga Mi Sơn chừng 50 cây số. Nhiều nhà thơ đời Đường, Tống đã diễn tả độ lớn của tượng Phật này bằng câu: Núi là Phật, Phật là núi; như thế đủ biết tượng Phật lớn biết là bao.

Tượng này do Đại Sư Hải Thông chủ trì xây dựng và tạc nên kể từ năm 713 đến 803 mới xong; nghĩa là 90 năm trời ròng rã. Tượng cao 71 thước và 10 thước bề ngang. Chỉ cái đầu của Đức Phật Di Lạc này cũng đã cao đến 14 thước 70 và chân của Ngài dài 11 thước, rộng 5 thước 50. Một trăm người có thể đứng chung quanh tượng được. Đây là tượng đá lâu đời nhất và có thể nói rằng lớn nhất thế giới. Tượng Phật này cũng đã được Liên Hiệp Quốc liệt vào di sản văn hóa của thế giới và được bảo trì một cách cẩn thận.

Lạc Sơn Đại Phật

Nguyên nhân để tạo nên Đại Phật này có một lịch sử như sau:

Tại núi Lạc Sơn này có 3 dòng sông chảy rất xiết và xoáy mạnh nơi này. Đó là sông Dân, sông Đại Độ và sông Thanh Y; nên có không biết bao nhiêu cư dân bị chết chìm nơi đây. Do vậy mà lòng từ bi của Đại Sư Hải Thông lại được thể hiện. Đại Sư đề nghị với quan lại và vua chúa triều đình nhà Đường lúc bấy giờ rằng: Nếu tại đây tạo dựng được một tượng Phật thì dòng nước kia sẽ hiền hòa hơn. Vì có sự gia hộ của chư Phật và chư vị Bồ Tát. Do đó sinh mạng của con người không bị hy sinh nhiều như xưa nay nữa. Đại Sư được triều đình cho phép và dân chúng ủng hộ. Sau thời gian không lâu, Đại Sư đã quyên góp được một số vàng lớn, Ngài dự định chuẩn bị khởi công xây dựng; nói đúng hơn là điêu khắc tượng Phật này.

Một tin chẳng may đã đến với Đại Sư. Đó là câu chuyện của ông quan sở tại này. Vị quan này thay vì hỗ trợ cho Đại Sư Hải Thông để sớm đạt thành ước nguyện an dân hộ quốc, thì vị quan lại này bảo Đạo Sư Hải Thông phải nộp hết tất cả những tiền và vàng quyên góp được cho ông ta.

Khi Đại Sư nghe như vậy cảm thấy bất bình; nhưng Ngài cũng từ tốn trả lời rằng: "Tất cả tiền bạc đây là của tín thí do tôi quyên góp để điêu khắc tượng Đại Phật, do đó tôi không có lý do gì để đưa cho Ngài cả. Nếu ông muốn lấy gì nơi thân thể của tôi thì cứ lấy, chứ tuyệt nhiên tôi sẽ không đưa tiền lạc quyên được cho ông".

Sau khi nghe nói như vậy, vị quan này tức giận và bảo rằng: Tôi muốn lấy cặp mắt của nhà Sư.

Sau khi nghe vậy, Đại Sư Hải Thông vẫn hoan hỷ chịu đựng cho ông quan kia ra lệnh móc mắt và nhà Sư bắt đầu mù từ đó; nhưng công việc khuyến giáo dân chúng để khắc tượng Phật vào núi đá vẫn tiến hành.

Hải Thông Đại Sư

Khi vua nhà Đường nghe được tin ấy rất cảm động; nên đã đổi vị quan tham ô ấy đi nơi khác và đổi một vị quan Phật Tử đến đây để hộ trì cho Đại Sư Hải Thông xây dựng tượng này cho đến lúc hoàn thành. Ngày nay nếu quý vị đi hành hương đến núi Lạc Sơn này vào nơi chùa gần tượng Phật, nơi ấy có thờ 3 tượng rất sống động. Tượng ở giữa của Ngài Hải Thông, mang dáng dấp từ bi của một bậc tu hành. Tượng bên trái diễn tả tư cách của một vị quan tham ô và tượng bên phải diễn tả tư cách của một vị quan thanh liêm và có tâm từ hộ đạo. Xa xa phía sau tượng của Ngài Hải Thông là hình ảnh của tượng Đại Phật Di-Lặc tại Lạc Sơn.

Đây là một câu chuyện có thật và là mẩu chuyện để chứng minh cho sức mạnh của tâm linh mạnh hơn cả cường quyền và tâm hồn vị tha của Bồ Tát còn được thể hiện ở đây một cách cao thượng hơn. Nghĩa

là dầu bất cứ ở một cảnh khổ nào đi nữa, lòng Bồ Tát vẫn không lay động, khi biết rằng mục đích đã định của mình không đi ra ngoài sự phụng sự của nhân sinh. Vì Bồ Tát chỉ sợ nhân chứ không sợ quả; trong khi đó thì chúng sanh chỉ sợ quả chứ không sợ nhân. Đó là điều khác biệt giữa Bồ Tát và chúng sanh vậy.

Quả thật thế, sau khi tượng Đại Phật đã được điêu khắc xong thì tai nạn chết người nơi hội tụ của 3 dòng sông này không còn nữa. Ý nghĩa thứ nhất vì lý do siêu hình. Đó là sự gia hộ của Đức Di-Lặc; nhưng lý do vật lý cũng có thể dễ hiểu mà thôi. Đó là việc điêu khắc, khi muốn đục sâu vào lòng núi để tạo tượng Phật, dĩ nhiên phải có một khối lượng lớn đá bị thải ra và tất cả đá của núi này được trôi vào 3 dòng sông này. Nhờ thế mà độ xoáy của dòng sông trở nên hiền hòa hơn và số lượng tử vong lại giảm đi, rồi từ từ hết hẳn. Đó là sự nhiệm màu của thế giới siêu hình vậy.

Hải Sư đường.

Phái đoàn mua vé lên thuyền để ra giữa dòng sông tiến đến gần tượng Đại Phật để dễ nhìn. Khi chúng tôi đến gần chân tượng Phật thấy nước vẫn còn xoáy mạnh và từ đây nhìn lên, thấy tại đây cũng như một hòn núi lớn vậy thôi. Nhìn kỹ Ngài, thấy tay Ngài ngồi buông xuống với thế xúc địa ấn; nhưng ở đây nói là tượng Phật Di-Lặc, quả cũng là điều hơi lạ. Vì Đức Phật Di-Lặc ít khi dùng Ấn này. Từ trên thuyền người ta cũng nhìn thấy xa xa là những quả núi có dáng hình như Đức Phật đang nằm với tư thế nhập Niết Bàn. Người Trung Quốc gọi là Ngọa Phật. Những hình ảnh như thế này tại Ngũ Đài Sơn và Thiếu Lâm Tự cũng đã có những quả núi tượng tự như vậy.

Tại Trung Quốc có núi cao sông rộng, cảnh đẹp, người đông; nên đây là những yếu tố quan trọng để tạo thành lịch sử của xứ Trung Quốc, nhất là lịch sử Phật Giáo tại xứ này.

Bàn tay Phật Lạc Sơn

Trên thuyền chúng tôi cũng đã gặp những người đến từ Mỹ, đến từ Pháp và đến từ Ý. Họ là những khách du lịch đến từ tứ phương như chúng tôi vậy và tại đây có mấy cô thông dịch bằng tiếng Anh hỏi tôi tại sao mắt của Phật lại xanh và vòng hào quang lại có 5 màu cũng như đa phần áo của Phật màu vàng mà không có một màu nào khác?

Dĩ nhiên là câu trả lời không khó; nhưng điều ấy chứng tỏ rằng chính những người hướng dẫn du lịch cũng chưa hiểu rõ lịch sử Phật Giáo Trung Quốc cũng như những điều đặc biệt này thì làm sao những người bình dân Trung Quốc có thể hiểu được.

Về mắt xanh - đó là một trong 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp của Đức Phật. Còn hào quang 5 màu có nghĩa là: tín, tấn, niệm, định, huệ hay đúng hơn là ngũ căn và mỗi màu tượng trưng cho một ý nghĩa như vậy.

Màu xanh tượng trưng cho lòng tin.

Màu vàng tượng trưng cho sự tinh tấn.

Màu đỏ tượng trưng cho sự nhớ nghĩ

Màu trắng tượng trưng cho Thiền Định,
sự tập trung tư tưởng.

Màu da cam tượng trưng cho trí tuệ.

Còn màu vàng trên áo và thân thể của Đức Phật tượng trưng cho 2 lần tỏa ngời màu giải thoát này. Đó là lúc Đức Như Lai thành đạo và lần thứ 2 trước khi Như Lai vào cảnh vô dư Niết Bàn. Vì lẽ ấy nên các chùa Phật Giáo đều thờ hình ảnh Đức Phật ở tư thế đắp y vàng như vậy.

Sau khi cô thông dịch nghe tôi giải thích như thế, cô ta cảm ơn và bảo rằng tại Trung Quốc chẳng biết hỏi ai. Mặc dầu ngày nay người Trung Hoa đi chùa rất đông, mà cảnh đi chùa cũng như đi xem hội, xem một viện bảo tàng, chứ ít ai lưu tâm về vấn đề đạo pháp, mà nếu có đi chẳng nữa cũng chỉ là hình thức mê tín như xin xăm, bói toán và cầu nguyện là nhiều. Vì lẽ suốt cả một tuyến đường đi dài 21 ngày như thế, tôi ít gặp một Phật Tử thuần thành. Chỉ một lần duy nhất tại tượng Phật Lạc Sơn này, tôi đang chuẩn bị phóng sanh thì có một người tóc đen đến xá tôi và cúng dường một hồng bao. Sau khi hỏi lại thì biết rằng vị này đến từ Hồng Kông.

Trước khi đi Trung Quốc, Đạo Hữu Diệu Hải Cao Thị Sâm ở Hochdorf có gọi cho tôi một ít tiền để cúng chùa và mua chim, cá để phóng sanh. Tôi đi khắp nơi nhưng chẳng có nơi nào có. Khi đến đây có bán chim để phóng sanh thì tôi vô cùng hoan hỷ và mua mấy cặp chim để phóng sanh. Một điều lạ lùng là người ngồi bán chim hôm đó là một vị Tăng Sĩ đầu tròn áo vuông. Nhiều người trong đoàn của chúng tôi, mà ngay cả ai là người hiểu đạo cũng vậy, đều bảo rằng: Tại sao ông Sư lại đi làm việc ấy? Ở đây có hai lẽ để giải thích. Nếu là Sư chính hiệu thì nên thả hết tất cả những con chim này ra, chứ tại sao lại ngồi đó để bán? Hoặc giả, nếu muốn tạo nên tài chánh cho chùa, thì một vị Cư Sĩ ngồi bán, cũng đã thấy khó coi rồi, tại sao vị Sư lại làm việc ấy?

Phóng sanh

Người thông dịch viên tiếng Đức hôm đó cũng hỏi chúng tôi rằng: Tại sao chùa chiền trải qua hơn 1.000 năm lịch sử đều hư hại, mà tượng lại không hư? Ai trong chúng tôi cũng không thể trả lời câu hỏi này được. Đoạn anh ta giải thích. Sở dĩ có điều ấy là khi tạc tượng từ đầu đến chân tượng các điều khắc gia đều có đục những lỗ lớn và nước có thể thông hơi từ đây một cách tự nhiên. Do vậy mà tượng lại còn tồn tại cho đến ngày hôm nay.

Trên núi này cũng có chùa Lăng Vân tự. Trước chùa có một đền thờ Lão Tử và Bát Quái có giải nghĩa âm dương ngũ hành. Tại Trung Hoa cho đến ngày nay có nhiều chùa Phật Giáo vẫn thờ như vậy. Điều này cũng giống như tại Ấn Độ trong các chùa Phật Giáo, Ấn Độ giáo thường hay chen chân vào để có sự ảnh hưởng với nhau.

Chúng tôi bây giờ đã lên đến ngang vai tượng ở một phía khác và từ đây có nhiều người cũng đã đi bộ xuống dưới chân tượng theo những lối cầu thang cheo

leo phía bên ngoài. Từ trên nhìn xuống một đoàn người leo như thể chẳng khác nào một con rắn dài uốn éo vòng vo. Từ đó mới thấy tượng Đại Phật Lạc Sơn là to lớn có một không hai tại xứ này là vậy.

Phía bên kia tượng cũng có treo một Đại Hồng Chung bằng đồng được đúc từ đời nhà Tùy; có khắc 4 bên chung: Phật Nhật Tăng Huy, Pháp Luân Thường Chuyển, Phong Điều Võ Thuận và thay vì đề Quốc Thái Dân An thì khắc là: Đế Đạo Hà Xương.

Sau đó phái đoàn đã trở lại Thành Đô bằng xe Bus và tối hôm đó ngày 16.10.1999 chúng tôi đã có một cuộc họp tại

Ngoại Phật tại Lạc Sơn

khách sạn này. Lễ ra cuộc họp được tổ chức trễ hơn; nhưng có nhiều lý do khác nhau như Bác sĩ Trâm + Kiều đi Hồng Kông trước vào ngày 19.10 và Thiện Tâm Lương Nghị phải rời đoàn ngày 20.10.99 để về lại Quảng Tây; nên chúng tôi mọi người đã hoan hỷ ngồi

lại để thảo luận và nói về cảm tưởng của những người trong đoàn về ưu cũng như những khuyết điểm. Mọi người đã phát biểu một cách tự nhiên; nhưng nhìn chung ưu vẫn nhiều hơn khuyết. Điều đáng mừng là suốt chuyến hành hương gần kết thúc không có ai bệnh nặng; chỉ có vài người phải tiêm thuốc bổ để dưỡng sức, trong ấy có tôi mà thôi. Điều căn bản vẫn là đi chiêm bái các thánh tích. Còn việc ăn và ở vẫn là việc phụ. Tuy nhiên nếu việc ăn được cải thiện, nghĩa là không có dầu nhiều và hy vọng Trung Quốc sẽ nấu chay theo đúng nghĩa của sự nấu chay như ở Quảng Châu thì ai cũng không oán. Vì lẽ dầu nhiều quá. Ai dùng mấy ngày đầu cũng cảm thấy ngon; nhưng những ngày sau thì đau cổ và có đàm nhiều. Do vậy mà người Trung Quốc lục địa đi đâu cũng khạc nhổ lung tung. Nếu những người này mà qua Singapore thì sẽ bị phạt nặng nề. Cũng là người Trung Quốc mà mỗi nơi, mỗi khác như thế.

Còn vấn đề chỗ ngủ tuy là phụ nhưng cũng đáng quan tâm. Vì suốt các đoạn đường đi, hầu như không có ngày nghỉ. Do vậy khi về khách sạn cần đầy đủ tiện nghi hơn, dĩ nhiên là không cần phải thơm mát; nhưng cần sạch sẽ và thoáng. Vì có nhiều khách sạn ở những nơi chưa phát triển có tính cách quốc tế mà lại là những Đại Danh Sơn của Phật Giáo, khách sạn tại những nơi này còn sơ sài lắm.

Tối hôm ngày 16.10.99 sau khi họp xong thì mọi người đi nghỉ. Có một số quý vị muốn dạo phố; nhưng đã khuya, thôi đành chờ tối mai vậy.

|

Buổi họp tổng kết tình hình của phái đoàn hành hương

Sáng hôm sau phái đoàn chúng tôi đã đến thăm một ngôi chùa lịch sử. Đó là chùa Bảo Quang. Chùa này được lập lên từ thời Đông Hán và đến đời nhà Đường có vua Đường Minh Hoàng về đây trốn nạn và nhà vua cũng có thời đã đóng đô tại đây. Sở dĩ chùa này gọi là Bảo Quang vì nhà vua nằm ngủ thấy một vệt ánh sáng từ đâu bay đến trụ lại trên hư không; nên nhà vua đã cho đặt tên chùa này là chùa Bảo Quang. Chùa này cách Thành Đô chừng 20 cây số. Sở dĩ cách mạng văn hóa ở Trung Hoa từ 1966-1976 chùa này không bị đập phá vì Thủ Tướng Chu Ân Lai đã có lần dùng chùa này làm Tổng Hành Dinh cho quân sự để chống lại quân của Quốc Dân Đảng; nên sau này Chu Ân Lai đã ra lệnh không cho triệt phá những ngôi chùa như thế.

Bảo Quang tự ở Thành Đô

Tôi không biết rằng thời bế quan tỏa cảng như thế có người ngoại quốc nào có mặt tại Trung Quốc không? nếu có, chắc rằng chúng kiến nhiều cảnh phá chùa, đập tượng, giết người, bắt bớ v.v... chắc là thâm lắm. Nhiều người Trung Quốc vẫn còn rùng mình khi nhắc lại những thời kỳ đau lòng này, mà cách nay chỉ mới 24 năm, đâu có xa xôi gì; nên ai cũng cảm thấy như một giấc mộng.

Nhớ lại đất nước Việt Nam của chúng ta cũng thế. Kể từ khi Cộng Sản Việt Nam thôn tính cả miền Nam vào ngày 30.4.1975 họ cai trị với một chính sách độc tài, độc đảng, sát máu và nặng mùi chủ nghĩa Karl-Marx Lénin cho đến năm 1986 và dân tộc ta đã ngậm đắng nuốt cay, chịu khổ chịu nhục với cái chủ nghĩa không tưởng này và dân tộc ta đã chịu không biết bao nhiêu lầm than đói khổ. Không những đói về vật chất, cơm no áo ấm cho người dân, mà còn đói tự do và kể cả tự do tín ngưỡng nữa. Trong khi quê hương của Karl-Marx ở Trier thuộc vùng Nam Đức, người dân tại đây họ không chấp nhận một đứa con lai căn đi làm hại đất mẹ; thì tại Việt Nam nhiều người lãnh đạo Đảng Cộng Sản mang về thờ làm Tổ. Ngay cả Lénin và Stalin cũng thế, ngày nay các xứ Cộng Sản Đông Âu, kể cả Nga Sô cũng đã hạ bệ lâu rồi, chỉ còn Cộng Sản Việt

Nam đi ca ngợi chủ nghĩa này là bách chiến bách thắng.

Tại chùa này có treo một số tranh ảnh họa của Trương Đại Thiên, là một họa sĩ chuyên môn vẽ truyền chân, vẽ về ngựa ở đầu thế kỷ thứ 20 này. Nhìn những hình ngựa của ông vẽ, người ta có thể tưởng tượng được rằng con ngựa ấy vẫn còn sống và đang hướng về mình. Đó là tài hoa của một người nghệ sĩ vậy.

Chùa này tuy thuộc về Thiên Tông; nhưng vẫn thờ hình ảnh của 500 vị A-La-Hán. Nói là 500 nhưng trên thực tế có 577 tượng. Mỗi một vị tượng có một bộ khác nhau và cách bắt ấn hay cầm những pháp khí cũng khác nhau. Mỗi tượng cao chừng 1 thước 20 đến 1 thước rưỡi. Hơn 500 tượng như thế được tôn thờ trong một ngôi chùa, được gọi là La-Hán Đường. Triều đại nhà Thanh đã xây thêm La-Hán Đường này. Chùa này có một bảo tháp cao 13 tầng gọi là Xá Lợi Bảo Tháp. Đứng ở phía nào cũng thấy tháp nghiêng. Có lẽ vì không gian quá chật, nên không đo được độ cao của tháp.

Đây cũng là một ngôi chùa đặc biệt trong nhiều ngôi chùa khác ở Trung Quốc là theo cả Thiên Tông lẫn Tịnh-Độ Tông. Điều đặc biệt của đoàn lần này là được đảnh lễ xá lợi của Phật. Mọi người vào cửa phải trả tiền thêm. Riêng Tu Sĩ thì khỏi. Tuy nhiên họ vẫn cho Cư Sĩ vào; nhưng rất giới hạn. Phải nói rằng tại Trung Quốc, đi đâu cũng thấy người. Ở Nhật hơn 5 năm tôi đã ngán người đông tại đó. Bây giờ đến Trung Quốc thấy đáng ngại quá. Không biết trong 10 hay 20 năm nữa, với độ tăng này, rồi Trung Quốc phải dung chứa vào đâu? Ở thành thị người đông ở nhà lâu đã đành; nhưng tại nhà quê Trung Quốc, nơi nào cũng 4

hay 5 tầng lầu. Điều ấy chứng tỏ rằng chỗ ở nơi đây còn giới hạn lắm. Vì phải dành chỗ để canh tác và nuôi hơn 1 tỷ dân này không phải là điều đơn giản. Chúng tôi đầu thành đành lễ xá lợi và tụng một thời kinh sám hối tại Bảo Quang tự này, trước khi đành lễ xá lợi, mà có lẽ nơi này Đường Minh Hoàng cũng đã có dịp ghé qua.

Trên đường trở lại xe Bus phái đoàn ai cũng mua nào khoai lang nướng, khoai lang lùi, mía róc vỏ, bưởi, cam v.v... như thể tại Âu Châu chưa bao giờ dùng đến. Mọi người Hoa đứng chung quanh chúng tôi tỏ ý tò mò. Có lẽ họ sẽ đặt dấu hỏi. Tại sao cũng da vàng, tóc đen, mũi thấp mà nói tiếng gì xa lạ chứ không phải tiếng Hoa. Những thứ mà chúng tôi mua đó, là những vật liệu rẻ tiền nhất của xứ này, đâu có ai muốn nhìn tới. Thế mà cả đoàn hành hương ăn mặc sang trọng, mỗi người một loại trên tay và lên xe Bus với dáng điệu hỉ hả vô cùng. Quê hương là gì nhỉ? Đố ai định nghĩa được. Nhưng nếu không có những thứ này thì không nuôi lớn nên người. Vì vậy cho nên người Việt dẫu xa quê hương bao lâu và ở bất cứ nơi đâu trên quả địa cầu này cũng luôn luôn có những tình cảm dạt dào hướng về quê mẹ; nhưng quê mẹ có chấp nhận hay không lại là điều khác. Ngày xưa Hạ Tri Chương một văn sĩ nổi tiếng của Trung Hoa lúc trẻ xa quê, đến khi già trở lại. Tuy giọng quê không đổi mà tóc mai đã thay màu. Trẻ nhỏ nhìn thấy nhưng không hiểu người xa quê ấy là kẻ nào và đã cười bảo với nhau như thế.

回鄉偶詩
 少小離家老大回
 鄉音無改鬢毛崔
 兒童相見不相識
 笑問客從何處來

Đây là một tâm sự rất đau thương và não nề cho bao kẻ ly hương như chúng tôi.

Sau khi dùng cơm trưa, phái đoàn đã đi thăm Văn-Thù Viện. Chùa này đang chuẩn bị trùng tu và xây mới lại một số cơ sở ngoại vi. Trông thấy mô hình chùa ai cũng tắc lưỡi. Vì lẽ so ngôi chùa của Trung Quốc với nhiều ngôi chùa của Việt Nam chúng ta trên thế giới, chùa của chúng ta chẳng ra sao cả. Mỗi ngôi chùa lớn của Việt Nam mình nhiều lắm là bằng cổng Tam Quan của chùa Trung Quốc mà thôi. Đến chùa này tôi thấy có một số cụ già bày cho con cháu của mình lễ Phật. Hy vọng rằng đây là một dấu hiệu tốt để Phật Giáo sau này có cơ ngơi phát triển, mà nhất là niềm tin của một người con Phật đứng nghĩa phải thực hành giới định huệ và huân tu tịnh nghiệp, mới mong mọi người thấu hiểu Phật Pháp một cách sâu rộng hơn.

Tại sân chùa này, nơi bình phong giữa sân có gắn lên đó một chữ PHƯỚC ngược đầu. Nhiều cụ già đứng từ xa và nhắm mắt lại, sau đó dang tay ra đi thẳng. Nếu ai bàn tay sờ thẳng chữ PHƯỚC thì người ấy được duyên may. Tại chùa này cũng thờ hai đức Văn Thù, Phổ Hiền rất lớn. Ngài Văn Thù cỡi trên con Thanh Sư và Ngài Phổ Hiền cỡi trên con Bạch Tượng 6 ngà.

Chùa này cũng có chần tế để cầu nguyện cho cõi âm được siêu thoát. Do vậy bên ngoài vẫn còn treo hình của con đề thính nơi đạo tràng thường hay chần tế.

Tiếp đó phái đoàn đã đi thăm Thanh Dương Cung. Nơi đây thờ Lão Tử. Thanh là xanh, Dương là Dê và Cung là cung điện, nơi chốn. Suốt cả đoạn đường đi, đây là lần đầu tiên phái đoàn đến thăm một nơi thờ Lão Tử rất trang trọng. Trước cổng vào có những thanh niên theo Đạo Lão, đội mũ màu đen, để râu tóc dài ngồi đó đoán xăm hoặc chăm sóc cho những người lễ bái. Hai bên cổng ra vào nơi Thanh Dương Cung này có hai câu đối như sau:

*Đạo sinh ra một, một sinh ra hai,
hai sinh ra ba và ba sinh ra vạn vật.*

Một vế khác đối rằng:

*Trời sinh ra vạn vật, vạn vật sinh ra người,
người sống trong trời đất và trở về tánh hư vô của*

Đạo.

Thanh Dương Cung của Lão Giáo tại Thành Đô

Tại đây các tín đồ của Đạo Lão cũng ăn chay và y phục của họ toàn là một màu đen.

Chính giữa Tam Thanh Điện có thờ Lão Tử và chung quanh là đệ tử của Lão Tử cũng như những vị thần bất tử ở trên trời. Ở tại Tam Thánh Điện có thờ một con Dê bằng đồng xanh và con Dê này được cấu tạo bởi 12 con giáp. Ví dụ như đầu dê, tai heo, mắt mèo, lưng cọp, chân ngựa, đuôi gà v.v... Phía trên nóc của Tam Thanh Điện có vẽ sự biến thiên của quẻ Li, có hình giống y hệt lá cờ Việt Nam Cộng Hòa của chúng ta. Nghĩa là có 3 sọc đỏ nằm trên nền vàng. Nếu ai đó muốn tìm hình ảnh này tại Trung Quốc thì nên đến Thành Đô và tại Tam Thanh Điện thuộc Thanh Dương Cung sẽ thấy được hình ảnh này.

Nơi cuối cùng của Thanh Dương Cung có thờ hình ảnh của một vị vua nhà Đường cùng Hoàng Hậu đã là tín đồ của Đạo Lão và đã phò trì Lão giáo phát triển trong giai đoạn đó; nhưng rất tiếc là dưới hình này không ghi là vị vua nào.

Nhiều người muốn trở về khách sạn sớm để đi Shopping. Có nơi để giá 21.200 Yuan tương đương với 4.500 Đúc Mã; nhưng cuối cùng chỉ bán 650 Yuan tương đương với 130 Đúc Mã. Điều này ở Trung Quốc cũng không khác gì Ấn Độ mấy. Nếu khách hành hương khi đi Shopping tại xứ này; nên để ý những điều sai biệt bên trên để mà trả giá. Dĩ nhiên có nhiều nơi như chùa chiền thì không nói thách mấy; nhưng cũng có quyền trả giá và những nơi quản lý của chính phủ thì

nên trả giá càng nhiều càng tốt. Vì nơi đây giá cả khác biệt nhau rất nhiều với bên ngoài.

Quảng Châu thành

Mọi người ai trong đoàn cũng nô nức phải đến thăm thành Quảng Châu một chuyến. Vì đây là thủ phủ của tỉnh Quảng Đông mà. Quảng Đông lại là xứ có nhiều người đi ra ngoại quốc nhất; nên ai ai cũng mong mỗi có ngày về lại cố hương. Do vậy đã có nhiều người mơ ước.

Ngày 18 tháng 10 năm 1999 phái đoàn chúng tôi sau khi cân hành lý đã lên máy bay và từ Thành Đô đến Quảng Châu phải bay hơn 2 tiếng đồng hồ. Có lẽ dài hơn 1.000 cây số. Xứ Trung Quốc là một xứ rộng; người đông, di chuyển khó khăn, không giống như Mỹ, Canada hay Úc; nên phải cần nhiều thời gian hơn so

với các quốc gia Âu Mỹ này. So ra 20 năm đổi mới tại Trung Hoa như thế cũng là một tiến bộ lớn; nhưng so với sự phát triển của Đài Loan, Nhật Bản, Đại Hàn, Singapore thì Trung Quốc còn phải cải tổ nhiều lắm mới theo kịp. Có nhiều người bảo rằng thế kỷ thứ 21 là thế kỷ của những người tóc đen hướng về phát triển của kỹ nghệ. Trong khi đó tại Âu Mỹ ở thế kỷ thứ 20 đã qua hơn một thế kỷ phát triển kỹ nghệ, bây giờ họ lại hướng về tâm linh, nhất là Phật Giáo.

Đón chúng tôi tại phi trường là một người Hoa Quảng Đông, đã ở Đức hơn 10 năm; nhưng ông ta nói tiếng Đức ông ta nghe, còn những gì chúng tôi đề nghị, thì ông ta không lưu tâm đến. Có nhiều khi ông ta nói "tiếng bồi", tôi chỉnh lại liền. Vì chúng tôi không phải là những người không biết văn hóa và văn chương Đức. Sau đó ông ta có thú thật là trong thời gian ở Đức đã quen với nhiều người Việt sống ở Bielefeld. Có nhiều người bài bạc hết tiền, sinh ra trộm cướp; nhiều khi mượn tiền của ông ta và không trả. Lại có nhiều hành động hạ cấp. Do vậy mà ông ta xử dụng "tiếng bồi" với chúng tôi. Tôi cho ông biết rằng trong đoàn này có nhiều người ở Đức hơn 30 năm và có ăn học đàng hoàng. Xin ông sửa lại cách thông dịch. Sau đó ông ta xin lỗi và kể từ đó về sau thái độ của ông ta đối với chúng tôi rất khác.

Ông ta giới thiệu về Quảng Châu như sau: Trước đây Quảng Châu có tên là Dương Thành. Vì nơi đây có 5 vị Tiên cõi dê đến trước; nên thành này được gọi là Thành Dê. Sau đó người Âu Châu gọi thành này là Canton. Thành phố này có 2.800 năm lịch sử. Dân số sống tại Quảng Châu là 6 triệu 600 ngàn người. Nếu kể cả chung quanh của Quảng Châu thì số cư dân lên đến

10 triệu. Trong này có hơn 3 triệu chiếc xe đạp. Nhiệt độ trung bình ở Quảng Châu là 22 độ C. Cao nhất là 40 độ C và thấp nhất là 0 độ C; nhưng ở đây không có tuyết rơi. Mùa hè rất nóng. Vì có gió Nam nên nóng hơn ở Đức và ở Việt Nam. Chúng tôi đi ngang qua đường giải phóng. Dưới đường này có xe điện ngầm và đường ngầm này do hãng Siemens của Đức xây dựng.

Chúng tôi đã dừng chân trước chùa Quang Hiếu và trước chùa Quang Hiếu có hai câu đối nói lên tính cách cổ xưa của ngôi chùa. Hai câu đối ấy như sau:

五羊論古寺 初地訪訶林

Ngũ Dương luận cổ tự
Sơ địa phỏng ha lâm

Nghĩa là:

Năm Dê suy chùa cổ
Đất đầu thăm rừng Thiên

Câu này có nghĩa là có 5 ông Tiên cõi Dê đến đất này đầu tiên và chính 5 vị Tiên này đã thăm chùa Quang Hiếu cũng như rừng Thiên tại xứ sở này.

Tại chùa Quang Hiếu phái đoàn chúng tôi cũng đã đánh lễ nơi tháp thờ tóc của Lục Tổ Huệ Năng. Về lịch sử tháp này chúng tôi đã có đề cập nơi quyển "Theo Dấu *Chân Xưa*", *quý độc giả có thể tham khảo nơi quyển này.*

Phái đoàn cũng đã đến thăm chùa Lục Dung. Lục Dung có nghĩa là 6 cây đa. Tại đây có 2 câu đối, đối trước cửa chùa:

一塔有碑留博士
六格大樹記東坡

Nghĩa là:

*Một tháp có bia ghi công đức
Sáu cây đại thụ nhớ Đông Pha*

Điều ấy có nghĩa là: mặc dầu ngày nay Tô Đông Pha đã ra đi; nhưng tại chùa này còn ghi lại bút tích của Tô Đông Pha vậy. Tương truyền rằng kiếp trước Tô Đông Pha cũng là một Tu Sĩ, cùng tu với Ngài Phật Ấn. Trong khi Ngài Phật Ấn mong muốn trở thành vị Bồ Tát để cứu đời thì Tô Đông Pha muốn làm vua để hưởng lạc. Thế nhưng vì phước đức chưa đủ; nên Tô Đông Pha trong kiếp này chỉ làm được đại thi nhân của Trung Quốc mà thôi.

Thay vì chúng tôi đi sâu vào trong nội viên của chùa Lục Dung để thăm viếng thì chúng tôi đề nghị người hướng dẫn đoàn là nên đi thăm mộ các liệt sĩ Hoàng Hoa Cương. Người hướng dẫn đồng ý. Do vậy đã đổi lộ trình. Đầu tiên chúng tôi đến đền tưởng niệm Tôn Dật Tiên, đối diện với Tòa Thị Sảnh của Quảng Châu. Như tất cả chúng ta đều biết, linh hồn của cuộc cách mạng Tân Hợi vào ngày 10.10.1911 là do Tôn Dật Tiên đề xướng và sau đó triều đại nhà Thanh đã cáo chung, nước Trung Hoa trở thành nước Dân Chủ Cộng Hòa và trong thời gian này Lương Khải Siêu, Tôn Dật Tiên cũng như những phong trào cứu quốc đã được

thành lập khắp nơi để đưa nước Trung Hoa đến một giai đoạn mới. Đồng thời với thời gian này tại Việt Nam chúng ta đã có Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng v.v... cũng đã một mặt chống thực dân Pháp, một mặt muốn có một nền độc lập tự chủ cho nước nhà; nên mới bốn ba nơi hải ngoại để đấu tranh và cuối cùng ở Việt Nam thì Hồ Chí Minh thủ lợi, ông ta loại các đồng chí của ông ta ra và Quốc Dân Đảng của Nguyễn Thái Học cũng như tinh thần Yên Bái đâu có còn được người Cộng Sản lưu tâm đến. Tại Trung Hoa cũng thế, sau khi Tưởng Giới Thạch rút quân qua Đài Loan thì Mao Trạch Đông chiếm toàn cõi Trung Hoa và kể từ ngày 1.10.1949 nước Cộng Hòa Dân Chủ Trung Hoa trở thành nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa dưới sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông và Đảng Cộng Sản Trung Quốc.. Tuy nhiên những người hậu duệ của Mao Trạch Đông như Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình còn nhớ đến kẻ có công với đất nước, không những không đập phá đền thờ của Tôn Dật Tiên tại Nam Kinh mà vào năm 1981 nghĩa là cách đây đúng 20 năm tại Quảng Châu này những người lãnh đạo Cộng Sản Trung Quốc đã cho xây một đền thờ tưởng niệm to lớn nơi đây.

Tôn Trung Sơn sanh cách Quảng Châu độ 80 cây số và năm 1925 ông ta mất. Mộ hiện ở tại Nam Kinh, nhưng tinh thần Tam Dân Chủ Nghĩa của ông thì vang lừng khắp nơi trên thế giới.

Đây cũng là Tổng Hành Dinh của Quốc Dân Đảng Trung Hoa ngày trước; nhưng sau này bị tàn phá và bây giờ được xây dựng lại giống như một nhà hát có 4.000 chỗ ngồi rất lịch sự. Tại đây cũng có 2 cây Bạch Lan rất lớn, mà Việt Nam chúng ta thường gọi là cây

Ngọc Lan. Cây này trồng hai bên đền tưởng niệm này đã 65 năm. Thân cây rất cao, vươn lên độ 30 thước và tỏa ra bóng mát che rợp cả một góc sân. Hương của hoa Mộc Lan hay nói đúng hơn là Bạch Lan đã làm cho cả phái đoàn ngây ngất, mọi người đều hướng về một quá khứ xa xôi ở đầu thế kỷ thứ 20 mà tưởng niệm đến công lao của những người đã hy sinh vì lý tưởng tự do cho đất nước.

Sau đó chúng tôi đến thăm nơi kỷ niệm 72 liệt sĩ đã hy sinh tại Hoàng Hoa Cương vào năm 1905. Ngày ấy chỉ 72 vị; nhưng cho đến giờ này đã có 105 người, trong đó có liệt sĩ Phạm Hồng Thái. Ở giữa một khung trời bao la ấy có một mảnh đất thật đẹp để an trí những người đã hy sinh của Quốc Dân Đảng, thật là một nghĩa cử quá đẹp của các chính quyền cũ cũng như mới. Tại đây cũng có một người Việt Nam tên là Phạm Hồng Thái.

Lần trước đi đến Quảng Châu đã thiếu duyên nên chúng tôi không vào thăm mộ liệt sĩ được và lần này chúng tôi quyết tâm phải đến và cuối cùng thì chúng tôi đã được toại nguyện.

Mộ của 72 Liệt sĩ Hoàng Hoa Cương ở Quảng Châu

Đầu tiên chúng tôi đã xem danh sách 72 liệt sĩ ghi nơi bia bằng chữ Hán tại đó không có tên Phạm Hồng Thái, sau đó hỏi thăm người làm vườn họ bảo là chôn phía bên mặt từ ngoài đi vào thật sâu vào bên trong. Chúng tôi đã dõng theo bóng chiều mà tìm về ngôi mộ của người xưa. Đến đây chúng tôi thấy một khung cảnh thiên nhiên thật hùng vĩ để chôn chặt một tâm hồn vị quốc vong thân. Mộ bia cao độ 2 thước và trên mộ có khắc 2 loại chữ. Đó là tiếng Việt và tiếng Trung Quốc. Đại để mộ bia ghi như sau:

Mộ
Liệt Sĩ
Phạm Hồng Thái
Sinh ngày 14.5.1895
Hy sinh ngày 19.6.1924

越南范瀉泰烈士之墓
牺牲於一九二四年六月十九日
出生於一八九五年五月十四日
一九五八年三月二十四日
广州市人民委员会重建

Người sinh năm 1895 và mất năm 1924 như vậy mới có 29 tuổi, mà đức hy sinh đó đã đi vào lịch sử Việt Nam. Có một điều mà trên tám bia phần tiếng Việt không có ghi, mà lại ghi bằng chữ Hán phía bên trái là: *Bia này được dựng lên vào ngày 24 tháng 3 năm 1958 bởi Ủy Viên Nhân Dân Tỉnh Quảng Châu. Đây cũng là một điều đặc biệt.* Chắc chắn một điều Phạm Hồng Thái không hoạt động cho Cộng Sản Việt Nam và Cộng Sản Trung Quốc. Ông chỉ chiến đấu theo tinh thần của

Quốc Dân Đảng Trung Hoa do Tôn Dật Tiên và Tưởng Giới Thạch lãnh đạo cũng như Quốc Dân Đảng Việt Nam lãnh đạo; nhưng tại sao người Cộng Sản Trung Quốc lại dựng bia để ghi ơn Người. Về vấn đề lịch sử này chúng ta nên cần tra cứu lại để lợi ích cho đời sau. Vào khoảng thời gian đó, miền Bắc Việt Nam do Hồ Chí Minh lãnh đạo. Kể từ năm 1954 đến 1958 còn quá nhiều vấn đề để phải lo; nên Hồ Chí Minh cũng không có công đâu để can thiệp với Mao Trạch Đông và Đảng Cộng Sản Trung Quốc để lo điều đó. Và lại tại miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ do Ngô Đình Diệm lãnh đạo cũng không có sự quan hệ ngoại giao với Trung Cộng; nên việc xây mộ này chắc chắn chỉ có một mình phía bên Trung Quốc làm. Điều ấy đã nói lên được sự hy sinh cao cả của liệt sĩ cho tiền đồ của dân tộc Việt Nam; nhưng cũng để biết rằng người Cộng Sản Trung Quốc không bội bạc như những người Cộng Sản Việt Nam đã đối xử với ngay cả những người đồng chí của mình, hay của những ai đã một thời góp công vào sự giải phóng dân tộc.

Trước mộ liệt-sĩ Phạm-Hồng-Thái ở Quảng Châu

Tất cả phái đoàn đều ngậm ngùi đứng trơ như tượng đá trước mộ liệt sĩ để tưởng niệm người xưa. Sau một thời kinh cầu nguyện, nước mắt ai cũng chảy dài trên gò má lúc nào chẳng hay biết. Mỗi người Cựu Sĩ trong đoàn đốt nhang để tưởng niệm và lạy người nằm đây 3 lạy.

Tiếp đó chúng tôi đến viếng mộ một người Việt Nam nằm bên cạnh. Có lẽ đây cũng là một đồng chí Quốc Dân Đảng của liệt sĩ Phạm Hồng Thái. Mộ mới chôn và nhang khói vẫn còn đây. Có lẽ ông ta còn có thân nhân tại xứ này kể từ ngày sa cơ lỡ bước; nên thi hài cũng không được đưa về quê hương chôn cất. Mọi người đến đây đốt nhang để tưởng niệm.

Trước khi chúng tôi đến đây đã có một Phái đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hải Phòng cũng đã đến đây đặt vòng hoa tưởng niệm. Hoa đã tàn; nhưng hàng chữ ghi trên vẫn còn đậm nét. Như thế, từ từ cũng sẽ có những người Cộng Sản ở thế hệ trẻ khi tìm hiểu về lịch sử của nước nhà, họ phải quan tâm. Do vậy cũng đã có những đoàn hành hương đến đây đốt nhang và đặt vòng hoa tưởng niệm. Phía bên người Việt tỵ nạn chúng ta cũng thế. Nếu ai đó có dịp đi sang Quảng Châu nên dành một ít thời gian để đến nơi mộ của 72 liệt sĩ đã hy sinh nơi Hoàng Hoa Cương mà đốt cho họ cũng như cho liệt

sĩ Phạm Hồng Thái một nén nhang, để đỡ tủi hờn cho người anh hùng ấy.

Rồi đây cũng có không biết bao nhiêu năm mờ hoang như thế sẽ được nằm xuống và bia sẽ được dựng lên ở Âu, Mỹ, Úc, Á, Phi v.v... cũng chỉ để ghi lại một chút gì để nhớ ơn của người xưa. Nếu là danh nhân liệt nữ thì đã có sử xanh ôn lại; còn không họ hàng không thân nhân, không quê hương tổ quốc, chỉ có chùa chiền mới dung chứa nỗi những cảnh cô độc này mà thôi. Vì vậy nhà thơ Huyền Không cũng đã tả trong bài Nhớ Chùa, như sau:

"Biết đến bao giờ trở lại quê
Bâng khuâng lòng gởi nhớ nhung về
Tang thương dầu có bao chẳng nữa
Cũng nguyện cho chùa khỏi tái tê

Chuông vắng nơi nao nhớ lạ lòng
Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung
Mái chùa che chở hồn Dân Tộc
Nếp sống muôn đời của Tổ Tông"

Nam Hoa Thiên tự và Vân Môn tự

Tôi trở về Nam Hoa Thiên Tự nơi Thiên Phái Tào Khê bắt nguồn; cũng như chùa Vân Môn; nơi Hư-Vân Lão Hòa Thượng trụ trì, lần thứ hai, thấy lòng mình nhẹ phơi phơi như gió thu sang. Có lẽ vì con đường xưa này đã qua lại lắm lần; nên lần này tôi không cảm thấy ngỡ ngờ mấy. Hôm ấy là ngày 19.10.1999, phái đoàn chỉ còn lại 16 người và một thông dịch viên; 2 người khác đã sang Hồng Kông trước, đó là Bác sĩ Thị-Minh Văn Công Trâm và Thị-Vân Hồ Thị Kiều. Vì 2 vị này lần trước đã đi rồi; nên lần này muốn qua Hồng Kông sớm hơn phái đoàn là vậy.

Chúng tôi đã đành lễ nhục thân của Lục Tổ Huệ Năng đã có hơn 1.400 năm lịch sử và bên cạnh đó có cả nhục thân của Ngài Đôn Điền và Ngài Hám Sơn nữa. Cảnh cũ vẫn còn đây; nhưng người xưa không còn nữa. Tuy nhiên những pháp âm và nhục thân này của chư vị Tổ Sư đã làm cho chúng con, cả phái đoàn ai ai cũng cảm động về hành hoạt của các Ngài trong quá khứ cách đây đã hơn cả ngàn năm. Giờ đây đứng trước cảnh trí thiên nhiên hùng vĩ và ngôi chùa xưa cổ kính, chúng con lại tìm đến nơi "Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm" của Lục Tổ nơi "phục hổ xứ" và nơi dòng nước Tào Khê vẫn còn luôn luôn tuôn chảy nơi đây. Chúng tôi đã gội nhuần ơn đức của chư Tổ và chúng con đã dùng dòng nước Tào Khê này để rửa lên mặt,

gội lên đầu, nhằm tẩy rửa những vết nhơ của kiếp kiếp nhân sinh.

Nam Hoa Thiền Tự tại Thiệu Quang, Quảng Châu

Đi qua những nơi như Ngũ Quán Đường, Truyền Giới Đường, hay Bồ Đề Thọ v.v... chúng con đã liên tưởng đến dáng dấp của Người xưa. Chắc rằng nơi đây đã in lại những gót chân của Lục Tổ, của Hư-Vân Lão Hòa Thượng và của các bậc Đại Sư từ đạo rừng thiền Bảo Lâm cho đến ngày nay. Mặc cho những tang thương cùng tuế nguyệt; nhưng những hành trạng của các Ngài vẫn không đổi thay, mà còn làm cho tâm tính của nhân sinh, đặc biệt là những người Phật Tử càng ngày càng vọng về nơi Nam Hoa Thiền Tự này để hướng thượng trong pháp môn tu học giải thoát này.

Cùng với Thiện-Tâm tại tháp thờ tóc của Lục Tổ Huệ Năng.

Cùng với phái đoàn tại tháp Tổ.

Cùng với Thiện-Tâm tại Tào Khê Thánh Địa.

Ứng Vô Sở Trụ, nơi Lục Tổ Huệ Năng ứng thân hành đạo.

Chiều hôm đó phái đoàn đã đến chùa Nam Hoa để thăm những nông thiền nơi đây cũng như danh lễ ngôi bảo tháp thờ nhục thân của Đại Lão Hòa Thượng Hư Vân; người đã trụ thế 120 tuổi nơi cõi Ta Bà này. Bây giờ là mùa gặt nên chư Tăng Ni trong Phật Học Viện Vân Môn đã tận lực làm công việc đồng áng này để đảm bảo cho cái đói, cái lạnh về mùa đông. Vì nơi đây ít có khách thập phương đến chiêm bái cũng như cúng dường.

Khi đọc quyển "Hư Vân Lão Hòa Thượng Niên Phổ" chúng con đã quá cảm kích cho cuộc đời của một vị Đại Đạo Sư, đã vì chúng sanh mà không quản ngại mọi khó khăn chông chát trên thân thể của mình. Ví dụ như bị đánh đập, tra tấn bởi quân đội của Cộng Sản, cũng chỉ vì một nguyện vọng duy nhất là không muốn ai làm khổ đến các sinh linh đồ chúng khi họ phát tâm tu hành giải thoát và sau khi đã kiến tạo cũng như trùng tu hàng trăm ngôi chùa đồ sộ nguy nga, Ngài Hư Vân vẫn ở những túp lều tranh đơn giản bên cạnh chùa. Hoặc già từ ra đi đến những nơi cần đến Ngài, không một sự tiếc rẻ. Vì biết rằng tất cả những gì có hình tướng nơi thế gian này đều không hiện hữu mãi, mà phải biến đổi bởi luật vô thường của nhân thế.

Nông thiên tại Vân Môn tự.

Nông thiên.

Phái đoàn tại tháp của Ngài Hư-Vân Lão Hòa Thượng
nằm sau chùa Vân Môn ở Thiều Quang.

Dưới chân tháp Tổ.

Tại Hồng Kông

Chuyến xe lửa từ Thiệu Quang trở về Quảng Châu lúc 11 giờ 38 phút. Sau hơn 3 tiếng đồng hồ đã chuyên chở chúng tôi đến nhà gare chính tại đây. Hôm ấy là ngày 20.10.1999, chúng tôi có kẻ buồn người vui. Vì lễ Thiện-Tâm Lương-Nghị người thông dịch Việt ngữ sẽ về lại với gia đình sau 21 ngày đã đi chung với phái đoàn đến từ Âu Châu, khác ngôn ngữ, khác tập quán. Tuy cũng là người Á Châu và vui vì lễ trong đoàn thể của những người hướng dẫn viên du lịch Trung Quốc bây giờ có thêm một người biết lễ Phật và tạo nên công đức khi đến chùa, chứ không

phải chỉ đến nhìn Phật, rồi nói qua loa ba điều bốn chuyện cho khách lãm du, mà còn biết lễ Phật, bái Phật và cung kính với chư Tăng nữa.

Sau khi xuống xe lửa, chúng tôi đã được người thông dịch hôm trước đến đón đi và Thiện-Tâm Lương-Nghị bây giờ đã chia tay thực sự với chúng tôi. Mọi người trong đoàn ai cũng cảm động. Có nhiều người rưng rưng nước mắt và có nhiều người đã khóc òa lên. Thiện-Tâm Lương-Nghị cũng thế, một người con trai mới lớn tại xứ sở này, sống trong một xã hội Cộng Sản; nhưng bây giờ đã có một đức tin đối với Đạo Phật. Quả là điều hy hữu. Đây là đệ tử thứ 2 của tôi người Trung Quốc. Còn một người khác dạy khí công cũng đã quy y tại chùa Viên Giác Hannover cách đây mấy năm về trước.

Sau khi về lại Đức tôi đã giữ lời hứa, đã có mấy lần điện thoại và Téléfax cho Thiện-Tâm Lương-Nghị và mỗi lần như thế Lương-Nghị đều mở đầu chào bằng câu: Nam Mô A-Di-Đà Phật. Tuy trong phái đoàn nhiều người đã khóc; nhưng đó là một niềm vui chứ không phải là một nỗi buồn. Vì lẽ ai cũng biết rằng trong tất cả mọi người cùng đoàn đã có thêm một người bạn đạo mới.

Xe lửa chạy từ Quảng Châu đến Hồng Kông độ 2 tiếng đồng hồ. Đây là một loại xe lửa tư bản có đầy đủ tiện nghi. Từ Trung Quốc đi Hồng Kông vẫn bị kiểm soát giấy thông hành tại cửa khẩu nhập cảnh. Mặc dầu đã 2 năm rồi, Hồng Kông được trao trả chủ quyền cho Trung Quốc và mới đây vào cuối năm 1999 Macao cũng vậy. Chính quyền Trung Quốc muốn chứng tỏ rằng họ không can dự vào nội bộ của Hồng Kông cũng như của Macao để cho thế giới biết rằng trong một nước có hai chính thể cũng không sao. Thứ nhất để tạo niềm tin nơi người dân tại đó. Thứ hai để mà mắt Đài

Loan, tìm đủ mọi cách để chiêu dụ Đài Loan sau này phải trở về với Trung Quốc; nhưng khi đã trở về rồi; chẳng biết rằng chuyện gì sẽ xảy ra sau đó. Vì lúc bấy giờ mọi việc đã rồi. Chắc gì những nơi này vẫn còn hưởng được chế độ một quốc gia, hai thể chế chính trị như ngày hôm nay.

Đến Hồng Kông chúng tôi đã gặp một người thông dịch tiếng Đức rất nhanh nhẹn và đúng là ở xã hội tư bản. Tay làm, miệng nói, chứ không chậm chạp hay hời hợt như tại Trung Hoa lục địa và anh ta vẫn luôn luôn tự hào anh ta là người Hồng Kông chứ không chấp nhận là một người Trung Quốc. Điều này cũng giống như người Đài Loan, họ vẫn bảo họ là người Đài Loan chứ không phải là người Trung Quốc. Chỉ có chủ nghĩa mà một dân tộc đã có nhiều quan niệm sống như thế thì thử hỏi trong cõi Ta Bà này làm sao không có những trần trở của nhiều kiếp nhân sinh ?

Chúng tôi được đưa đến khách sạn Majestic tại trung tâm Hồng Kông và khách sạn này nằm trên đường Sài Gòn Street. Đúng là một sự trùng hợp, không chờ, không đợi mà đã đến. Ông chủ hãng du lịch đã đãi phái đoàn chúng tôi một bữa ăn tối chay tịnh thật đúng nghĩa để tạ lỗi về những gì đã thiếu sót nơi Trung Hoa lục địa vừa rồi; nhưng chỉ còn lại 6 người dùng tối, còn bao nhiêu vị khác đã cao bay xa chạy ở các tiệm tạp hóa cũng như ra hải cảng hứng gió rồi. Vì lẽ lần này phái đoàn của chúng tôi chỉ ở lại Hồng Kông có một đêm; nên ai nấy cũng lợi dụng thời gian ngắn này để đi Shopping.

Ở đây cái gì cũng có; nhưng giá cả chẳng khác gì Âu Châu. Chỉ có một điều là hoa quả nhiệt đới dễ tìm hơn là những nơi tại Âu Châu. So với giá cả của Trung Hoa lục địa thì ở đây giá gấp 5 đến 10 lần, do vậy mà cuối cùng chẳng có ai mua một món gì cả tại Hồng

Kông, ngoại trừ một số máy móc cần thiết có một số người phải mua tại nơi này, vì Âu Châu không có.

Một đêm ngắn đã qua đi. Đoàn chúng tôi bây giờ lại chia làm 2 nửa. Có 2 vị trở về Việt Nam và trở về lại Âu Châu có 16 vị và để rồi ngày mai 21.10.1999 phải đoàn lại chia nhỏ ra nữa, để người ở Ý thì về Ý. Ở Pháp thì trở lại Pháp. Ở Mỹ trở lại Mỹ. Hòa Lan trở lại Hòa Lan. Trong khi đó một số quý vị ở Đức đã bắt đầu chia tay tại phi trường Amsterdam để trở về Düsseldorf, Hannover và Hamburg.

Phi trường Hồng Kông được mở cửa năm 1998 là một trong những phi trường hiện đại nhất thế giới. Phi trường mới này đã được dời đến gần đảo Lantau, nơi có tượng Thiên Đàng Đại Phật. Phi trường này nằm trong đất liền chứ không nằm ngoài biển như phi trường cũ trước đây; nơi mà máy bay phải đáp trên một phi đạo rất ngắn, đã gây ra nhiều tai nạn chết người. Nơi phi trường cũ này tôi cũng đã có không biết bao nhiêu lần đi và bao nhiêu lần đến, kể từ khi ở Việt Nam sang Nhật trước 1975, hay những năm sau này, khi có cơ hội về lại Á Châu là những dịp tôi phải đổi máy bay tại đây. Nhiều khi chỉ cần có 3 phút để đổi máy bay, nhớ lại mà ngao ngán. Vì lẽ càng lớn tuổi thì không còn có những mạo hiểm với thời gian như thế nữa, mà phải tự chọn cho mình một lối đi thông thả hơn để trở về cõi tỉnh.

Cách kiến trúc của phi trường Oslo - Na-Uy trong hiện tại cũng cũng không khác phi trường Hồng Kông mấy. Đa phần là tốn kém công quỹ của dân chúng; nhưng ai cũng hài lòng. Vì lẽ đây là bộ mặt, là cửa ngõ ra vào của một phi cảng, một thủ đô quan trọng của thế giới.

Tôi đã có cơ hội để qua lại hàng trăm phi trường như thế trên thế giới và đây là cơ hội để so sánh chỗ này chỗ kia như thế nào.

Ngồi trên máy bay từ Hồng Kông trở về lại Amsterdam tôi đã viết một vài bài cho báo Viên Giác và quyển sách này phải chờ đến cuối tháng 12, đầu tháng 1 năm 2000 mới hoàn thành. Đúng là quyển sách phải cưu mang trong hai thế kỷ.

Lời cuối

Tôi bắt đầu viết cuốn sách thứ 28 này vào ngày 25.12.1999 tại Na-Uy và hôm nay là ngày 3.1.2000 tôi viết lời cuối sách trên chuyến tàu tốc hành ICE từ Rottweil miền Nam nước Đức về lại Hannover. Như vậy quyển sách này đã trải qua 3 quốc gia để được hình thành. Đó là Na-Uy, Ý-Đại-Lợi và Đức Quốc.

Tôi viết quyển này vào cuối thế kỷ thứ 20 và đầu thế kỷ thứ 21 mới xong, mặc dầu thời gian chỉ kéo dài hơn một tuần lễ. Thời gian trôi qua nhanh quá, mới đó mà đã hơn 50 tuổi rồi. Tôi phải làm một cái gì đó như người xưa hay Nguyễn Công Trứ đã nói:

*"Nhân sinh tự cổ thùy vô tử
Lưu thủ đản tâm chiếu hãn thanh"*

Người ta càng lớn tuổi, người ta càng trở vào nội tâm nhiều hơn. Nếu ai vẫn còn mãi rong chơi trong vòng luân hồi sanh tử không tìm lối để về quả là điều thiếu sót đáng trách vậy. Nhưng đời là gì nhỉ ? Mới hôm qua đây được trọng vọng, hoan hô, ca tụng hết lời và ngày nay hay ngày mai trở thành đối tượng cho người khác nguyên rủa. Quả là một điều không tưởng và không có một giá trị nội tại nào đáng giá cả. Ví dụ Thủ Tướng Kohl khi còn tại nhiệm vào tháng 11 năm 1989 đã thống nhất Đông-Tây Đức không một giọt máu đào, đã biến Cộng Sản thành chủ nghĩa Quốc Gia và thế

giới đã ca tụng ông ta như một người của thế kỷ thứ 20. Nhưng năm 1998 khi Đảng SPD lên thay thế và cho đến bây giờ sau hơn một năm cầm quyền cũng chẳng có gì hơn đảng cũ đã làm; nhưng họ muốn chứng minh cho đảng mình làm đúng cũng như giành lại những ghế đã mất; nên họ đã không tương nhượng nhau nữa và khui ra những lỗ hổng khổng lồ về kinh tế, về việc nhận tiền ủng hộ của các hãng xưởng cho Đảng CDU và đã làm cho thần tượng của Kohl bị sụp đổ. Nó sụp đổ ngay tại chính trường này và nó sụp đổ ngay trong lòng nhiều người đã tôn thờ ông ta.

Trở về lại chính trường Trung Quốc cũng thế. Khi còn Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình cũng đã bao lần lên voi xuống ngựa. Có lúc đưa đến thượng đỉnh của công thần; nhưng nhiều khi cũng chỉ còn là một người tù bị đày, đi hốt phân của ngựa; nhưng cuối cùng rồi thời thế cũng đã tạo cho Đặng Tiểu Bình một bộ mặt mới và đặc biệt là bộ mặt của Trung Quốc của hơn 20 năm nay. Cũng có thể nói gọn một câu: Nếu không có Đặng Tiểu Bình thì không có Trung Quốc ngày nay vậy. Điều ấy chứng tỏ rằng cũng một con người đó mà qua năm tháng đã đổi thay, họ sẽ trở thành biểu tượng của dân tộc và nhiều khi cũng trở thành một tội đồ của dân tộc.

Cuối tháng 12 năm 1999 vừa qua tại Mỹ Quốc đã xôn xao về sự kiện của Y2K và khắp nơi trên thế giới đã chuẩn bị cho một vận hội mới của thế kỷ thứ 21 này với nhiều lo toan và khổ tâm không biết lối nào mà mở cửa. Ai có thể đóng góp một vai trò to lớn vào những sự kiện trọng đại này? Thế rồi ngày 31.12.1999 cũng đã qua và hôm nay là ngày 3.1.2000 cũng đã đến, con

người lại hướng đến một cái gì mới mẻ hơn; nên cứ mãi kiếm tìm trong dòng đời hư ảo ấy.

Vào tháng 11 và tháng 12 năm 1999 vừa qua, tại Việt Nam đã chứng kiến trận lụt kinh hồn của lịch sử; rồi chết chóc, rồi tang thương, rồi cứu trợ, rồi giúp đỡ từ mọi miền của đất nước và của mọi người Việt Nam đang tỵ nạn ở Âu, Úc, Á, Mỹ v.v... để rồi một Việt Nam hôm nay như một chiếc áo rách tả tơi, đã bị rách bởi chiến tranh, nghèo đói, bây giờ lại còn thảm thương hơn thế nữa, khi đã trải qua 2 trận lụt vừa qua. Rồi còn gì xảy ra nữa cho thế giới này thì người ta chưa biết được; nhưng chắc chắn một điều là thế giới đang đi vào cõi hoại diệt, chứ không đi vào sự phát triển như bao nhiêu người đã lầm tưởng. Con người càng ngày càng ích kỷ hơn và ai chết nấy chịu, chứ ít ai chịu quan tâm đến những khổ đau của người khác, ngoại trừ một số quốc gia giàu có đang mở rộng lòng từ cũng như những tôn giáo đã mở rộng vòng tay để đón nhận biết bao nhiêu tâm hồn sa cơ thất thế ấy.

Lụt lội, nạn sụt đất, cháy rừng, địa chấn, đói rét, nghèo nàn đã làm cho hơn 6 tỷ người trên quả địa cầu này lo toan không ít. Rồi đây quả địa cầu này sẽ đổi thay nữa và từ từ nhân loại sẽ đi đến chỗ diệt vong. Dĩ nhiên không phải là ở thế kỷ thứ 20 này, mà là ở những tháng năm còn lại. Có thể trong mười ngàn năm tới, hay một trăm năm hay một triệu năm như trong giáo lý của Phật Giáo đã dự đoán.

Mặc dầu thế giới có đổi thay như thế, nhưng nhờ những di tích lịch sử để đời của các tôn giáo và của các dân tộc, mà ngày nay chúng ta còn có cơ hội để đến đó, đến đây thăm viếng, học hỏi và tìm hiểu về những gì đã được tạo thành trong thời quá khứ. Nếu không có

những cái cũ ấy thì chắc rằng những cái mới ngày nay nó không có giá trị nữa.

Tôi đi Trung Quốc đã 2 lần và mỗi lần 21 ngày, như thế cũng chưa đầy đủ lắm. Nếu muốn đi Trung Quốc để thăm một số nơi có những di tích lịch sử như động Đôn Hoàng; nơi Lâm Tế đã hành đạo. Nơi các vị Tổ Tịnh-Độ Tông như các Ngài Huệ Viễn, Vĩnh Minh v.v... thì người ta phải cần ít nhất 4 lần 21 ngày như thế mới có thể đi hết được; nhưng với tôi, có lẽ thời giờ không còn nhiều nữa; nên sẽ tạm dừng bước chân lữ du tại nơi này và trong tương lai tôi sẽ không còn tổ chức những chuyến đi chung như thế nữa để đi thăm các thánh tích cũng như Tứ Đại Danh Sơn, mà công việc này sẽ nhờ quý Thầy đệ tử của tôi đảm trách. Còn phần mình sẽ từ từ đi về trong trạng thái độc nhất nhiều hơn là phải dành nhiều thì giờ để đi ra ngoài như bấy lâu nay.

Thời gian còn lại 5, 10, 15, 20 năm hay hơn thế nữa của đời mình tôi cố gắng đọc kinh, niệm Phật và đi sâu vào những ý nghĩa nhiệm màu của giáo lý giải thoát nhiều hơn. Vì 25 năm làm việc ở ngoại quốc; ở xứ Đức này là 25 năm tận hiến cả khối óc và sức người. Nếu không biết dừng lại ở một thời điểm đáng dừng thì không biết đến bao giờ mới có sự nghỉ ngơi trong 6 nẻo luân hồi này.

Người ta có thể chết đi; nhưng những gì họ đã làm và đã truyền đạt lại cho hậu thế chắc chắn rằng sẽ luôn tồn tại. Dầu cho thế sự có đổi thay, hay cõi này có còn đây hay sẽ mất. Vì công đức ấy tuy không có hình tướng; nhưng đã là một ý niệm thì ý niệm ấy phải luôn luôn tồn tại như sự hiện hữu của một dòng điện, sự

hiện diện của một vì sao, hay sự hiện hữu của một thiên hà.

Mỗi chúng sanh là một phần tử của kiếp nhân sinh này. Nếu không có ta, thế giới này vẫn tồn tại và nếu có thêm ta thì sự tồn tại ấy cũng chẳng ảnh hưởng gì; nhưng đã là một hạt cát đối với một dòng sông thì tự thể của nó không tự tạo nên giá trị của một dòng sông được. Tuy nhiên thể lượng cũng như sự hiện hữu của hạt cát tuy nhỏ nhoi ấy; nhưng cũng rất quan trọng vô cùng. Vì thế giới này vô thủy và kết cuộc bằng chỗ vô chung.

Bầu trời hôm qua ở Ý Đại Lợi thì sương mù đến nổi ở gần trước mặt mà cũng không biết là ai, và hôm nay bị ảnh hưởng của trận bão, ở Rottweil miền Nam nước Đức tuyết đã rơi hơn một thước. Cây cối, trụ điện đường gãy đổ lung tung. Mọi sự giao thông đều bị gián đoạn khiến cho ai nấy cũng lo sợ, không biết rằng một mai đây sẽ ra sao. Và bây giờ trên chuyến tàu tốc hành này tôi đã đi về hướng Bắc của nước Đức, đã không có một giọt tuyết nào đọng lại trên đọt cây ngọn cỏ cả. Quả là thời tiết đã đổi thay và lòng người cũng chỉ như thế là cùng.

Dầu sao đi nữa một cuộc đời Tăng Sĩ của tôi như thế đã quá đầy đủ để kết luận rằng nhờ nhân duyên của Phật Pháp nên đã đưa đẩy tôi đến nơi chốn này và từ một con người không có gì hết để rồi đi đến chỗ có tất cả trong sự giới hạn của nó và để rồi một ngày nào đó sẽ không còn một cái gì cả nơi cõi đời này; chính lòng tôi cũng sẽ lại hỉ hoan. Vì mình đã trải qua nhiều giai đoạn trong cuộc đời của một sự sống, mà sự sống ấy dù dở dù hay tôi cũng đã tạo cho mình hay đã giúp

đỡ tha nhân bước vào được cửa ngõ của đạo. Trong cuộc đời làm việc đạo của tôi có 90 - 95 phần trăm là thuận duyên. Tuy chỉ có 5 - 10 phần trăm là nghịch cảnh; nhưng tôi vẫn luôn tâm niệm và hứa với lòng mình rằng: "Hãy cố gắng để trở thành như một dòng sông, có khả năng chuyên chở những trong đục của cuộc đời và nguyện cho đời mình sẽ là mặt đất để hứng chịu những sạch nhơ của nhân thế".

Đó là lời nguyện của tôi khi thực hành con đường Bồ Tát Đạo và mong rằng đây là một lời nguyện nho nhỏ để chuyên chở những chúng sanh vô tình cũng như hữu tình về một thế giới cao cả giải thoát khác.

Hoa nở để rồi tàn, trăng tròn để rồi khuyết. Người còn để ly biệt. Đó là một chân lý nhiệm mầu mà chắc chắn rằng ai trong chúng ta cũng phải lưu tâm để làm một cái gì đó trong cuộc đời mình cho thật có ý nghĩa vậy.

Ngày xưa nhân loại chưa phát triển, thế giới còn đóng khung trong một giới hạn nhất định nào đó và bây giờ thế giới đã trở thành đại đồng cho mọi dân tộc thì chắc rằng sự suy nghĩ, hành động cũng như thể hiện ở nhiều hình thái khác nhau, chứ không nhất thiết chỉ ở một chiều.

Tôi mong gì nơi quý độc giả và quý độc giả mong gì ở nơi tôi? Tôi chỉ là một người Tăng Sĩ bình thường, có những suy nghĩ cũng rất đơn giản, lời văn cũng rất chất phác, mộc mạc, nghĩ sao viết vậy mà thôi. Do đó sự khen chê của quý vị chắc chắn không thể nào không có. Do vậy mà tác phẩm này cũng chỉ là một tác phẩm nhỏ của tôi và biết đâu sẽ giúp cho quý độc giả một

chút gì hiểu biết về một đất nước Á Châu có hơn 5.000 năm văn hóa đó, mà Phật Giáo đã đóng góp một cách sâu sắc, thiết thực nhất trong cuộc sống của mọi người.

Lời cuối sách này như một lời nguyện cầu của tác giả đến với quý độc giả là quyển Vọng Cổ Nhân Lâu này như là một tưởng niệm đến những người xưa và biết đâu ngàn năm sau nữa cũng có một quyển sách nhan đề như thế này để tìm lại một cái gì đã hiện hữu nơi mấy ngàn năm trước đã có trong kho tàng văn hóa của Á Đông. Đó là Đạo Phật.

*Viết xong vào ngày 3 tháng 1 năm 2000
trên chuyến xe lửa tốc hành từ Rottweil
hướng về Hannover*

Tác giả cẩn chí

Mục Lục

Lời mở đầu	1 - 9
Những ngày ở tại Bắc Kinh	11 - 26
Những ngày tại Cửa Hoa Sơn	27 - 50
Đến Nam Kinh	51 - 58
Tại chùa Kim Sơn và Vô Hy	59 - 69
Tô Châu	71 - 84
Trên đường đi đến Thượng Hải	85 - 92
Đến nơi Đường Minh Hoàng du nguyệt điện	93 - 98
Tại Tào Ngự Than	99 - 106
Hướng đến Nga Mi	107 - 120
Tượng Phật Lạc Sơn	121 - 139
Quảng Châu thành	141 - 150
Nam Hoa Thiên tự và Vân Môn tự	151 - 158
Tại Hồng Kông	159 - 162
Lời cuối	163 - 169



